BÁCH KHOA

SỐ 86 — NGÀY 1-8-1960

KHẢO-LUẬN

NGUYỄN-PHÚC-SA	Thay thế người ngoại-quốc trong lãnh-vực kinh-tế.
NGUYỄN-ANH-LINH	Nguồn gốc tôn-giáo.
PHẠM-HOÀNG	Dòng tư-tưởng : Thiên-chức của người đàn bà.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Ai sẽ đắc-cử Tổng-thống Hiệp-Chúng-Quốc thứ 36 ? Kennedy ?
NGUYỄN-VĂN-HẦU	Thi-ca và cuộc đời của nhà cách-mạng Nguyễn-Văn-Diêu.
CÔ-LIÊU	Một vài nhận xét về : Tình-trạng gia-đình Việt-Nam.
ĐOÀN-THÊM	Trang nhật-ký.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Mustapha Kémal, một nhà cách-mạng.
BỬU-KẾ	Một hạng người tàn theo một triều-đại.
NGUYỄN-TRẦN-HUẤN	Thành-tích 50 năm khoa-học.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

TƯỜNG-LINH	Biến đổi.
ÁI-LAN	Tình thu.
HÀ-VÔ-HOÀI	Sợ lửa.
ĐOÀN-THÊM	Vơ vẩn.
NGUYỄN-CHÂU (dịch H.L. Welch)	Đợi chờ.
NGUIỄN-NGU-Í	Bài thơ bên thác.
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	Thăng Thu.

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh "Eau de Vie củ" 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Tửu"

— Rượu Tàu "Ích-Thọ-Tửu"

SI-RÔ "Verigoud" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh Bưởi

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm Distarome

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

NƯỚC HOA và DAU THƠM « D.I.C. »

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

♂ **NAM-PHẦN** : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (**S.F.D.I.C.**)
135, đường Pasteur — SAIGON

♂ **TRUNG-PHẦN** : CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG*

HÃNG RƯỢU **NHIỀU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

PHÒNG

UỐN

TÓC

★

SỬA

SẮC

ĐẸP

BẢO AN

213[D] Tự Do
SAIGON

DU - NGOẠN HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

TỔ - CHỨC

NHỮNG CUỘC DU - NGOẠN CUỐI TUẦN

ĐI HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

1) Du-ngoạn 2 ngày ở HUẾ

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở HUẾ trở về chiều Chúa - Nhật : 16g50

Giá tính chung **3.000$** mỗi người

2) Du - ngoạn 3 ngày ở HUẾ và ĐÀ - NẴNG

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở ĐÀ - NẴNG trở về chiều Thứ Hai : 13g45

Giá tính chung **3.400$** mỗi người

kể cả tiền vé phi - cơ khứ - hồi, ăn ở, du - ngoạn có hướng - dẫn - viên.

Mỗi cuộc du - ngoạn cần số người dự ít lắm : 5 người

XIN HỎI CHI-TIẾT và LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES

GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SHELL

Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và TRONG NHÀ

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.

- Chất để pha trộn, Acétone, glycérine, toluène
- Xà-bông nước hoá-học
- Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin, Aldrin, Endrin, trừ các loài sâu bọ cắn hại mùa màng
- Hơi Butagaz để đun bếp vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi
- Thuốc sát trùng Shelltox, mùi dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN-HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MAY VIỄN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU

PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine

78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

THAN ĐÁ NÔNG-SƠN

Than đá Nông-Sơn là một nguồn lợi mới mẻ tối quan-trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều khiển của kỹ-sư và kỹ-thuật gia Việt-Nam, Nông-Sơn tăng gia sản-xuất để góp phần độc-lập kinh-tế.

Than nguyên khối đào ở mỏ năm 1956 chỉ có 2.104 tấn. Đến năm 1963 Nông-Sơn sẽ cung cấp 230.000 tấn, và số nhân-công từ 135 người sẽ lên đến 1.200 người.

Kỹ-nghệ mới này cũng như các kỹ-nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ-gìn dụng-cụ.

HÃNG DẦU STANVAC
góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBILOIL — MOBILDIESEL, v.v...

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS CHOLON

COTAB

VIRGINIE

GIÁ BÁN 18 $

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

SERVICE

DENIS FRÈRES agrée I.A.T.A
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng.
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon

Toutes Opérations de Banque et de Change.

BÁCH-KHOA

Số 86 — Ngày 1-8-1960

		Trang
NGUYỄN-PHÚC-SA	*Thay thế người ngoại-quốc trong lãnh-vực kinh-tế*	3
NGUYỄN-ANH-LINH	*Nguồn gốc tôn-giáo*	9
PHẠM-HOÀNG	*Dòng tư-tưởng : Thiên-chức của người đàn bà*	14
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Ai sẽ đắc-cử Tổng-thống Hiệp-Chúng-Quốc thứ 36 ? Kennedy ?.* .	15
NGUYỄN-VĂN-HẦU	*Thi-ca và cuộc đời của nhà cách-mạng Nguyễn-Văn-Diêu*	21
CÔ-LIÊU	*Một vài nhận xét về : Tình-trạng gia-đình Việt-Nam*	28
ĐOÀN-THÊM	*Trang nhật-ký*	37
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Mustapha Kémal, một nhà cách-mạng.*	45
BỬU-KẾ	*Một hạng người tàn theo một triều-đại.*	59
TƯỜNG-LINH	*Biến đổi (thơ)*	65
ÁI-LAN	*Tình thu (thơ)*	66
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	*Thành-tích 50 năm khoa-học* . . .	67
HÀ-VÔ-HOÀI	*Sợ lửa*	73
ĐOÀN-THÊM	*Vơ vẩn (thơ)*	78
NGUYỄN-CHÂU (dịch K.L. Welch)	*Đợi chờ.*	79
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	*Thắng Thu*	84
NGUIỄN-NGU-Í	*Bài thơ bên thác*	92

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Phi-châu độc-lập.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Lại nói chuyện về thơ có thể và thơ tự-do.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Mustapha-Kémal II.*
NGUYỄN-BẠT-TỤY	:	*Nghề chài lưới trong ngôn-ngữ*
H. Đ.	:	*Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.*
NGUYỄN-VĂN-HẦU	:	*Thi ca và cuộc đời của nhà cách-mạng Nguyễn - Quang - Diêu.*
TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ	:	*Đôi nhận-xét về âm-điệu Vọng-cổ.*
THIỆN-SINH	:	*Những trang sử phần-thư.*
CÔ-LIÊU	:	*Những phương thuốc trường sinh của người xưa.*
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	:	*Tổ-chức tế-bào.*
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM	:	*Vấn - đề PHẠT trẻ em trong phương pháp giáo dục hiện tại.*
NGỌC-SƯƠNG	:	*Một mầm non.*
VŨ-HẠNH	:	*Vàng Hời (truyện ngắn).*
XUÂN-TÙNG	:	*Trận banh đầu (truyện ngắn)*
BỬU-KẾ	:	*Thằng khờ (truyện ngắn)*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Mưa (truyện dịch)*
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	:	*Xóm mới (truyện ngắn)*
PHAN-DU	:	*Hoàng « tiên-sinh ». (truyện ngắn)*
NGUIỄN-NGU-Í	:	*Bảy ngày chung sống với anh chị em sinh-viên trại Đại-học Hè 1960 (hồi-kí).*

THAY THẾ NGƯỜI NGOẠI-QUỐC

TRONG LÃNH-VỰC KINH-TẾ

NGUYỄN-PHÚC-SA

TẠI các nước mới thâu hồi chủ quyền sau khi lật đổ nền thống trị thực dân như nước ta, vấn đề thay thế người ngoại quốc trong lãnh vực kinh tế đặt ra một cách cấp bách. Người ta thường nói độc lập chánh trị chỉ có ý nghĩa khi chủ quyền được sử dụng để cải thiện đời sống dân chúng. Chế độ thực dân ở đâu cũng đi đôi với chính sách bóc lột và kìm hãm. Công dân chính quốc được nâng đỡ để nắm giữ, gần như những độc quyền, các ngành hoạt động có lợi ; hầu hết số lợi phân phát cho người ngoại quốc, với tư cách là doanh nhân hoạt động tại chỗ hay người xuất vốn cư ngụ ở ngoài xứ. Nhiều tài nguyên không được khai thác để khỏi cạnh tranh với kỹ nghệ chính quốc. Nước ta lại còn đèo thêm cái ách người ngoại quốc được hưởng quy chế ưu đãi, thường đóng vai trung ương thương mãi.

Tình trạng nghịch lý này không thể tồn tại trong một nước độc lập, nhưng tự nó không tiêu tan khi chế độ thực dân sụp đổ. Công cuộc tranh thủ độc lập kinh tế, tuy không đầu rơi máu chảy như chiến tranh giải phóng, cũng không kém phần gay go mà có khi còn đòi hỏi tinh thần bền bỉ hơn. Độc lập kinh tế ở đây có nghĩa là người mình nắm giữ phần lớn hay toàn thể những địa vị then chốt trong các hoạt-động sản xuất, phân phối, tiêu thụ. Như vậy không có nghĩa là loại trừ ngoại kiều trong bất cứ một phạm vi nào.

Ta cần phân biệt thẩm quyền kinh tế tài chánh và hoạt động kinh tế. Thẩm quyền đương nhiên thuộc về Chính-Phủ Quốc-Gia. Thí dụ việc phát hành tiền tệ, định thể lệ hối đoái, ngoại thương, nội thương. Sử dụng những thẩm quyền trên,

Chánh-Phủ có thể đào tạo điều kiện thuận tiện để đồng bào ta có thể kinh doanh. Độc quyền thực tế hay trá hình của ngoại nhân không còn nữa. Đồng bào lại được nâng đỡ để có thể đảm đương công kia việc nọ, với mục đích cạnh tranh với người ngoại quốc hay dành lại thị trường Việt Nam.

Biện pháp giản dị nhứt đã áp dụng tại một vài nơi là quốc hữu hóa các xí nghiệp của ngoại kiều. Thực ra biện pháp này không phải là sáng kiến của các quốc gia mới thâu hồi độc lập, có tính cách trừng phạt đối với những tàn tích của chế độ thực dân. Tại nhiều nước tân tiến, việc quốc hữu hoá có thể là kết quả của nhiều sự trạng khác nhau. Lý do thường được viện dẫn để chứng minh biện pháp quốc hữu hoá là quyền lợi tối cao của quốc-gia. Thí dụ kỹ-nghệ khí-giới chiến tranh. Ở Anh-quốc, sau đại chiến thứ hai, Chánh-phủ đảng Lao-động đã quốc hữu hoá rất nhiều ngành hoạt động căn bản. Ở Pháp, ngoài lý do lợi ích quốc-gia, chánh-phủ còn xung công các xí nghiệp của những người đã cộng tác với Đức-Quốc-xã hay khi tư nhân không đủ năng lực duy trì mức hoạt động thích nghi. Tại các nước hậu tiến, biện pháp quốc hữu hóa thường có hại hơn là có lợi. Chánh-phủ Mossadegh ở Ba-Tư, sau khi cưỡng thâu các mỏ dầu, đành phải đóng cửa nhà máy. Tại các nước khác, việc quản trị các xí nghiệp tịch thâu của ngoại kiều đã không giữ được hiệu quả trước kia. Đó là trường hợp Nam-Dương hay Cuba. Từ khi quốc hữu hóa các đồng mía và nhà máy đường, Cuba đã phải tăng giá đường nên mất một số khác hàng ngoại quốc. Lại nữa, các nước hậu tiến còn cần kêu gọi thêm tư bản ngoại quốc vào đầu tư để khai thác các nguồn lợi mới, mở mang nền kinh tế. Việc quốc hữu hóa, dù là đối với các xí nghiệp thực dân cũ, cũng làm cho người có vốn dè dặt.

Sự thay thế người ngoại quốc phải là khởi điểm cho công cuộc khuếch trương. Như vậy phải làm thế nào để ít nhứt giữ nguyên mức hoạt động và sản xuất như trước và lần lần tỷ số quyền lợi mà người bản xứ chiếm ưu thế. Ngược lại, khi đồng bào ta bắt đầu cạnh tranh với những xí nghiệp ngoại quốc hiện hữu, ta cần xét xem sức sản xuất trong ngành đã được tận dụng chưa và thị trường trong nước hay ngoài nước có tiêu thụ hết các phẩm vật sản xuất thêm lên không. Ta không nên quên rằng nếu thị trường đã được thoả mãn đầy đủ, xí nghiệp mới mở sẽ cạnh tranh trong những điều kiện rất bất lợi. Biện pháp cấm ngoại kiều hành sử một số nghề nghiệp không thể lạm dụng được. Mặt khác, đối với một nước hậu tiến, khả năng đầu tư có thể hướng vào nhiều lãnh vực mới Nếu chỉ thấy rằng một xí nghiệp ngoại quốc kiếm được nhiều lời trong một ngành sản xuất mà đồng bào ta vội nhảy vào, trong khi không chú trọng đến nhược điểm của mình hay khả năng của thị trường, ta sẽ dễ đi đến thất bại. Các nhà sản xuất thuốc lá (thuốc điếu) đã trải kinh nghiệm chua cay gần đây vì không nhận định những sự kiện kể trên.

Danh từ thay thế cần phải hiểu một cách linh động theo trường hợp.

Nếu là những ngành hoạt động quan hệ cho an ninh quốc gia, đời sống của dân chúng mà lại ở tình trạng xung mãn rồi, lẽ tất nhiên ngoại kiều cần phải loại ra để dành cho

người bản xứ. Vì ngoại kiều có thể hành động có hại cho quyền lợi chung. Mặt khác, nếu để song song doanh nhân bản xứ và ngoại quốc, số giao dịch của mỗi người sẽ nhỏ quá, bộ máy sản suất hay phân phối trở nên nặng nề, giá sẽ lên cao ; một tình trạng phản kinh tế được tạo ra, thiệt cho người tiêu thụ. Thí dụ nghề xay lúa, bán chạp phô, bán thịt v v...

Trường hợp thứ hai, ngành hoạt động còn có thể khuếch trương được, như việc trồng cao su chẳng hạn. Vấn đề không phải là mua lại những đồn điền cao su mà là trồng thêm diện tích, trồng thêm cho đến khi tổng số diện tích thuộc quyền sở hữu người Việt vượt số diện tích của ngoại kiều. Như vậy, với đa số sản xuất, đồng bào ta sẽ kiểm soát được tình thế thị trường cao su trong khi nền kinh tế nước nhà được mạnh thêm nhờ số lượng sản xuất nhiều hơn trước. Ngành ngân hàng, bảo hiểm cũng ở trong trường hợp này

Trong trường hợp thứ ba, sức sản xuất ở trong tay ngoại kiều đủ cung cấp thị trường trong nước hay xuất cảng rồi. Tuy nhiên ngành hoạt động không tối cần thiết cho đời sống quốc-gia để phải cấm ngoại kiều hành nghề. Thí-dụ : ngành chế biến thuốc hút. Mở thêm nhà máy do người mình chủ trương sẽ đi đến chỗ cạnh tranh tốn phí hay bế tắc. Thái độ thích hợp nhứt là làm thế nào để người Việt-Nam dần dần dự phần vào các xí nghiệp ấy và nếu có thể được, nắm đa số cổ phần để kiểm soát hoạt động. Những danh nhân ngoại quốc sáng suốt cũng không mong gì hơn là được sự hiệp tác của người mình để căn bản xí nghiệp cũng chắc hơn.

Dù sao, chúng ta sẽ đạt được kết quả tối hậu là doanh nhân của ta kiểm soát toàn thể tình hình kinh-tế trong khi tư bản ngoại quốc vẫn có lợi để góp phần vào công cuộc phát triển nước nhà. Kết quả này có thể đòi hỏi một thời gian dài ; nhưng như trên đã nói, sự tranh đấu để dành chủ quyền kinh tế thường còn dai dẳng hơn sự tranh đấu dành độc lập.

Địa vị ưu thắng của một số ngoại kiều trên nước ta là kết quả của chế độ thực dân. Từ khi ta dành lại chủ quyền, mặc dầu ta hoan hỉ tiếp nhận tư bản ngoại quốc vào nước ta kinh doanh, những sự kiện ấy sẽ không tái diễn được nữa, vì bằng cách này hay cách khác, ta có thể hợp tác trong các cuộc đầu tư mới này.

Để thanh toán hậu quả của chế độ thực dân, bằng cách thay thế người ngoại quốc trong lãnh vực kinh tế — thay thế hiểu theo định nghĩa trên đây — đồng bào ta đã ghi được những thành tích gì và đã gặp những khó khăn gì ?

Dụ số 53 ngày 6-9-1956 cấm ngoại kiều hành xử 11 nghề sau đây : — buôn bán cá và thịt, — buôn bán chạp phô, — buôn bán than, củi, — buôn bán dầu xăng, dầu lửa và dầu nhớt (trừ các hãng nhập cảng), — cầm đồ bình dân, — buôn bán vải sồ, tơ lụa (dưới 10.000 thước tính chung các thứ), chỉ sợi, v.v...), — buôn bán sắt, đồng, thau vụn, — nhà máy xay lúa, — buôn bán ngũ cốc, — chở chuyên hàng hóa hay hành khách bằng xe hơi, tàu hay thuyền, — trung gian ăn huê hồng.

Trong thực tế, đại đa số nếu không hầu hết ngoại kiều hành xử 11 nghề trên trước kia là Hoa-Kiều. Một số nghề đã lọt vào tay ngoại quốc, không phải vì họ

được thực-dân che chở, mà chính vì đồng bào ta không thiết đến. Đó là tình trạng riêng cho Nam-Phần. Nhờ đất rộng dân thưa, đồng bào lao động trong Nam đã có một đời sống phong túc, nhờ nông nghiệp, không cần cực nhọc lắm hoặc cạnh tranh ráo riết với ai. Các đồn điền cao-su đã phải mộ nhân công ngoài Bắc đưa vào, chính vì không tìm được nhân công tại chỗ. Nhiều cửa hàng ở Saigon do đồng bào Bắc hay Trung chủ trương. Ngược lại, ở Bắc trước kia, số Hoa-Kiều bán thịt hay chạp phô rất ít so với người mình. Nhìn qua các nước lân bang, ta thấy biện pháp của Dụ ngày 6-9-1956 đã rất khoan hồng, vì số nghề bị cấm đoán vẻn vẹn có 11 và nhà làm luật còn dự liệu nhiều trường hợp để ngoại kiều khỏi bỗng nhiên mất sinh kế. Chánh-Phủ Lào cấm ngoại kiều làm lối 100 nghề và gần đây Chánh-Phủ Cambodge mới cấm thêm ngoại kiều hoạt động trong ngành bảo hiểm mặc dầu người Mên chưa có cơ sở để thay thế.

Việc ước-lượng kết quả của Dụ ngày 6-9-1956 rất khó vì Dụ ngày 29-8-1956 quy định quốc tịch của Hoa-Kiều sinh trên lãnh thổ Việt-Nam. Trước ngày đó, số Hoa-Kiều tức là người ngoại-quốc, lên tới hơn 500.000 ; nay số Hoa-Kiều còn giữ quốc tịch Trung-Hoa chỉ lối hơn 2.000. Ta không được biết rõ trong số những người đã nhập Việt tịch, bao nhiêu người làm những nghề bị Dụ ngày 6-9-1956 cấm đoán. Và nếu không có Dụ ngày 29-8 1956 hay nếu nhiều Hoa-Kiều vẫn giữ quốc tịch Trung Hoa, tình trạng trong 11 nghề kể trên sẽ như sao ?

Tuy vậy một thí dụ cụ thể cho ta thấy rằng người mình có thể thay thế và làm hơn người ngoại quốc. Tôi muốn nói đến việc chuyên chở bằng xe buýt ở Saigon. Ai cũng phải công nhận Công-quản chuyên chở công cộng có nhiều sáng kiến và tinh thần phục vụ quần chúng hơn nhà thầu Pháp trước kia. Dĩ nhiên ta còn chờ mong những sự tăng tiến khác nữa và những người đã từng sống ở ngoại quốc không khỏi nhận thấy một vài khuyết điểm. Nhưng xét một cách khách quan, cố gắng của ban giám-đốc và nhân viên công-quản phải đi đôi với tinh thần kỷ luật của quần chúng mới đi đến chỗ hoàn hảo được.

Loại thứ hai gồm những hoạt động trước đây ngoại kiều gần như nắm độc quyền mà ngày nay luật lệ của ta không cấm đoán họ. Đồng bào ta đã cố gắng rất nhiều, tuy vậy có lẽ còn lâu mới nắm được ưu thế.

Trong ngành chuyên chở bằng đường thủy, dưới thời Pháp thuộc, ta phải khâm phục óc kinh doanh và chí quật cường của Ông Bạch-Thái-Bưởi, mặc dầu đội kỳ của Ông chưa có dịp phất phới trên biển cả và sau một thời gian ông lại soay nghề khác. Cách đây gần 10 năm, Nha Hỏa-Xa đã mua 2 tàu nhỏ chạy đường biển từ Nam ra Bắc, nhưng rốt cuộc cũng không duy trì được.

Gần đây hãng Hàng-Hải Thương-Thuyền của Ông Nguyễn-Văn-Bửu đã thành lập một đội thương thuyền đáng kể và có nhiều triển vọng. Những tàu này thuộc loại nhỏ, chạy trên các đường nối liền Việt-Nam với các nước láng giềng Đông-Nam-Á. Lượt đi chắc chắn có đủ hàng, nhờ sự xuất cảng của ta nhưng lượt về có thể khó kiếm hàng vì lẽ ta thường nhập cảng hàng của các nước tân tiến, có đội thương thuyền phong phú, chạy khắp năm châu.

Các đồn điền cao su lớn, sản xuất nhiều đều ở trong tay người Pháp. Tổng số sản xuất của các vườn cao su thuộc quyền sở hữu của đồng bào ta chỉ chiếm lối 10 phần trăm. Sự thực thống kê diện tích và sản xuất các vườn này không được chính xác. Năng xuất cũng kém xa đồn điền Pháp.

Trong ngành xuất nhập cảng, đã có lúc thương gia người Việt xô vào rất nhiều, khiến chính quyền phải áp dụng những biện pháp hợp lý hóa nghề này. Hiện thời chỉ còn khoảng 400 nhà xuất nhập cảng Việt-Nam : con số này nay mai còn giảm đi nữa vì những nhà xuất nhập cảng dưới số thương vụ tối thiểu sẽ không được tiếp tục giữ môn bài.

Trong lãnh vực ngân hàng, một ngành rất quan hệ cho hoạt động kinh tế, sự tiến bộ của ngân hàng Việt-Nam rất đáng mừng. Ba ngân hàng Việt đã chiếm 34 phần trăm tổng số giao dịch năm 1958 và lối 37% năm 1959, kỳ dư là phần của 8 ngân hàng ngoại quốc.

Sau hết phải kể đến loại hoạt động trong đó người mình chưa nắm được phần nào. Tiêu biểu cho loại này là các công ty dầu lửa. Nước ta chưa tìm thấy mỏ dầu, công-ty ngoại quốc thiết lập trên lãnh thổ Việt-Nam chỉ giữ vai trò thương mãi. Thị-trường của ta tương đối nhỏ nên chưa thể nghĩ đến việc cất nhà máy lọc dầu lớn lao. Có nhà máy lọc rồi, ta vẫn phải nhập cảng dầu sống, Ai cũng biết vấn đề này không phải dễ giải quyết. Công ty dầu là những thế lực tư bản quốc tế rất mạnh, có mặt khắp nơi. Giữa các công-ty với nhau, sự cạnh tranh rất ráo riết, có khi khốc liệt. Nhưng trước những toan tính động chạm đến quyền lợi chung của họ, họ sẽ đoàn kết mau lẹ để phản công mãnh liệt. Cho nên ngoài chánh-phủ, không một nhóm tư nhân nào khả dĩ hợp tác một cách bình đẳng hay đương đầu thắng lợi với các công-ty ấy được.

Nói tóm lại, trong vấn đề thay thế ngoại kiều để giữ phần chủ động trên sân khấu kinh tế, ta nhận thấy tất cả đặc điểm của vấn đề khuếch trương kinh tế nói chung, tư nhân của ta ít vốn, lại chưa giầu kinh nghiệm tổ-chức và điều khiển doanh nghiệp đại quy mô. Những sự giao dịch thương-mãi chỉ có thể trở nên vững chắc với thời gian. Tạo điều kiện thuận lợi cho công dân kinh doanh bằng các luật lệ, nâng đỡ về phương diện tài chánh, chánh quyền, trong một số trường hợp, không thể từ chối trách nhiệm và đứng ngoài cuộc tranh đấu được. Vấn đề khi đó tất nhiên sẽ có những khía cạnh chánh trị như ta đã thấy ở nhiều nơi khác.

NGUYỄN-PHÚC-SA

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, Danh lý

THUẬT ĐỐI PHÓ VỚI NGƯỜI KHÁNG CỰ

★ Có những người bất mãn cơ hội, thành thật nghĩ quyền lợi của họ đã bị xâm phạm. Đối với những người này, kẻ cầm đầu phải biết nghe họ phân trần, giải thích và cố gắng tìm hiểu quan điểm của họ. Nếu đòi hỏi của họ chính đáng, phải biết cám ơn họ đã biết tìm mình, vì đó là cơ hội cho mình sửa chữa một sự bất công hoặc khám phá ra một kẽ sơ hở (L. M. Courtois).

★ Làm người trên vẫn có thể giữ sự khiêm tốn, lại càng cần giữ sự khiêm tốn.

Ý KIẾN CỦA MỘT NHÀ THẦN HỌC KI-TÔ GIÁO VIỆT-NAM

NGUỒN GỐC TÔN GIÁO

(Nhân đọc Văn - chương truyền-khẩu thần - thoại của Hoàng - Trọng - Miên)

NGUYỄN-ANH-LINH

(Tiếp theo Bách-Khoa số 85)

Vườn địa đàng

« Thiên Chúa làm một cá vườn ở Eden, về phía Đông và đặt vào đó con người đã được tạo thành. Thiên Chúa làm cho đất nẩy nở mọi thứ cây xinh đẹp và hoa quả ăn được, và ở giữa vườn có cây hằng sống và cây biết sự lành dữ. Một con sông phát xuất từ Eden để tưới vườn và từ đó phân tán và biến thành 4 nguồn sông. Tên con sông thứ nhất là Phison, bao vây miền Hélivath, nơi mà người ta tìm thấy vàng... Tên con sông thứ hai là Géhon, bao vây miền Coush. Tên con sông thứ ba là Tigre, chảy về phía đông Assyrie. Con sông thứ tư là Euphrate. Thiên Chúa đặt con người vào vườn Eden để trồng trọt và coi sóc. Ngài ban lệnh này : « Ngươi có thể ăn mọi quả trong vườn ; nhưng quả của cây biết sự lành sự dữ, Ngươi đừng động đến, vì ngày nào ngươi ăn nó, chắc chắn ngươi sẽ chết. »

Eden, theo tiếng Sumer, là một miền phì nhiêu, chứ không phải là tên riêng. Muốn đất có màu mỡ cần sẵn nước luôn, và những nguồn sông ở đây không phải là phụ lưu, vì theo lệ thường, phụ lưu chảy vào sông chính, mà chỉ là những kênh. Dựa vào chi tiết trên, có nhà cho rằng địa điểm vườn Eden hoặc ở phía bắc hay phía nam xứ Mésopotomie (miền giữa hai sông Tigre và Euphrate). Nhưng nếu nhân loại xuất hiện vào quãng 40.000 hay 60.000 năm, thì đâu có xứ Mésopotamie. Tác giả chỉ viết theo quan niệm địa dư thuở ấy hay mượn những câu chuyện tục truyền : Jules Verne nói đến tương lai cũng chỉ dựa vào hiện

tại ; để cập đến tiền sử, ta cũng chỉ có thể bằng vào hiện tại : « Chúng ta không thể đánh điện tín cho quá khứ, cũng như cho tương lai » (Einstein). Vậy, những trang sử thời thái cổ không thể không mặc lấy sắc thái, tâm trạng của thời đại sử gia.

Thần thoại cao nguyên và thần thoại Assyrie, Babylonie, Iran... nói nhiều về cây hằng sống. Hẳn ta đang đứng trước một mẩu chuyện chung, đại ý giống nhau, dù chi tiết hơi khác biệt.

Đâu đâu vấn đề sinh tử cũng làm cho loài người băn khoăn. Nếu vườn địa đàng là nơi lạc thú trần gian, thì cũng là nơi mà thủy tổ loài người phải sống hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc sao có thể tồn tại, nếu hình ảnh sự chết vẫn còn đe dọa? Người vốn là trần bụi, và theo lẽ tự nhiên sẽ trở về trần bụi. Nhưng bao lâu sống trong địa đàng, bao lâu sống với cây trường sinh, loài người sẽ bất tử và hạnh phúc sẽ toàn diện. Đó là một đặc ân. Nhưng đặc ân phải lệ thuộc một điều kiện.

Cây biết lành biết dữ chiếm địa vị ưu tiên ở giữa vườn. Cả bài tường thuật qui về cây này. Cây này không phải là cây độc, vì ăn xong, thủy tổ chúng ta đâu có chết. Nhưng ăn xong, án chết lại treo lên đầu loài người: cái chết là do thái độ bất phục tòng Thiên Chúa, là do tội lỗi gây nên.

Biết lành biết dữ là gì ? Lành, dữ phản ngược nhau và theo quan niệm Hiba, chỉ toàn diện. Biết phải trái là biết vạn sự. Sau khi phạm tội, thủy tổ chúng ta rút kinh nghiệm, biết mình trần truồng, đâm ra thẹn thuồng, sợ hãi, xa lìa Thiên Chúa. Biết lành biết dữ là biết điều lành lẫn lộn với điều dữ, thiện ác đi đôi với nhau, tức là biết sự tội như nhân vật của Gide trong « Thực Phẩm trần gian » : « Tôi muốn cắn mọi quả ở các ngành ngả về tôi... Dũng cảm, tôi đưa tay đến mọi vật, và tôi tin tôi có quyền về mọi cái tôi muốn ». Biết thiện ác là muốn hưởng mối khoái lạc, mà không đếm xỉa đến luật lệ tối cao đang kìm hãm mình, là chủ trương độc lập, tự do về luân lý.

Theo lời Satan, Evà sẽ giống Thiên Chúa biết lành biết dữ. Satan đội lốt con rắn đã khôn khéo cám dỗ Evà và lợi dụng ý nghĩa khả nghi của câu đó : Thiên Chúa, dĩ nhiên, thấu triệt thiện ác, vì là nền tảng chính đáng của luân lý, nhưng không vì thế mà có những hành động bất luân, như nhiều dân tộc xưa vẫn chủ trương thần thánh của họ không bị ràng buộc bởi luân lý của nhân loại. Khi cấm thủy tổ chúng ta đừng động đến cây đó, Thiên Chúa chỉ yêu cầu họ dùng quyền tự do trong giới hạn Chúa đã định. Chung quy, tội bất trung đó là một tội kiêu ngạo.

Cuộc sa ngã của Adong-Evà, được trình bày dưới những hình ảnh mà nay chúng ta chưa thấu rõ ý nghĩa, cũng như vụ trộm quả dâu trắng của thần thoại Mèo. Dù sao, mục đích của tác giả sách Sáng Thế là cho ta hay những chân lý căn bản về đời sống nhân loại vào buổi sơ khai : nhờ đặc ân Thiên Chúa, thủy tổ chúng ta sống hạnh phúc, trong tình nghĩa thiết với Tạo Hóa, mà giáo dân gọi là ân sũng hay ơn siêu nhiên. Đó là ý nghĩa vườn địa đàng. Thiên Chúa lại làm cho thủy tổ chúng ta không chết. Đó là ý nghĩa cây trường sinh. Hơn nữa, họ sống trong thế quân bình cả hồn lẫn xác, không hổ thẹn, không

bị dục vọng lôi cuốn, xác thể hoàn toàn lệ thuộc vào linh hồn, cảm tình vào ý chí lý trí, và tác dụng con người đặt dưới ánh sáng Thiên Chúa. Cây biết lành biết dữ là hình ảnh cuộc thử thách lòng người đối với Thiên Chúa.

Cơn thử thách

« Con rắn là loài tinh ranh nhất trong các vật ở đồng mà Chúa đã dựng nên. Nó nói với người đàn bà : « Có thật Thiên Chúa cấm bà ăn hoa quả ở vườn không ? » — Người đàn bà trả lời : « Chúng tôi được phép ăn hoa quả ở vườn. Nhưng hoa quả cây ở giữa vườn, thì Chúa phán : « Các ngươi đừng ăn, đừng động đến, vì các ngươi sẽ chết ». — « Không, con rắn đáp, các người không chết đâu ; nhưng Chúa biết ngày nào các người ăn hoa quả đó, mắt các người sẽ mở ra, và các người sẽ giống Thiên Chúa biết lành biết dữ ».

Thấy quả cây ngon lành, quý giá vì cởi mở trí tuệ, người đàn bà cầm lấy, ăn thử rồi đưa cho chồng cũng có mặt ở đó. Chồng cũng ăn. Bấy giờ mắt cả hai đều mở, họ cảm thấy trần truồng và lấy lá cây vả che thân. Họ nghe thấy tiếng đi của Thiên Chúa đang rảo bước ở vườn, gió chiều hiu hiu thổi. Họ xa lánh mặt Thiên Chúa và lẩn trốn trong bụi vườn. Nhưng Chúa gọi người : « Ngươi ở đâu ? » — Người đáp : « Con nghe thấy tiếng đi của Chúa ; con sợ vì con trần truồng nên con đã lẩn tránh ». — Chúa bảo : « Ai cho ngươi biết là ngươi trần truồng ? Hay là ngươi đã ăn thử quả cây Ta đã cấm ? » — người đáp : « Người đàn bà mà Ngài ban cho con đã đưa cho con quả đó và con đã ăn ». Chúa bảo người đàn bà : « Sao ngươi lại làm như thế ? » — « Con rắn lừa con, người đàn bà đáp, và con đã ăn ».

Rồi Thiên Chúa bảo con rắn : « Vì mi đã làm điều đó, mi sẽ bị nguyền rủa trong các loài vật và các vật ở đồng. Mi sẽ bò sát bụng và suốt đời mi sẽ ăn bụi. Và giữa mi và người nữ, giữa nòi giống mi và nòi giống người nữ, Ta sẽ đặt một mối căm thù, nó sẽ chà đạp đầu mi, trong khi mi, mi sẽ cắn gót nó. » Rồi quay về phía người đàn bà, Ngài bảo : « Ta sẽ gia tăng đau khổ của ngươi, trong thai nghén ; người sẽ sinh nở trong đau khổ. Ngươi sẽ hướng về chồng ngươi, và chồng ngươi sẽ thống trị ngươi. » Ngài bảo người đàn ông : « Vì ngươi đã nghe lời vợ ngươi, và ăn quả cây ta cấm, đất sẽ bị nguyền rủa vì ngươi. Suốt đời ngươi sẽ vất vả làm lụng mới có ăn. Đất sẽ sản sinh gai góc và ngươi sẽ ăn cỏ đồng. Ngươi sẽ đổi mồ hôi lấy bát cơm, cho đến khi ngươi sẽ trở về chất đất mà ngươi đã được tạo nên, vì ngươi là tro bụi nên ngươi sẽ trở về tro bụi. »

Adong đặt tên người đàn bà là Evà, và là mẹ của nhân loại. Thiên-Chúa làm cho hai vợ chồng những áo da để mặc. Thiên-Chúa bảo : « Kìa ngươi đã trở nên như chúng ta và biết lành biết dữ. Cẩn thận đừng để cho nó cũng đưa ta hái quả cây hằng sống mà ăn để sống đời đời. » Thiên-Chúa đuổi người ra khỏi vườn Eden, để cầy cấy đất, một chất đã làm ra nó. Sau khi đuổi người, Ngài đặt ở phía đông vườn Eden những thiên-sứ võ trang bằng gươm, lưỡi sáng chói, để canh giữ con đường đưa đến cây hằng sống.

Trong cơn thử thách, một nhân vật hệ trọng xuất hiện : Satan hay ma quỷ, lấy hình con rắn. Sao lại con rắn ? Thần thoại cao nguyên không nói đến, trái với thần thoại Sumer, Assyrie, Babylone .. Ở Syrie và Palestine chẳng hạn, con rắn tiêu biểu cho nhiều vị thần nam nữ với những nghi lễ phóng đãng trong việc phụng thờ. Có lẽ do đó mà tác giả sách Sáng-Thế, muốn hủy diệt cuộc tế tụng kia, đã coi con rắn là đại diện ma quỷ. Nó tinh ranh nhất vì ma quỷ chỉ là những thiên sứ bất phục tòng Thiên-Chúa đã bị trầm luân trong hỏa ngục và chuyên cám dỗ nhân loại.

Cơn cám dỗ là một đoạn tuyệt tác của sách Sáng-Thế. Cuộc đối thoại, đổ lỗi giữa các nhân vật đã được trình bày rất tài tình và hợp tâm lý. Kết quả nguyên tội của thủy tổ giúp ta hiểu rõ cảnh khốn cùng của nhân loại ngày nay : Sa đọa về luân lý : mất thăng bằng, con người không còn chế ngự nổi lòng mình, các dục vọng bột phát xâu xé nhân loại. Sa đọa về tôn giáo : hổ thẹn, con người lẫn tránh Thiên - Chúa ; không lẫn tránh được, con người tìm cách dèm pha, sát hại tín đồ. Sa đọa về thể xác : lao lực, con người phải tìm kế sinh nhai trong một vũ trụ bị nguyền rủa vì mình, và để kết thúc cuộc đời đày ải, con người sẽ trở về tro bụi. Chủ phạm trong cảnh tội lỗi, E và phải mang thêm hình phạt : vất vả trong thai nghén, đau khổ trong sinh nở. Cuối cùng, nhân loại sẽ phải chiến đấu không ngừng chống lại Satan. Tội lỗi đột nhập vào nhân loại, gieo rắc biết bao tai họa đến nỗi Thiên-Chúa phải phàn nàn đã dựng nên loài người. Nhưng tình yêu Thiên-Chúa đã được biểu lộ trong những hứa hẹn bất ngờ.

Tấn kịch Eden kết thúc bằng cuộc đuổi thủy tổ chúng ta ra khỏi vườn địa đàng. Cửa vườn đóng lại do Thiên-Sứ canh giữ ; một lưỡi gươm như đường chớp lăng quăng chắn cả lối vào cây hằng sống. Hình ảnh Thiên Sứ làm cho ta liên tưởng đến những pho tượng to lớn đặt trước lâu đài Babylone, và lưỡi gươm tương tự như cây sét bằng đồng của dân Assyrie để tiêu biểu sự cấm cố. Sau cơn tội lỗi, mất hết đặc ân, loài người lại trở về bản thể cũ. Xem như Satan, đã thắng ở hiệp đầu. Nhưng rồi Satan cũng bị Thiên-Chúa quở trách. Rắn phải bò sát bụng, tức là phải xấu hổ, hạ mình xuống, vì nghệ thuật cận đông vẫn hình dung con rắn leo hay quấn vào cây gậy của thần Mercure. Ăn bụi ám chỉ loài hèn nhát, đáng khinh bỉ : ở địa ngục, theo quan niệm Babylone, vong linh đều ăn bụi. Đây vẫn là những sáo ngữ của thời bấy giờ mà tác giả dùng để nêu cao án phạt của Thiên Chúa.

« Giữa mi và giữa người nữ.. » Người nữ nào ? Đoạn trên, người nữ là Evà. Thiên Chúa kết án Satan trước mặt Evà, nên người nữ ở câu này vẫn là Evà, bị dụ hoặc, Evà đã theo con rắn, đã trở nên bạn con rắn, nhưng với lời tuyên bố của Thiên Chúa, tình bạn đó trở nên căm thù, Evà và Satan không thể đội trời chung. « Giữa nòi giống mi và giữa nòi giống người nữ...» Nòi giống con rắn là quỷ ma và cũng là tất cả những ai đồng tình, đồng phạm với chúng. Vì luật song song, nòi giống người nữ phải hiểu theo nghĩa đoàn thể : cuộc xung đột bắt đầu với Evà và con rắn sẽ tiếp diễn mãi cho đến khi phái người nữ sẽ thắng : đó là nhãn sinh quan

của sách Sáng Thế : sống là chiến đấu, chiến đấu không ngừng với một địch thủ muôn mặt, nhưng kết quả sẽ lạc quan. Cũng vì luật song song, ở câu cuối, nòi giống người nữ sẽ do một nhân vật đại diện : *mi* sẽ cắn gót *nó*. Chúng ta khó hình dung rắn cắn gót một đoàn thể, nên người chiến thắng sẽ là một vị độc nhất.

Đây là một lời tiên tri, và thường trong các lời tiên tri tư tưởng đi từ vạn sự đến nhất sự, từ đoàn thể đến cá nhân, từ lu mờ đến sáng tỏ, thoáng qua, chúng ta thấy xuất hiện ở chân giời xa thẳm, vị chiến thắng anh dũng, nòi giống người nữ. Chính là Thiên Chúa, đầu thai trong lòng nữ trinh Maria, Evà thứ hai, mẹ của một nhân loại mới ; chính là Chúa Giêsu, Adong thứ hai, Đấng đã rửa nhục cho thủy tổ chúng ta bằng máu Ngài. Ròng rã 30 năm, Ngài đã chiến đấu chống ma quỷ và đã phá tan được nước Satan. Đấng đó đã tự xưng là *cây xanh tươi* là Đường đi, là sự sống, là chân thật. « Đấng đó đã hé mở Thiên Cung cho Thánh Gioan nhìn xem : « Và tôi thấy một trời mới và một đất mới, vì trời cũ và đất cũ đã mất và biển không còn nữa... Rồi tôi thấy một con sông nước chảy, trong như thủy tinh... Giữa thành và hai bên sông, *một cụm cây hằng sống* trổ hoa quả mỗi tháng một kỳ. Lá cây đó cứu rỗi muôn dân ».

(Khải Huyền, chương 21, 22)

*
* *

Đọc xong thần thoại cao nguyên và sách Sáng Thế, không thể chối cãi những điểm tương đồng, và cũng không thể phủ nhận Thánh Kinh đã có một dòng tư tưởng đầy hệ thống, mạch lạc ; một dòng tư tưởng duy nhất đã được khai triển qua các thời đại khác nhau, qua các tác giả khác nhau mà vẫn giữ nguyên được tinh túy. Bấy nhiêu tưởng cũng đủ làm cho những ai có thiện chí phải suy nghĩ, đắn đo...

Hoàng-trọng-Miên ở trang 42, 43 tóm tắt những giải thích về thần thoại và hình như nghiêng về « thuyết tôn giáo nhận thấy trong các thần thoại những hình trạng biến tướng của Đấng thiêng liêng... Có thể nói rằng hình thức văn học công cộng này bắt nguồn từ một thần tượng duy nhất lan truyền từ xứ này qua xứ nọ. Ấn-Độ là xứ ghi dấu vết đầu tiên về thần thoại chữ viết trên thế giới. Thần thoại đã truyền rộng qua thời gian và không gian, nên thần thoại cũng như cổ tích của các dân tộc chịu ảnh hưởng lẫn nhau là một sự thông thường. Trong lúc truyền đi, thần thoại biến đổi theo ảnh hưởng của từng nơi, thêm bớt sửa chữa các tình tiết, song chủ để vẫn nguyên vẹn. Những điểm biến tướng theo từng nơi nói lên lối cảm nghĩ, sinh hoạt cá biệt của mỗi dân tộc.

Dù ở dân tộc nào, đề tài thần thoại cũng tượng trưng những ước vọng, diễn đạt những tình cảm của con người... »

Quả thế, con người vẫn thầm nuôi tham vọng có một đời sống hạnh phúc, vĩnh cửu, vẫn ước ao trở nên đồng bản tính với Tạo Hóa, biến thành chính Thiên Chúa : une machine à faire des Dieux. (Bergson).

Nhưng để hướng dẫn ước vọng đó, để đưa chúng đến thành đạt, con người cảm thấy bất lực. Bất lực, con người sẽ chán nản, bi quan. Vì thế cần đưa

lại ngay từ đầu cho con người một nhân sinh quan, một tia sáng trong hoạn nạn : lập trường công giáo rất rõ rệt : Chính Thiên Chúa đã mạc khải những chân lý đó cho tác giả sách Sáng Thế. Mạc khải không phải là hủy diệt những gì sẵn có, mạc khải là chiếu sáng, là vạch một lối đi trong đen tối.

Vào năm 1940 hay 1750 trước Tây-lịch, Abaraham, thủy tổ dân Hiba di cư từ Urkashim, thuộc miền hậu giang sông Euphrate ; ngôn ngữ, phong tục, quan niệm khoa học, luật lễ của ông một phần lớn thuộc quê cha đất tổ của ông. Vẫn hay, Thiên Chúa đã gọi ông ra đi để nêu cao lý tưởng độc thần và chỉ phụng sự một Đấng Tối Cao. Ra đi, ông bỏ thuyết đa thần của quê hương, nhưng sao bỏ được cảm tình, khuynh hướng, phong vị của quê nhà ! Những gì hay ho, những gì hợp với quan niệm nhất thần, ông vẫn duy trì mà chỉ sa thải những gì bất khả dung hòa với tin tưởng mới. Ông đã hoàn thành một công việc của các nước, qua các thế kỷ, đã làm, mà chúng ta đang theo đuổi : dung hòa văn hóa.

Abaraham chắc hẳn đã biết những thần thoại trên, vì chúng thuộc kho tàng tục truyền của nguyên thủy. Ông đã không ngần ngại dùng những mẩu chuyện đó, nhưng đã đem lại một nội dung mới, như sau này Thánh Gioan đã dùng quan niệm Logos của phái Khắc-kỷ, như Thánh Thomas đã canh tân thuyết của Aristote hay Thánh Augustino thuyết của Platon, như chúng ta đang nỗ lực xây dựng một nền văn hóa nhân vị, dung hòa Đông Tây.

NGUYỄN-ANH-LINH

Đối với những vị muốn đi sâu vào vấn đề này, xin giới thiệu :
Chaine : Le livre de la Genèse 1948
Charles Hauret : Origines 1950.
A. Clamer : La Genèse 1953.

✱ Nếu đòi hỏi của người dưới không được đích đáng, người trên cần lấy sự kiên nhẫn và sự nhân từ mà chỉ dẫn. Không nên tỏ vẻ căm tức họ, chỉ nên coi thỉnh cầu của họ như là dấu hiệu lòng tin cẩn của họ đối với mình : người dưới nếu được đối xử như thế, tự nhiên sẽ cảm động và sẽ biết ơn người trên.

✱ Đặt mình vào địa vị người thì dễ xử việc hơn.

✱ Có những người bất mãn thường trực luôn miệng oán trách, đòi hỏi ; thường đó là những người tính khí kỳ dị mắc phải bệnh hoạn về tinh thần từ khi còn bé ; họ luôn luôn lo sợ cho tương lai của họ, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến mình và khó lòng đặt mình vào địa vị kẻ khác để tìm hiểu. Đối với những người này, người trên thường khi phải cương quyết, chứng tỏ cho họ thấy việc chấp nhận yêu sách của họ là một việc bất công, có thể làm thiệt hại tới quyền lợi của kẻ khác.

✱ Trả cho César những gì thuộc của César (Phúc Âm)

Dòng tư-tưởng...

Thiên-chức của người đàn bà

Đàn ông cũng là người, đàn bà cũng là người. Do đấy, đàn ông và đàn bà cúng có một tước-vị là tước-vị kẻ làm người.

Bản-chất đàn ông khác bản-chất đàn bà. Do đấy, phận-sự của đàn ông thường khác phận-sự của đàn bà và hai phận-sự thường bổ-sung, bổ-túc cho nhau để hoàn-thành sứ-mệnh của loài người: cha sinh thì mẹ dưỡng, chồng cày thì vợ cấy, nam ngoài thì nữ trong.

Giữa đàn ông và đàn bà, ta thấy rõ : tước-vị tương-đồng, phận-sự tương-hỗ.

Do mối tương-đồng và tương-hỗ đó, sự phân-công cho phụ nữ trong xã-hội, muốn thâu-lượm được kết-quả tốt đẹp, không thể không nhằm tiêu-chuẩn này : bảo đảm cho nữ-phái giữ-gìn nguyên-vẹn được thiên-chức làm mẹ, vốn là thiên-chức chủ-yếu và căn-bản của họ. Và phần việc nào có thể làm phát-triển, hoặc gần hoặc xa, cái thiên-chức siêu-tuyệt ấy đều là phần việc thích-hợp đặc-biệt với nữ-phái, nhất là những công-tác đòi hỏi sự ân-cần, niềm-nở, sự hy-sinh và tinh-thần bất-vụ-lợi.

PHẠM-HOÀNG

Ai sẽ đắc cử Tổng-thống Hiệp-chúng-quốc thứ ba mươi sáu ?

Ông KENNEDY

KENNEDY

HOÀNG-MINH-TUYNH

(*Tiếp theo B.K. số 85*)

Trường hợp đặc biệt của ông Kennedy, một ứng cử viên công giáo.

CHÚNG ta thử trở lại xét coi trường hợp ông Kennedy và những cố gắng ông phải vận dụng để đối phó, trong cuộc tranh cử, với những khó khăn gây ra bởi tín-ngưỡng công-giáo của ông Định hiểu rõ tầm quan-trọng và mức sôi nổi trong cuộc thí nghiệm của ông Kennedy muốn thử thách cử-tri với tư cách là người công-giáo, ta phải nhớ lại một sự kiện đã xảy ra tại Hiệp-Chúng-quốc từ năm 1928, nhân dịp bầu Tổng Thống. Năm ấy, cũng một người Công-giáo là ông Alfred E. Smith, thống đốc tiểu bang New York, được đảng dân chủ tấn phong ra tranh cử với người đảng Cộng-hòa là ông Herbert Hoover. Ông Smith bị ông Hoover đánh bại trong một trận đấu tranh rất ác liệt, cho đến nay vẫn còn nhiều người nhắc nhở và còn tự hỏi : chẳng biết có phải chính tinh thần quốc-gia tôn giáo quá trớn của ông Smith đã là lý-do quyết-định đưa ông tới chỗ thảm bại hồi năm 1928 không ? Duy có điều chắc chắn là tinh thần quốc - gia tôn - giáo cũng đã có dự phần không nhỏ. Đó là vì, một mặt, một số khá

lớn cử tri thuộc khối gọi là « khối miền nam » (Solid South) (sở dĩ gọi thế bởi trong một thế kỷ, khối ấy đã bỏ thăm chống đảng cộng-hòa, đảng của ông Abraham Lincoln làm tổng thống trong thời kỳ nội-chiến Mỹ-Quốc) đồng lòng đối kháng đảng viên dân chủ Smith và ủng hộ đảng viên cộng-hòa. Dân Miền Nam Mỹ-Quốc đa số theo giáo phái Tin-Lành (Thệ phản), nên, hồi năm 1928, một trong những đề tài được các lãnh tụ chỉ đạo tôn giáo năng dùng nhất là đề tài quyết liệt không để cho ứng cử viên của con « *Xướng kỹ Babylone* » (1) được bước chân vào tòa Bạch-Ốc. Chỉ một chi-tiết ấy đủ bộc lộ cho ta thấy rõ không-khí tuyển cử lại Hiệp-Chúng-Quốc hồi đó náo nhiệt thế nào. Tới nay, 1960, một ứng cử viên công giáo nữa bước ra làm sống lại những cảm xúc xưa, và lần này cũng như lần trước, người ra ứng cử cũng lại là một tay có khả năng rất rõ rệt, cương-cường, quả-cảm, nhất định nắm cho được cái ghế tổng-thống mới nghe.

Ngoài điều bất lợi về tôn giáo, ông Kennedy còn bị nhiều điều bất lợi khác. Những ứng cử viên xuất thân từ giới bần-hàn thường tương-đối được dân-chúng Mỹ-Quốc hoan nghênh hơn Ông Kennedy thì lại là con một nhà giầu có, và chính riêng ông cũng có một cơ-nghiệp « kếch-xù ». Hơn thế, người ta còn bảo ông trẻ quá, bà vợ ông, mặc dù rất duyên dáng, qua hình ảnh trên báo chí, cho người ta cảm giác bà còn quá trẻ. Người Mỹ-Quốc đã quen thuộc với ý muốn có một vị cao tuổi ngồi Toà Bạch-Ốc. Nhiều bức hý hoạ hình dung Tổng Thống Eisenhower với gương mặt một « cha già » rất được dân chúng ưa thích. Thật ra, ông Eisenhower hiện nay đã gần chẵn 70 tuổi, ông đoạt kỷ lục về tuổi tác đối với các vị Tổng Thống từ trước đến nay. Có người nghĩ rằng đổi bức ảnh của Cụ « Ike » có gương mặt của một « cha già » lấy bức ảnh của một thanh niên có bộ tóc rối bù như ông Kennedy, chỉ đáng bực em của mọi người, là một việc coi như quá đáng đối với công chúng Mỹ. Cũng có người nghĩ rằng vị trí của ông Kennedy hiện nay chưa được vững chắc lắm. Lại có người trách ông không có thái độ dứt-khoát trong cuộc bài xích ông Mc Carthy trước đây, không triệt để ủng-hộ yêu sách của nghiệp-đoàn, không tham-gia biểu-quyết dùng công quĩ vào việc tuyên-truyền giải thích hạn chế sinh đẻ. Tuy nhiên, tất cả những khoản đó chỉ mới là những tiểu tiết, nếu đem so sánh với vấn đề chủ yếu gây ra bởi tín ngưỡng Công-giáo La-Mã của ông.

Thái độ của giới Tin Lành đối với ông Kennedy

Ông John Kennedy của tiểu bang Massachusetts đã được tấn phong trong Hiệp-ước Hội-nghị của Đảng Dân-Chủ mới rồi, liệu có hy vọng được bầu cử làm Tổng Thống vào tháng 11 năm 1960 chăng ? Chín phần mười các đầu mối tranh luận về ông đều xoay quanh thành phần Tôn-giáo của ông. Các báo Tin-Lành đặt ra vấn đề : liệu ông có được tự do hay ông sẽ phải bó buộc theo huấn

(1) Trong Kinh Thánh dân Do-Thái xưa vẫn coi Jerusalem là thủ-đô của « dân riêng Chúa », còn Babylone là thủ đô của « dân ngoại đạo » đầy tội lỗi. Từ đấy, Babylone trở nên hình bóng chỉ thành trì của những kẻ tội lỗi.

lệnh của hàng giáo phẩm Công-giáo ? Một người Công-giáo ngồi ở Toà Bạch-Ốc, dù là một người Công-giáo đã được đào luyện tại Havard như Kennedy chăng nữa, liệu có lợi dụng uy quyền lớn lao của chức vị Tổng-Thống để làm lệch cán cân về vấn đề học chính không ?

Hay nói cách khác, liệu ông có tích cực hoạt động để cho các trường công-giáo được viện trợ của Liên bang mà xây dựng học đường, trả lương giáo chức, trái với thông lệ chăng ?

Một Tổng Thống công-giáo có tránh khỏi khuynh hướng muốn đạp đổ bức tường truyền thống ngăn cách Giáo hội với Nhà nước không ? « Tự do tôn-giáo » truyền thống sẽ biến thái thế nào ? Quyền hành ngày càng lớn lao của Công giáo tại Hiệp-chúng-Quốc gây ra bởi sự hiện diện của một người Công-giáo tại toà Bạch-ốc chẳng sẽ lần lần khiến các tiểu quốc hóa thành một quốc-gia công-giáo, tương tự như Tây-Ban-Nha hoặc Cô-lông-bi ? Có bảo đảm nào cho người Tin Lành tin chắc được rằng một Tổng-Thống công-giáo sẽ không vận động thiết-lập một toà đại sứ tại Vatican ? Tóm lại, làm sao một người công-giáo lệ thuộc một « quyền uy ngoại-quốc » (chỉ Vatican) có thể thệ nguyên « trung thành với chức vụ mình » (Oath of office) với tư cách Tổng-Thống Hiệp-Chúng-Quốc ? Đó là những đề tài các báo chí Tin-Lành vẫn thường đưa ra vừa để thảo luận, vừa để chất vấn từng tuần lễ một trước quốc dân.

Thành-kiến ngấm ngầm nào đã khiến cho người Tin-lành đưa ra những phản đối trên trước cuộc ứng cử của thượng nghị-sĩ Kennedy ? Thật ra đó không hẳn là một thành kiến mà là một niềm xác-tín sâu xa của người dân Mỹ vốn cho rằng Hiệp-chúng-quốc phải là một xứ sở của giáo-phái Tin-lành. Tính chất giáo-phái Tin-lành là một điểm được coi như dĩ nhiên tại Hiệp-Chúng-Quốc.

Đã đành các đoàn thể di thực công-giáo kết thành từ mười thế hệ tại miền Tây-Nam và một đoàn thể công-giáo tự nước Anh tới đã định cư lập nghiệp tại Maryland từ năm 1634, song tối đại đa số người đã tham giat ích cực cuộc Chiến tranh Độc-lập năm 1776 và xây dựng nên một quốc gia tại miền duyên hải phía Đông Hiệp-Chúng-Quốc ngày nay, đều là người thuộc giáo phái Tin-Lành Các viện đại học, các định chế, các phong tục, thậm chí các trường công-lập đầu tiên cũng đều do người Tin-Lành sáng lập và điều khiển, hoặc ít nhiều chịu ảnh hưởng văn hóa của họ. Ấn tích Tin-Lành đó còn tồn tại mãi cho tới thế kỷ XX. Tại những khu vực mênh mông miền Nam và miền Mid West nước Mỹ, đến nay, ấn tích vẫn còn phát hiện rất sâu đậm, hiển nhiên. Một chính trị gia nào quên đếm-xỉa tới sự trạng trên có thể coi như đã làm một việc hết sức dại dột.

Tuy nhiên, vẫn có nhiều nhà quan sát tin rằng Mỹ-Quốc hiện giờ không còn là Mỹ-Quốc Tin-Lành như hồi năm 1928 hay trước nữa. Nhiều biến thiên về phương diện xã-hội và văn hóa đã thay đổi hẳn diện mạo Mỹ-Quốc từ năm 1928. Những ngộ nhận lớn lao về chủ nghĩa công-giáo, vốn đã làm phát sinh ra thành kiến tai hại và tinh thần quốc-gia hẹp hòi, trong trí óc người Tin-lành, cũng không còn nữa.

— Một phần lớn đó là ảnh hưởng của cuộc thế chiến thứ hai, cuộc thế chiến đã lôi kéo hàng triệu thanh-niên ra khỏi « tô ấm » của họ và để cho họ có dịp được tiếp xúc với nhiều nước bên ngoài, trong số có nhiều nước công giáo như Pháp, Ý — Đấy là lần đầu tiên, người Mỹ được đối diện với cuộc sống thiết - thật trong những xứ có một lịch-sử công-giáo kéo dài hàng một, hai chục thế kỷ. Phong trào du lịch cũng đóng góp một phần không nhỏ, vì người Mỹ nào mà chẳng ao ước có ngày được thăm viếng Ba-Lê. — Ngoài ra, lòng mộ mến của nhân dân Mỹ đối với hai vị Giáo Hoàng Pie XII và Jean XXIII cũng đã cải-hoá sâu xa thái độ của họ đối với Công-giáo tại Hiệp-Chúng-Quốc. Tỉ như trong tổ-chức POAU, là tổ-chức kết tập các người Mỹ thuộc giáo-phái Tin-lành và các giáo-phái khác chủ trương chia rẽ Giáo-hội và Quốc-gia, hiện nay ngày càng thấy có nhiều nhân-viên tỏ ý bất phục, nhất là những người Tin-lành chân chính, biết tôn trọng sự công bình.

Hàng triệu người công-giáo, tăng gia trong khắp Hiệp-Chúng-Quốc, đặc biệt tại các trung tâm đô thị miền Đông và miền Mid-West mỗi ngày tiếp xúc với bạn bè hay đoàn viên Tin-lành càng làm cho thành kiến bớt khốc liệt. Người ta không phải nhận phong trào phản đối của các báo chí Tin lành chống lại việc người công - giáo đứng ra tranh cử Tổng Thống, song chính trong số họ cũng đôi khi có người chủ tâm lên tiếng đính chính những lời lẽ quá đáng của các người Tin-Lành khác chống lại sự kiện người công-giáo, ngồi ghế chủ tề nơi toà Bạch-Ốc.

Như Bác-sĩ Howard A. Burkle, giáo-sư Tin-Lành về khoa tôn giáo, cho rằng sự e ngại của vài người Tin-Lành đối với một ứng cử viên công-giáo « thật là quá đáng », vì không có « bằng cớ gì chứng tỏ » một người công-giáo Mỹ sẵn sàng đưa trình mọi công việc nội bộ của quốc-gia cho Vatican kiểm soát hay chịu áp lực gì của Vatican. Ông còn nói thêm : « Từ

Chữ « tài liền với chữ « tai »

Andromaque, trong thi phẩm Iliade của Homère, cót iên đoán số mệnh của chồng là Hector bằng một câu thơ : « *Mon pauvre ami, ta valeur te perdra !* », ý nói , chính tài năng của chàng sẽ đưa chàng tới chỗ bại hoại. Trong một bài thơ của Phạm-quí-Thích, cũng có câu : « *Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy* », tài hoa cái lụy nghìn đời (Lan-Khai dịch). Ngoài ra, ta cũng thấy có câu : « *Mỹ-nhân tự cổ như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu,* » có người dịch là : người đẹp từ xưa như tướng giỏi, chẳng hẹn nhân gian thấy trắng đầu.

khước một người Công-giáo quyền được xét đoán tùy theo khả năng của họ là điều trái nghịch với dân chủ rõ ràng ; một thái độ như vậy tỏ ra người ta muốn ngầm bảo người Công-giáo là người công-dân hạng thứ hay là người công-dân lúc nào cũng có thể phá hoại được. Lời tuyên bố liền được một tờ báo Tin Lành đối đáp lại tức khắc, nhưng việc Bác-sĩ Burkle nhân danh một số khá lớn các nhà lãnh đạo Tin-Lành có thiện chí, lên tiếng bênh vực người công-giáo như thế, cũng là việc đáng cho mọi người lưu ý.

Tuy nhiên, ta không nên quên rằng ý tưởng một người Công-giáo làm Tổng-Thống Hiệp-Chúng-Quốc có thể gây nên nhiều vấn đề vượt quá sức tưởng tượng của người Tin-Lành. Hơn hết mọi ai khác vị Tổng-Thống Hiệp-Chúng-Quốc đóng vai tượng trưng cho phẩm giá, cho uy nghi, cho đường lối chính thống của nền cộng-hoà xứ sở. Nhất cử nhất động của vị ấy được các báo chí thuật lại từng chi tiết nhỏ nhặt. Sức khỏe, thói quen, sở thích riêng hay sự qua lại của ông đều được nêu lên bằng những thiên phóng sự, những bức hình chụp và được đem ra làm đề mục tranh luận sôi nổi giữa công chúng hiếu kỳ. Khi ông ốm đau, cả nước đều biết nhiệt độ cao thấp của ông. Khi ông đi dự một lễ nhạc tôn-giáo Chúa-nhật tại nhà hội Tin-Lành bài giảng của vị giáo sĩ trong buổi lễ mà ông đã nghe sẽ được tường thuật kỹ càng trong báo chí ngày hôm sau. Bằng trăm ngàn cách, mọi việc trong đời tư, đời công vị Tổng Thống đều bị người ta mổ xẻ, đánh giá, cho nên một vị Tổng Thống, nếu là người Công-giáo, không thể nào không gây ra những náo động mãnh liệt trong trí óc toàn thể Mỹ-quốc Tin-Lành được. Nếu ông đi dự lễ Chúa-nhật tại nhà thờ Công-giáo, tự nhiên cuộc dự lễ của ông sẽ phải thông tri cho hết mọi sở thông tin. Nếu cô cháu gái của ông rước lễ bao đồng (chịu lễ lần đầu) thì ảnh cô và cả ảnh ông sẽ được đăng trên trang nhất của tất cả báo chí. Còn nếu ông muốn tránh việc người ta quảng bá quá náo động và muốn có riêng một vị tuyên úy làm lễ tại tòa Bạch-Ốc thì sự ngạc nhiên của người ta cũng sẽ lên tới mức độ không kém.

Bởi đấy, lý do khiến người Tin-Lành phản đối việc ứng cử Tổng-Thống của người Công-giáo nằm trong mối lo ngại cho nền văn hóa quan yếu của Tin-Lành, vốn là nền văn hóa chủ chốt của Mỹ-quốc từ bấy nhẫn nay phải thua sút, và có thể đã tới lúc họ phải thừa nhận hậu quả tất nhiên và thuận lý của một chế độ dân chủ đa nguyên.

Ông Alfred E. Smith đã đặt vấn đề năm 1928. John Kennedy lại đặt lại vấn đề năm 1960 và kết quả ông thu lượm được trong Hiệp ước Hội-nghị của đảng Dân-chủ tại Los-Angelès ngày 15-7 thật đã vượt quá sức tưởng tượng của hết mọi người : ngay vòng đầu ông đã được bầu làm ứng cử viên với 765 phiếu và ông đã đánh cặp với thượng nghị-sĩ Johnson, được bầu làm ứng cử viên Phó Tổng-Thống, để cùng tiến thẳng tới toà Bạch-Ốc.

Thái độ của giới Công-giáo đối với ông Kennedy

Một nhà quan-sát chính trị hữu danh, ông Richard H. Rovere, đã tiên đoán hồi

năm ngoái rằng : « Đảng nào cả gan dám chỉ định một người Công-giáo ra tranh cử Tổng-Thống chắc chắn sẽ mất một số thăm. Song cũng có thể coi như chắc chắn rằng đảng nào từ khước việc chỉ định một người có năng lực và được dân chúng mến chuộng ra tranh cử Tổng-Thống chỉ vì người ấy thuộc Công-giáo, sẽ mất một số thăm quan trọng hơn ». Tuy nhiên, ý kiến của ông Rovere và thật tế, tất cả uy lực và đà tiến của cuộc vận động cho ông Kennedy tới toà Bạch-Ốc đều căn cứ trên giả thuyết có một cuộc đầu phiếu quen gọi là cuộc đầu phiếu của khối Công-giáo (Solidly Catholic vote). Hay nói cách khác, người ta giả thiết như các người Công-giáo sẽ bầu cho một ứng cử viên Công-giáo chỉ vì muốn chứng tỏ người Công-giáo cũng có thể làm Tổng-Thống Hiệp-Chúng-Quốc được. Ngoài ra người ta còn giả thiết như người Công-giáo, mặc dù đã bầu cho một người Cộng-Hoà là ông Eisenhower trong năm 1952 và 1956, trái hẳn với truyền thống của họ, phen nầy sẽ trở lại bầu cho phe dân chủ, nếu đảng này đưa ra một ứng cử viên Công-giáo. Tính toán trên cố nhiên là tính toán căn cứ vào mãnh lực của những lá phiếu công-giáo hiện nay triền dương rất mạnh trong khu vực chiến lược Hiệp-Chúng-Quốc. Tính toán đó có phần nào bấp bênh, song hiện nay không một ai, kể cả những nhà quan sát nhậy bén nhất, dám tiên đoán một cách chắc chắn người công-giáo Hiệp-Chúng-Quốc sẽ dồn phiếu cho ai. Ông Kennedy hiện đã được chỉ định làm ứng cử viên của đảng dân chủ; nếu vấn đề tôn giáo trở nên thật gay go trong mấy tháng vận động tới đây nữa thì người ta có thể tin rằng người công giáo sẽ tận tình ủng hộ ông Kennedy. Song cho tới bây giờ, chưa có cái gì minh chứng được « cuộc đầu phiếu Công-giáo » đã trở thành một thực thể. Mà nếu nó chưa thành một thực thể thì ta chỉ có thể kết luận được rằng, mặc dù lý do nào khiến các đoàn thể tôn giáo khác tại Mỹ-Quốc quyết định lá phiếu của họ, người công-giáo Mỹ-Quốc sẽ bầu cho một người có khả năng và can đảm, chứ chắc họ không chịu bầu suông cho một tờ giấy « chứng chỉ chịu phép rửa tội » vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

✶ Có những người ưa phản đối người trên bởi họ có tính khí của một người trên ở cấp điều-khiển mà phải làm công việc của một thuộc viên. Đối với những người này, người trên nên tỏ ra khôn khéo và cương quyết. Phải khôn khéo, vì khi người dưới thấy người trên thẩm giá họ đúng mức, sẵn sàng giao phó cho họ công việc thích hợp với khả năng của họ, thì họ sẽ cảm giác quyền lợi của họ đã được nhìn nhận và sẽ được phục hồi.

Phải cương quyết, vì người trên cần tỏ cho người dưới biết nhân danh quyền lợi của sứ mệnh chung, mỗi người phải đứng trong vị trí của mình mà làm tròn phận sự đã giao cho mình phụ tránh.

Thi ca và cuộc đời của nhà cách-mạng Nguyễn-Quang-Diêu

NGUYỄN-VĂN-HAU

NGÀY trước, trong mỗi vụ nghỉ hè, tôi thường được thân phụ tôi dạy cho chữ nho. Có một bận, nghe tin đồn, cụ Nguyễn-Quang-Diêu sau nhiều năm bôn-ba hải-ngoại, đã trở về và định mở trường dạy học tại quê nhà. Thân-phụ tôi cho biết là kỳ nghỉ hè năm ấy sẽ cho tôi sang học với cụ Diêu. Quê cụ Diêu ở Cao-Lãnh, còn quê tôi ở Cù-lao-giềng, muốn sang học cụ Diêu phải qua đò Tân-Yên. Thuở ấy không có đò máy, sông to thường có sóng lớn mà đò chèo lại nhỏ, mẹ tôi tỏ ý lo ngại vì tôi còn bé mà phải hằng ngày quá giang, nhưng thân-phụ tôi thì quyết-định.

Cái mộng làm học trò cụ Diêu từ đó lớn dần trong đầu tôi. Tôi sung-sướng và cầm chắc mấy tháng nữa đây sẽ được học với cụ, một người đã lừng danh hay chữ và nổi tiếng ưu-thời.

Nhưng trước vụ hè độ vài tuần thì thân-phụ tôi bảo tôi : « Ông Diêu mới về qua và bị lính kín lùng kiếm, hiện ông đã xa chạy cao bay rồi». Cái mộng của tôi tuy tan dần, nhưng cái bực-tức qua sự đàn-áp các nhà cách-mạng của thực-dân như vậy thường lởn-vởn trong óc không thôi. Tôi tò-mò tìm hiểu về những cuộc vận - động chống Pháp và mỗi khi nghe ai kể chuyện về cụ Diêu thì thích lắm và trong lòng thấy giào-giạt một niềm mến cụ.

Tuy nhiên, tuổi thơ nào đã biết gì sâu-sắc. Ngày ấy về sau tôi bận việc đời, nên chuyện cũ cũng xa dần trong quên lãng.

Mùa đông năm 1958, tình cờ đọc cuốn *Đông - Kinh Nghĩa thục* của học - giả Nguyễn-Hiến-Lê, tôi bị xúc-động rất mạnh khi xem đến đoạn nói về cụ Diêu :

« Tại Cao-Lãnh, cụ Phương-Sơn liên-lạc với cụ Nguyễn-Quang-Diêu, một người nghe nói có phong-trào Đông-du mà hăm-hở xuất-dương, tới Hương-Cảng bị Pháp bắt rồi đày đi Guyane ở Nam-Mỹ. Sau cụ Diêu trốn thoát, về Trung-Hoa, rồi cả gan dám về ngay Cao-Lãnh, tổ-chức một đảng cách-mạng, việc thất-bại, phải trốn lên dạy học tại một miền giáp ranh Miên-Việt. Về sức vùng-vẫy và tính mạo-hiểm của cụ, ít ai bì kịp ».

Người ta nói những cảm-xúc của tuổi thơ thường dễ gây ấn-tượng và ấn-tượng ấy rất bền, tôi cho câu đó đúng. Chuyện cụ Diêu của ông Lê, chỉ vắn gọn có vậy, đã làm sáng lại lòng tôi. Rồi tôi cố ý tìm lại thi-ca và những tài-liệu thuộc về chứng-tích hoạt-động cách-mạng của cụ và gần đây, nhờ có ông Bùi-Nhựt-Ưởng, một nho-sĩ ở Long-Sơn, giúp thêm cho nhiều tài-liệu khác về cụ. Tôi tự cảm thấy, hơn lúc nào hết, có bổn-phận phải viết lại đây, sự-nghiệp của tiền-nhân.

*
* *

Cụ Nguyễn-Quang-Diêu hiệu Tử-Ngọc, bí-danh Trần-Cảnh-Sơn, sanh tại Cao-lãnh (Kiến-Phong) năm Canh-thìn (1880) và mất tại Vĩnh-Hòa (Tân-Châu) năm Bính-tí (1936). Cuộc đời không dài lắm của cụ, dù vậy, đã lưu lại nhiều thành-tích đáng kể trong lịch-sử cách-mạng và lịch-sử văn-chương Việt-Nam.

Ngày trẻ, Nguyễn-Quang-Diêu đã nổi tiếng là thẳng và gan. Nhà vốn dư ăn, thân-phụ lại là một người có chân nghị-viên, chuộng văn-học, nên cụ sớm được theo đường bút mực. Năm 18 tuổi, rời quê nhà, đến thụ-giáo với cụ Tú Trần-Hữu-Thường ở Phú-Thuận. Ở đây cụ tỏ ra rất thông-minh, giàu lý-luận ; đến như nghệ-thuật thi-ca thù-ứng thì ít ai bì.

Nhưng cụ không lấy thế làm thích, mà còn cho cái trò điêu-trùng khắc-triện đó không bằng cái chí xẻ núi lấp sông của các bậc anh-hùng. Vậy tuy đang học ở trường, cụ vẫn theo dõi tình-hình chính-trị. Cuộc chiến-thắng vĩ-đại của Nhật đánh Nga trên mặt bể Thái-Bình-Dương năm 1904 và những hoạt-động trong nước của các cụ Phan-Bội-Châu, Cường-Để, Phan-Châu-Trinh... đều không qua được đôi mắt tò-mò của cụ Diêu.

Năm 1910, cụ vừa đúng 30 tuổi, tự cảm thấy cái học từ-chương không cứu nổi nước mà cần phải có thực-học, phải biết đấu-tranh, nên vùng dậy hô-hào cách-mạng. Nhưng phần đông người ta không hăng-hái như cụ, bạn học cũng có người chê cụ nóng tính và sợ-hãi trước những việc làm nguy-hiểm của cụ ; cụ đã phải chép miệng than dài trong một bài tự-thuật sau đây :

Nghĩ mình mang lấy tiếng nam-nhi,
Cái nợ cung dâu gánh nặng trì !
Tuổi-tác đã vừa ba chục chẵn,
Công-danh chưa có ít nhiều chi.
Rường cao yến đỗ nương-nhờ chỗ,
Gió thuận hồng mong gặp-gỡ khi.
Xem khắp thế-tình rồi nghĩ-nghị,
Muốn noi Thánh trước cỡi bè đi (1).

Trong năm ấy, cụ thôi học, chính-thức hoạt động cách-mạng. Đường lối của cụ

(1) Do câu trong sách *Luận-ngữ* : « *Tử viết : Đạo bất hành thừa phù phù vu hải* » : Phu-tử nói : Đạo không hành được, cỡi bè nổi mà qua biển.

bấy giờ là hướng về Phong-trào Đông-du; rất thích chủ-trương bạo-động của cụ Phan-Bội-Châu và ưa xem những truyện-ký về danh-nhân anh-hùng thế-giới.

Những bài ca ái-quốc của nhóm *Đông-kinh-Nghĩa-thục*, những tờ *Phố-cáo lục-tỉnh văn* và *Khuyên thanh-niên du-học* của các cụ Cường-Để, Sào-Nam được cụ thuộc nằm lòng và truyền đi rất mạnh.

*
* *

Qua ba năm hăng hái hoạt-động, vào tháng 6 năm 1913, (1) Nguyễn-Quang-Diêu được các đồng-chí tín-nhiệm, vận-động một số tiền to, đưa cụ xuất-dương.

Cụ ra đi với một niềm vui khó tả, ước mong cánh bằng rồi đây sẽ tha hồ lộng gió tứ phương, nhưng trái lại, cụ không được toại-nguyện mà còn suýt mất mạng vì sự xét bắt tạc đạn quả tang trên đất Tàu.

Nguyên-nhân là khi sang tới Hồng-Kông, cụ cùng chín người nữa ở Nam-Kỳ được Huỳnh-Hưng — một đồng-chí cách-mạng — đem về nhà trú-ngụ. Lúc ấy trong Nam có thư gởi cho Nguyễn-Thần-Hiến (1), cậy mua tạc-đạn. Thần-Hiến vừa từ Thượng-Hải tới Hồng-Kông, liền cùng Huỳnh-Hưng vận-động mua được 13 quả. Tạc đạn chưa kịp gởi về nước thì cảnh-sát biết chuyện, đến khám nhà Huỳnh-Hưng rồi bắt luôn cả bọn, trong đó có Nguyễn-Quang-Diêu, Nguyễn-Thần-Hiến và Huỳnh-Hưng.

Lúc ra tòa, Huỳnh-Hưng khai chính mình mua tạc đạn chứ những người khác đều vô tội, họ không hay biết gì đến chuyện đó. Tòa phạt Huỳnh-Hưng 200 bạc và chín tháng tù (2), còn tất cả đều tuyên-bố trắng án. Tuy gọi trắng án, nhưng không phải họ tha ngay đâu. Người ta đem giam cả bọn gọi là « được tha » đó vào ngục để chờ ngày trục-xuất cảnh-ngoại (3).

Trong lao, Nguyễn-Quang-Diêu gặp Kỳ-ngoại-hầu Cường-Để cũng bị giam như mình — vì cụ Cường-Để đến sở Cảnh-Sát hỏi thăm coi các đồng-chí bị bắt về vụ tạc đạn được tha chưa, nên cụ cũng bị tình-nghi và bị bắt giam để chờ ngày xuất-cảnh — Cụ Cường-Để sau được Nguyễn-Háo-Vĩnh và Lâm-Cần mướn luật-sư lãnh ra rồi trốn thoát, còn cả bọn Nguyễn-Thần-Hiến, Nguyễn-Quang-Diêu thì điều bị giải về cho Pháp tại Việt-Nam.

Đầu đuôi câu chuyện trên, Kỳ-ngoại-hầu có thuật lại trong cuốn *Cuộc đời cách-mạng Cường-Để* (4) và cụ Nguyễn-Quang-Diêu cũng có ghi rõ trong bài *Hà-thành lâm nạn* mà cụ đã viết ngay trong ngục-thất Hà-nội năm 1913.

---

(1) Theo cụ Cường-Để trong cuốn « *Cuộc đời cách-mạng Cường-Để* » thì Nguyễn-Thần-Hiến tức Hội-đồng Hiến, người tỉnh Cần-Thơ. Từng lập *Khuyến-du học hội* để phái học sinh sang Nhật lưu học, bị Pháp truy nã, phải chạy trốn. Khi trốn, cỡi một chiếc thuyền con, từ bờ bể Nam-Kỳ qua Cao-Miên sang Xiêm. Đến Bangkok ở hơn một năm rồi sang Quảng-Châu, Hồng Kông và đi Thượng-Hải, Hàng-Châu để liên lạc với đồng-chí các nơi.

(2) Theo cụ Cường-Để thì Huỳnh-Hưng bị kêu án tù sáu tháng. Có lẽ cụ đã nhớ lộn hoặc ấn-công sắp số sai chăng ? Chứ theo cụ Diêu trong bài *Hà-thành lâm-nạn* thì Huỳnh-Hưng bị tù chín tháng.

(3) Tuy nói trục-xuất, chứ thực ra là gián tiếp làm tội. Vì khi muốn trục xuất một người, người ta muốn áp giải tới đâu tùy ý. Cho nên các nhà cách-mạng nầy sau đều bị giải cho Tây.

(4) Sách đã dẫn, in tại nhà Tôn-Thất-Lễ 1957, từ trang 73 đến trang 79.

Như ta vừa biết, tại Hà-Nội, cụ Nguyễn-Quang-Diêu bị kêu án 10 năm-khổ sai. Cụ và nhiều đồng-chí khác, sau đó, bị đày sang Nam-Mỹ.

*
* *

Trải hai năm tù tội ở Guyane, Nguyễn-Quang-Diêu tìm cách vượt ngục.

Sau ngày ấy, cụ lưu-lạc sang Anh rồi sang Tàu. Trong cảnh bô-bá giang-hồ, cụ, lúc đói no, khi sầu oán, lúc giả bộ làm bồi tàu nhem - nhuốc lênh-đênh trên mặt sóng trùng-dương, khi chính-thức ngồi ghế tài-phú nghiêm trang trong một hiệu thuốc bắc lớn giữa châu thành. Tứ-Xuyên trù-mật, nhưng chẳng hề lấy đó làm toại-nguyện, hay biến tiết nản lòng. Cụ ôm một hoài-bão to-tát là phải làm sao phục-hưng dân-tộc, đuổi sạch quân thù, dù có phải chết đi vì nghĩa-vụ, vẫn hơn là sống mà chịu cảnh nhục-thẹn đớn-đau. Nhiều bài thơ cụ làm bằng Hán-văn, đối họa với những chính-khách Tàu, nói lên cái hiên-ngang bất-khuất, cái tủi-cực ê-chề trong tâm-hồn cụ mà sau nầy khi về nước cụ đọc lại cho nghe, nhiều nhà nho phải ngậm - ngùi đến rơi lệ. Tiếc những bài ấy đã thất lạc đi hầu hết.

Ở Tứ - Xuyên bốn năm, cụ tìm gặp cụ Nguyễn-Hải-Thần và nhiều nhà cách-mạng khác, nhưng hệ-thống liên-lạc đâu đấy vừa nối được chắc - chắn thì bỗng bị đổ - vỡ, bọn mật-thám Pháp theo dõi gắt lắm. Cụ liệu ở đây không tiện nữa, nên nhờ các bạn thân người Trung - Hoa lo giúp giấy tờ, tiền bạc rồi gởi cụ xuống tàu buôn sang Nữu-Ước. Trong cảnh nước non xa lạ, tuy được sống yên nhờ đội lốt Hoa - kiều, cụ Nguyễn - Quang-Diêu lòng vẫn bồi-hồi mong về cố-quốc.

Cuối năm ấy, tức khoảng năm 1919, cụ thấy ở đây thiếu mọi phương-tiện hoạt-động, nên từ-giã bạn-bè rồi mạo-hiểm về ngay xứ-sở.

Tính từ năm xuất-ngoại đến khi trở về, cụ đã mất độ 6 năm có lẻ (1).

*
* *

Đặt chân lên mảnh đất chôn nhau, cụ Diêu được đồng-chí kính-mến và hết lòng tìm cách che đậy ; nhưng che đậy thế nào cũng khó mà qua khỏi sự dòm-dỏ của thực-dân ; cho nên cụ phải đổi tên là Trần-Cảnh-Sơn để dễ bề hoạt động.

Trong thời-khoảng ấy, những người có tên tuổi trong « sổ bìa đen » như cụ, hễ lọt vào tay Pháp thì cái chết dễ như trở tay, vậy mà cụ chẳng hề có chút lo-lắng, cụ thản nhiên như không. Người ta nói có một lần lính kín Tây lục kiếm cụ dữ quá, anh em đem cụ về ẩn ở núi Sam và khuyên cụ ngưng hoạt-động cho êm đi ít lâu, nhưng khi tới núi Sam, những người ái-mộ cụ cũng theo tới, rồi cụ cũng ngâm họa, cũng tuyên-truyền cách-mạng, cũng thóa-mạ thực-dân, khiến nhà cầm quyền Pháp lại tức-thời hay biết.

Có bận khắc ngặt hơn, quân Pháp tình-nghi nên bao vây từ nhà để xét bắt cụ, cụ cực-chẳng-đã phải lên nằm trốn trên một bồ lúa, dưới gác tran thờ Phật-Táo. Đang khi bực-bội mà trông lên thấy tượng Phật-

---

(1) Có người nói thời-gian xuất-ngoại của cụ còn lâu hơn con số trên. Kẻ viết bài này đã rán sức tìm cách tra-cứu và kiểm-sát các tài-liệu, mong được chân-xác, nhưng vì có một ít tài-liệu gì theo trí nhớ của các bô-lão, nên e còn kém trung-thành với sự thực chăng ? Vị nào có những con số chắc-chắn hơn, xin vui lòng chỉ dẫn cho, rất hạnh tạ.

Táo mặt mũi đen sì, lộ nét thong-dong, đường bệ trong mũ cao áo rộng, cụ nổi giận trách Táo :

Phật-Táo ơi ! Phật-Táo ơi !
Tiện đây xin gọi có đôi lời (1):
Quê người đất khách ai buồn mặc,
Rượu vía chè rằm cụ sướng thôi !
Sao việc lửa hương mong cậy tớ (2).
Mà cơn gió bụi chẳng tâu trời ?
Mắt xanh nghe nói ngời như chớp,
Sáng với ai đâu, tối với tôi !

Trời ! Nguy-hiểm thế mà vẫn ngâm-nga !

Nhưng đấy mới thật là đau-đớn đến chua chát. Nếu chịu khó suy nghĩ một chút những câu nầy, ta sẽ thấy cái bực-dọc dồn chứa trong con tim của nhà cách-mạng ấy là bao :

Quê người đất khách ai buồn mặc,
Rượu vía chè rằm cụ sướng thôi !
Sao việc lửa hương mong cậy tớ !
Mà cơn gió bụi chẳng tâu trời ?

Nghỉ ở núi Sam càng lâu càng bể tiếng, cụ Nguyễn-Quang-Diêu lẻn về Vĩnh-Hoà— một làng hẻo lánh ở biên-thuỳ Miên-Việt — sau khi gởi lại cho bọn mật-thám Pháp một bài thơ đầy giọng mỉa-mai dưới tiêu - đề « *Chó chết hết chuyện* ».

Muôn vật đều còn để dấu roi,
Buồn cười thân chó chết rồi thôi.
Ân-cần mang kiếp ba ơn mọn (3)
Thóa-mạ ngàn năm một tiếng đời.
Nội trống gặp hùm, xua hắn đuổi,
Hang sâu hết thỏ, nấu chàng xơi !
Ai ôi ! Phải biết người hơn vật,
Chớ để mày râu thẹn đất trời !

Tới Vĩnh-Hòa, cụ còn đọc lại một lần bài thơ trên cho một bạn thân nghe và cười mà bảo :

— Tôi cảnh-cáo chúng nó đó ! « Giảo thố tử, tẩu cẩu phanh » mà ! Bao giờ bọn chó săn đó chết sạch đi thì bọn ta mới hết rối-rắm !

*
* *

Tại Vĩnh-Hòa, cụ Diêu nằm queo buồn tẻ, tối ngày chỉ biết nhai lại mấy trang nhật-ký. Cụ thèm đọc sách lắm, nhưng sách, biết kiếm đâu ra ?

Quanh-quẩn mấy hôm, cụ sực nhớ năm xưa, lúc còn học với Tú-tài Trần-Hữu-Thường, cụ có một người bạn rất tương-đắc là Phan-Thành-Tựu. Thành-Tựu thường nói với cụ là ông ta ở Vĩnh-Hòa. Nay nhân-tiện, cụ nghĩ thử tìm đến bạn cũ xem có cơ gì thuận-lợi chăng ? Thế là tối hôm ấy, cụ Diêu nhờ người đưa tới nhà ông Tựu.

Hơn mười năm xa vắng, giờ gặp nhau còn cái vui nào hơn. Nhưng ông Tựu vốn nhát tính, sợ gần-gũi một người mang danh « đại-nghịch » như cụ Diêu sẽ liên-lụy tới mình, nên dù mừng, vẫn giữ vẻ thản-nhiên, không niềm-nở và ít nói.

---

(1) Có bản chép : *Tiện đây xin ngỏ một đôi lời.*

(2) Chữ tớ, ngoài nghĩa tự xưng với những người ngang hàng và có vẻ thân-mật, ở miền Nam còn dùng nó để xưng với người lớn hơn, có nghĩa như chữ *tôi*, hoặc khiêm-tốn hơn chữ *tôi*, ý tự hạ mình như người tôi-tớ. Trong những bài thơ khác của cụ Diêu, nếu có chữ tớ, phần nhiều theo nghĩa miền Nam

(3) Chó có ba ơn : Một, không quên chủ; hai, không quên đường về; ba, chẳng sai việc giữ nhà ban đêm (*Hàn thi ngoại truyện*).

Cụ Diêu biết ý, song vị chỗ cố-giao, nên vờ như không hiểu gì, cứ làm thơ khêu gợi ông Tựu. Bài thơ chân-thành và thâm-thiết, như sau :

Bèo giạt bồng xiêu đã bấy chầy,
Tình cờ may-mắn gặp nhau đây.
Tiếng đàn sơn-thủy nghe càng thích,
Chén rượu thuần-giao nhấp dễ say.
Ngàn dặm bao nài gai-gốc đẩy,
Trăm năm mong mỏi ruột gan nầy.
Tang-bồng ai cũng như ai vậy !
Nỡ để cho ai nặng gánh đầy ?

Nằm êm trên chiếc võng, ông Tựu lắng nghe bạn đọc bài thơ, đôi mắt ông rơm-rớm lệ. Ông thương bạn và tủi cho mình, nhưng rồi ông vẫn khước từ, không dám họa lại, sợ có bút-tích mà họa vướng thân.

Cụ Diêu thấy vậy không nỡ ép nài, cụ làm ngay một bài nữa để từ-giã bạn, cũng họa vần theo bài trên.

Tức-tối đêm vui chẳng đặng chầy,
Còn nhiều tâm sự chuyện đâu đây.
Tặng thi tác-hợp vừa ngâm họa,
Chén rượu phân-kỳ dở tỉnh say,
Chìm nổi bèo mây cam phận tớ,
Mênh-mông trời đất hẹn thân nầy.
Hiệp không mấy lúc tan nhiều lúc,
Trối khúc ly-cầu, lụy ứa đầy !

Ở đây mấy hôm, lại bị để ý cụ Diêu bỏ trốn lên Nam-Vang. Phen nầy cụ định sang Xiêm, nhưng vì lộ-phí kém-khuyết và sự kiểm-sát của Pháp quá ngặt, nên sau một thời gian lưu-trú Cao-Miên, cụ quay về Sài-gòn.

*
* *

Năm ấy, khoảng 1927 có lẽ là một năm buồn nhất trong đời cụ Diêu.

Mãi làm mà mãi thất-bại, cái đó chưa đủ làm cụ sờn lòng. Cái buồn khổ của cụ là đại-sự lần-lượt hỏng đi. Những tin-tức tới-tấp đưa về nào như cụ Phan-Bội-Châu bị bắt, cụ Mai-Sơn từ-trần, rồi cụ Tây-Hồ tạ-thế... Cái buồn ấy, nếu chúng ta không lầm, chắc cụ đã trung-thành diễn-đạt trong bài viếng mộ cụ Phan-Châu-Trinh dưới đây :

Vì đâu tớ mãi viếng mồ ông ?
Càng viếng, càng buồn nỗi núi sông !
Ba cõi Hồng-Bàng thôi hết tưởng,
Một vùng Mã-Lạp thế là xong !
Đành người tạ-thế đi rồi mất,
Thẳm Cụ ưu-thời có thấy không ?
Nhắc đến đương-niên cơ-hội trước.
Đàm gan truy-đạo (1) lửa nhen hồng,

Bài trên, hai câu luận, chữ *Người* chỉ cụ Tây-Hồ còn chữ *Cụ* chỉ Kỳ-ngoại-hầu Cường-Để, Hội-chủ *Việt-Nam Quang-Phục hội* mà cụ Diêu rất tin-tưởng và thường nhắc-nhở trong thi-văn.

Hồi nầy thực là khốn-quẫn, cụ không mấy lúc được yên. Có những buổi trưa hè gắt nắng, cụ phải chui rúc trong hầm đất ngột hơi, có những đêm đông giá buốt, cụ phơi mình trên một chiếc thuyền con trống-trải ; có những cái xuân ăn nhờ ở đậu, tuy hơi dễ chịu mà cũng vẫn buồn tênh...

Ta thử nghe âm-vang của cụ trong một bài *Xuân tác :*

(1) Dõi theo con đường đạo, tức theo đuổi nghĩa-vụ phải làm.

Trông vời cây cỏ đượm màu xuân,
Đoái lại non sông bắt dửng-dưng.
Điển-khí (1) một dây treo lấy cỏ
Đỗ-tô (2) đôi chén uống cầm chừng.
Trắng đen đổi khác trang râu tóc,
Điều đó y nguyên đủ áo-quần,
Cũng một trời chung xuân vẫn một,
Kẻ sao buồn nghiến, kẻ reo mừng ?

Buồn thì buồn nghiến vậy, cụ vẫn chưa tuyệt-vọng. Cụ cho đó là một trách-vụ mà kẻ thức-thời phải gánh vác, chịu, đựng, không thể từ nan. Nầy, cụ viết :

Đời thương mình dễ chẳng thương đời,
Gánh nặng bao nài các bác ơi !
Ngồi đợi, đợi hoài đêm tối nhẫm,
Chạy kêu, kêu mãi giấc say vời.
Tắc mây bạch-nhựt đành chưa vẹt,
Đốm lửa đan-tâm nỡ vội vùi !
Ai cũng râu mày gan ruột thế,
Áo cơm ai nỡ phủi ơn thôi ? (3)

Đã trắng mắt canh thâu và mỏi miệng kêu la mà đêm vẫn tối và thiên-hạ cứ mãi ngủ say, cụ nhiều khi — trong lúc đợi chờ cơ-hội tới — phải cau mặt điềng lòng, thốt lên những lời căm-bực. Ta hãy coi bài *Nắng trông mưa* của cụ thì biết :

Tức muốn bay lên thấu tận trời,
Hỡi coi sao nắng mãi đi thôi !
Trông mây mừng húm (1) reo khan tiếng,
Thấy mống e thầm vái hụt hơi !
Tranh cỏ mở rồi mong rải giống,
Cày bừa lắp sẵn mỏi chờ thời.
Chớ chi Hạ-Võ ra đời nữa (2),
Xối trận mưa vàng hộ khắp nơi (3)

NGUYỄN-VĂN-HẦU

(Còn tiếp một kỳ)

---

(1) Chữ dùng gọi một thứ pháo đốt rất nhạy lửa Có bản chép : *Pháo điển một dây.*

(2) Tên một thứ rượu. Tương truyền là phương thuốc của Hoa-Đà, dùng uống trong ngày xuân để trừ tà-khí.

(3) Có bản chép : *phủi ơn đời.*

Có tiền tài và không có tiền tài.

Thạch-Sùng, người đời Tấn, nhà giàu địch quốc, thường lấy sáp làm củi, lấy mỡ chùi nồi. Đến sau, Sùng bị giặc Hồ bắt đi khảo của mà phải chết đói. Người đời nhân đấy mới nói rằng : « *Tiền giả thân chi tai* », tiền tài thường làm cho mình phải tai họa. Không có tiền tài thì không mở mặt ra được (Kim tận vô nhan) : có tiền tài thì lại thường hay mang họa vào thân (tài giả thân chi tai) cổ nhân chắc cũng cho tiền tài là cần, nhưng có ý khuyên ta nên biết cách sử dụng.

Một vài nhận xét về :

TÌNH TRẠNG GIA-ĐÌNH VIỆT-NAM

CỔ-LIÊU

(tiếp theo Bách-Khoa số 85)

Tính-chất đặc-thù của gia-đình Việt-Nam

Thực ra, với chế độ đại gia-đình và tiểu gia-đình, có từ trước khi văn minh Tây-Phương tràn sang, gia-đình Việt-Nam đã báo trước một sự phân tán tự nhiên. Ảnh hưởng Tây-Phương chỉ giúp vào sự phân tán ấy. Gia-đình đông đảo ngày nay cũng thâu hẹp lại còn cha mẹ, con chưa ở riêng và ông bà nếu có.

— Vai trò người gia trưởng mờ đi. Người cha trong tiểu gia-đình bây giờ là gia trưởng trong gia-đình mình. Cái tiểu gia-đình ấy sẽ là một đơn vị gia-đình trước pháp luật, dư luận và trong sự giao dịch với người ngoài. Vai trò của người đàn bà xuất lộ trên địa hạt pháp lý và chia xẻ nhiệm vụ quyền hành của gia trưởng.

— Hôn thú do sự quyết định của chính hai người hôn phối, quyền gia trưởng và quyền cha mẹ thu hẹp trong trường hợp hôn thú mà đương sự vị thành niên. Cuộc hôn phối từ đây sẽ là nguyên do duy nhất cấu tạo gia-đình.

— Tư tưởng tự do cá nhân chi phối luật pháp, dư luận, thói tục. Sự hợp tác, sự liên lạc giữa các phần tử gia-đình đều căn cứ ở ý muốn cá nhân tự nguyện tự quyết. Không còn như trước, pháp luật, thói tục, dư luận định đoạt ngoài ý muốn cá nhân.

— Tư tưởng cá nhân phát triển mạnh, thuần phong mỹ tục suy vi trong thời chiến tranh đã tạo ra một tình trạng coi nhẹ luân thường của nhiều người. Những cuộc phối hợp tạm bợ, những vụ ly dị xảy

ra quá nhiều. Gia-đình Việt-Nam cũng phần nào có tính cách bất nhất như tình trạng chung của gia-đình trên thế giới.

✶

Pháp luật đã đóng vai trò hợp-lý hóa sự biến chuyển của gia-đình Việt-Nam.

Chúng ta nhận thấy sự phân tán của gia-đình đông đảo ra hình thức gia-đình thâu hẹp là do hoàn cảnh kinh tế tự nhiên tạo ra. Pháp lý chỉ cũng cố sự độc lập của tiểu gia-đình đối với gia trưởng và đại gia-đình.

Ta biết rằng liên lạc cha con anh em của ta nặng hơn ở các nước tân tiến kỹ nghệ. Ảnh hưởng tinh thần của ông bà cha mẹ đến hôn phối của con cháu vẫn còn mạnh, nhất là ở thôn quê. Sự dìu dắt, tương trợ của anh em với nhau còn quan trọng. Tuy sự liên lạc ấy không còn được pháp luật che chở, nhưng thói tục và tình cảm cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ chẳng kém pháp luật. Cho rằng những cải cách t ên đây sẽ đưa đến tình trạng gia đình của cha mẹ và của con cái mất hẳn liên lạc mật thiết tinh thần vật chất như gia-đình tân phong Âu Mỹ, hẳn là một ý nghĩ sớm quá. Chúng ta ghi nhớ những nhận xét này khi đề cập đến những vấn đề phụ thuộc của gia đình ở phần sau.

Vấn đề chính yếu của ta là chống lại sự suy đồi của quan niệm hôn phối và tạo ra những điều kiện để đem lại tính cách bền vững của gia đình, trong quan niệm dung hòa tự do cá nhân với thói tục cổ truyền. Trước hết là huy động những phương tiện pháp lý, hướng dẫn sự tiến triển như hạn chế quyền hạn của gia trưởng và chủ gia-đình trong việc hôn nhân, đề cao quyền tự quyết của người hôn phối, bênh vực nhân vị phụ nữ, ngăn cản sự tác hợp bất nhất và sự chia rẽ của gia-đình.

Mặt khác Ia những cố gắng để khuyến khích sự thành lập gia - đình, để tạo ra những điều kiện vật chất và tinh thần thuận lợi cho gia-đình tiến triển mỹ mãn. Trong những phần sau chúng tôi sẽ đề cập đến những thực hiện và triển vọng khả dĩ trả lời được những yêu cầu của gia-đình về phương diện ấy.

Gia-đình tân phong đặt ra những vấn đề gì ?

Ngày nay đa số nhân loại, những xã-hội bảo tồn văn hoá cổ truyền, đều công nhận gia đình là một tổ chức nền tảng của xã-hội, đứng về phương diện phong hoá kỷ cương củng như xã-hội. Gia-đình phải là một đơn vị tổ hợp bền vững để làm tròn trách vụ trong một xã-hội tân tiến, trước là trách vụ phát triển khả năng và nhân vị, sau là giậy dỗ con cái. Riêng về xã-hội Việt-Nam, gia-đình có một trách vụ trọng đại hơn cả, đó là trách vụ của một đơn vị sản xuất kinh-tế. Dưới đây chúng ta bàn đến những cố gắng để tạo ra những điều kiện thuận tiện củng cố gia-đình. Những cố gắng ấy rất nhiều và khác nhau, chúng ta bàn đến những điểm chính gom làm 3 loại :

— Sự cấu tạo một hoàn cảnh vật chất thuận tiện.

— Sự cố gắng tạo ra những điều kiện tinh thần thuận lợi.

— Sự cố gắng hướng dẫn mối liên hệ cha mẹ và con cái cho được mọi phần mỹ mãn.

☆

Hoàn cảnh vật chất

Thường thường người ta lập gia đình đều có thành-tâm thiện-chí muốn thành-công trong cuộc phối hợp, nhưng đời sống khó khăn, nhiều người đã không chịu đựng được sự thử thách, vì nhà ở không giải quyết được thỏa mãn, vì lợi tức không đủ cung ứng cho gia-đình. Một tờ báo điều tra tại Ba-Lê năm 1955 tố giác rằng có đến 60% đám ly dị bởi lý do con cái có vợ chồng ở chung đụng với cha mẹ. Tuy không đáng tin cậy cuộc điều tra ấy nhưng người ta cũng phải công nhận đó là một yếu tố không thuận tiện cho gia-đình bền vững.

Tuy nhiên tình - trạng khan hiếm nhà ở của ta không ảnh - hưởng to-tát đến hôn - nhân như ở nước khác, phần nào vì người Việt ở một trình - độ hậu - tiến chưa khó tính về những tiện-nghi vật chất. Tầm quan trọng của nhà ở đối với ta chỉ thuộc về phương diện vệ sinh, cải tiến dân sinh. Nhưng ta cần lưu ý đến những đụng chạm có thể xẩy ra giữa cha mẹ anh em ở chung. Có đủ chỗ cho mỗi gia-đình biệt cư sẽ tránh được nhiều xích mích khiến cho mối liên lạc tốt đẹp hơn.

Trang trí, chăm nom căn nhà cho thành một nơi ấm cúng, vui vẻ, mỹ quan là một điều-kiện gây hạnh-phúc gia-đình.

Đối với vấn đề nhà ở cũng phải có một đường lối chánh trị. Ở nhiều nước đã thực hiện biện pháp hạ giá tiền nhà cho gia-đình đông con, hay cho hưởng một loại phụ cấp nhà ở để bù lại khoản chi phí về nhà ở của các gia-đình đông con.

Đường lối chính trị về nhà ở là một yếu-tố quan trọng trong đường lối chính-trị về vấn-đề gia-đình. Trong giới hạn phương-tiện, ta có chương-trình xây cất nhà rẻ tiền mà quyền ưu tiên dành cho những gia-đình đông con. Trong các công cuộc dinh điền, khẩn hoang đều có sự giúp đỡ quan-trọng về nhà ở. Những thực hiện đó trả lời vào đường lối chánh-trị về gia-đình và cũng giải-quyết được phần nào nạn khan nhà hầu như nan giải sau cuộc đại chiến. Sự xúc tiến một kế-hoạch chỉnh trang lãnh-thổ sẽ đem lại cho ta triển vọng giải-quyết sâu rộng hơn.

*
* *

Tạo ra cho gia-đình những điều - kiện thuận - tiện để cho gia - đình có một số lợi tức đủ dùng và đều đều cũng quan trọng vì khi lập gia - đình vợ chồng tự nhiên phải giảm mức sinh hoạt xuống, nhất là khi có con. Sự an-ninh, thất nghiệp, ốm đau đối với một người có gia-đình nặng-nề ảnh-hưởng hơn đối với người độc thân.

Nước nào cũng có những biện pháp đối phó với tình-trạng ấy tùy theo đường lối chánh - trị về vấn-đề gia-đình.

Một loại biện pháp giải quyết vấn-đề bằng cách lập ra những hội, những tổ-chức chăn giắt trẻ em giúp đỡ gia-đình, mục-đích sẽ bớt gánh nặng cho vợ chồng để có thì giờ làm thêm mà bù đắp cho gia-đình.

Loại biện pháp thứ hai đem lại cho gia-đình một sự trợ giúp bằng tiền bạc. Đó là nguyên-tắc ban hành chế-độ phụ-cấp gia-đình. Tuy không chu đáo về một vài phương-diện nhưng biện pháp này có cái lợi. Để cho gia-đình giải quyết lấy việc nhà

người ta sẽ để cho cha mẹ có ý thức trách nhiệm hơn là để cho một hội thiện nhận lấy trách nhiệm đáng lý phải là của gia đình, nhân đó gợi đến ý niệm về sự bền vững của gia-đình. Vì để cho cha mẹ toàn quyền sử dụng phụ cấp gia-đình nên có vấn đề kiểm soát và hướng dẫn việc sử dụng thế nào cho hiệu lực và tránh sự lạm dụng.

Sau hết chế độ phụ cấp gia đình liên hệ đến vấn đề chức nghiệp của người nội trợ. Vấn đề đặt ra cho thời đại là có nên để phụ-nữ đã lập gia đình giữ một chức nghiệp không? Một chủ trương « có » viện những lý do về bình đẳng bình quyền, về sự đóng góp của phụ nữ vào sản xuất kinh tế, về sự tăng gia nguồn lợi của gia-đình, về sự mất thăng bằng sinh lý của người đàn bà ở k' ông khi con cái đã lớn Sau hết phải kể đến một loại công việc chỉ có thể chu đáo nếu giao cho phụ nữ như công việc từ thiện, ký nhi, bảo sanh v.v.. Chủ trương đối lập trưng lên một lý lẽ quan trọng: quyền lợi và hạnh phúc của gia-đình chỉ có thể giải quyết mỹ mãn khi người nội trợ để toàn lực vào đấy.

Người ta thấy rằng không thể có một giải pháp tuyệt đối vì mỗi nước tùy theo hoàn cảnh chánh trị xã-hội và tâm lý quần chúng có một cách giải quyết thích hợp: Có nước muốn khuyến khích người nội trợ ở nhà đã lập ra loại phụ cấp một lương (trái với 2 lương, cả vợ lẫn chồng cùng đi làm). Loại phụ cấp đó để bù lại khoản thiệt thòi cho gia-đình vì vợ không đi làm đã mất số lương đáng ra phải có.

Người ta phải kể đến yếu tố gia đình trong tất cả các vấn đề phân phối lợi tức, như tính mức sinh hoạt tối thiểu, tính mức trợ cấp về an ninh xã-hội, cách sử dụng nhân công (quyền ưu tiên cho người có gia-đình). cách đánh thuế (nhẹ cho người đông con). Có nơi còn quy định sự giảm giá một vài loại vật phẩm cho các gia-đình đông con.

*
* *

Việt Nam theo đuổi một chính sách hỗn hợp chế độ phụ cấp gia-đình thi hành ở các công sở, nay đã đem áp dụng tại các xí nghiệp dưới hình thức quỹ bù trừ. Mặt khác là những tổ chức công hay tư giúp đỡ các bà mẹ nuôi con, bênh vực quyền lợi người mẹ hay quyền lợi đứa trẻ. Việt-Nam cũng cố gắng tham gia các tổ chức thế giới làm việc cho gia - đình như OMS, VNICF, OIT v.v... kinh nghiệm học hỏi được của người sẽ giúp ta tổ chức những công cuộc xã-hội hợp với mức yêu cầu của gia - đình tân phong.

Vấn đề phụ nữ có chức nghiệp đặt ra cho Việt-Nam từ thời chiến tranh do hoàn cảnh xã-hội (thiếu người làm) và do quan niệm sống mới. Ta vẫn giữ quan niệm cũ của Pháp ở đây về phụ cấp gia-đình. Chế độ phụ cấp gia-đình đã lan rộng đến công nhân các xí nghiệp tư theo phương thức tổ chức lao động. Tuy nhiên ta chưa nghĩ đến sự khuyến khích người mẹ ở nhà với nhiệm vụ nội trợ, tuy tình trạng này đã thành một vấn-đề xã-hội quan trọng.

Tuy nhiên cách nhìn trên đây là cách nhìn của một xã-hội kỹ-nghệ, sự sản xuất của các xí nghiệp dùng công nhân chiếm phần quan trọng, còn ở xứ ta là chế độ sản xuất gia-đình. Một gia-đình tiểu công nghệ hay tiểu thương mướn một người thợ bạn, một nông dân mướn một người canh điền, những người này đã trở thành người làm lương tháng mà lại là số đông,

vấn đề là làm sao cho biện pháp giúp đỡ gia-đình được phổ cập ?

Điều kiện tinh thần

Điều kiện tinh-thần cũng không kém phần quan trọng. Trong một gia-đình tân phong cá nhân tự nguyện tự quyết cuộc phối hợp vậy thì sự bền vững của gia-đình chỉ tùy thuộc cái không khí gia-đình, thái độ của những người phối ngẫu. Pháp luật đã nới lỏng kỷ cương, ý thức cá nhân nẩy nở mạnh, phong tục tập quán cũ không còn mấy ảnh hưởng, con người cần phải giác ngộ và cố gắng nhiều mới gây được cái phong độ, cái trật tự cần thiết cho không khí gia-đình.

Sự cố gắng của các nước trên thế giới hướng về 3 mục đích :

— Tìm điều kiện tinh thần thuận tiện để lập một cuộc hôn phối khả quan.

— Hướng dẫn đời sống gia-đình cho hoà thuận và bền chặt.

— Tìm biện pháp giúp cho gia-đình ứng phó với những biến chuyển có thể xẩy ra.

Ngày trước gây dựng cho con là trách nhiệm của cha mẹ, nhưng ngày nay chính đôi trẻ tự do quyết định. Sự cố gắng của các nhà xã hội học là tìm những công thức, để chỉ bảo thanh niên trong việc lựa chọn lứa đôi. Mặt khác là những phương pháp giáo hoá tình dục, giậy sự tổ chức gia-đình (Family planning), định số con cái để có thể nuôi được chu toàn.

Nước Mỹ đã tiến mạnh về phương diện này. Điểm cuối cùng — hạn định số con cái có vẻ mới lạ đối với những dân tộc còn nặng tập quán cổ truyền. Nhà xã hội học nặng về hạnh phúc cá nhân và đứng ngoài quan niệm dân số một nước. Nhiều nước đã đồng quan điểm với nước Mỹ về sự hạn chế sinh-dục không phải vì hạnh phúc cá nhân mà vì vấn đề giảm bớt sinh sản, hạn định dân số, đối với họ là một vấn đề sinh tử như ở Nhật, Ấn-Độ.

Gia-đình đã lập rồi, sự điều hành gia-đình là cả một nghệ thuật, mà người đàn bà được đưa lên địa vị quản trị gia-đình phải có một sự huấn luyện chắc chắn. Ngày nay khoa học và kỹ thuật tiến bộ, kiến thức mở mang, việc sử-dụng những món đồ nhật dụng trong nhà, vấn-đề ăn uống, vệ-sinh, dưỡng dục con cái không còn giản dị như trước. Các nhà xã-hội học còn nhấn mạnh về dung nhan của người nội-trợ là một yếu-tố tâm-lý quan-trọng. Ngày nay những vấn-đề đó được nghiên-cứu như một môn học. Môn học ấy đặt căn cứ trên những nguyên-tắc xã-hội-học và tâm-lý-học.

Sau cùng là một vấn-đề mới mẻ do hoàn-cảnh xã-hội đặt ra. Trong một nếp sống xã-hội mới, đời sống cá-nhân bổng trầm lên xuống không chừng. Điều-kiện sinh-hoạt của thế-hệ con cái khác hẳn cha mẹ vì thế nếu chỉ truyền lại cho con kinh-nghiệm và tập quán của cha mẹ thì không đủ, cái gì hợp với thế-hệ cha mẹ có thể không hợp với thế-hệ con cái. Có khi những điều đứa trẻ được thụ-giáo còn mâu-thuẫn với thực-tế khi nó được trưởng thành. Chiến-tranh, hiện - tượng khủng hoảng kinh-tế, sự thay đổi cảnh đời thôn dã ra cảnh đời thị thành, đều có thể ảnh hưởng sâu xa đến điều kiện sinh-hoạt của gia-đình.

Vấn-đề đặt ra là làm sao cho gia đình thích-ứng được với những sự biến đổi ấy.

Phải làm sao giúp đỡ gia-đình trong sự cố gắng để thoát khỏi những tình-trạng ấy.

*
* *

Để đạt ba mục phiêu nói trên kia người ta đã nghĩ đến nhiều phương-tiện.

Phương-tiện giáo-dục là đưa vào trường học những môn học về gia-đình. Đó là môn học nội-trợ, một môn học sâu rộng hơn môn gia chánh hay nữ công vì bao quát tất cả các vấn-đề tâm-lý, xã-hội, tổ-chức, liên hệ đến gia-đình. Trường học thay thế cha mẹ giậy đường ăn lối ở cho thanh niên. Tại Hoa - Kỳ đã có tới 800 trường học giảng giậy môn nội trợ.

Phương tiện thứ hai là tạo lập những hội khuyến gia đạo, tức là những tổ chức để truyền bá môn học gia đình gồm những chuyên viên, y-sĩ, văn - sĩ, những nhà xã hội học, sinh vật học, tâm lý học v. v. Những tổ chức ấy của tư nhân, hay có trợ giúp của chánh phủ về tài chánh, có nhiệm vụ liên lạc với các học đường để tổ chức những buổi nói chuyện, in sách vở để truyền bá, giúp người nào đến thỉnh cầu để khuyên bảo, giảng giậy và giải quyết giúp những khó khăn về gia - đình.

Một loạt công tác nữa huy động những nhân viên có huấn luyện riêng để giải thích và giải quyết nhiều điều thuộc pháp lý, những công việc trợ giúp có thể cần xin được. Những điều ấy thường thường không được phổ cập trong dân chúng. Những nhân viên ấy cũng giúp đỡ gia-đình về nhiều phương diện khác như y tế, an ninh, hoạt động thường xen lẫn với những cơ quan bảo trợ gia - đình khác. Một loại tổ chức nữa có tính cách phụ giúp gia-đình thay vì người hàng xóm thuở xưa, coi giùm con khi mẹ bệnh, trông nhà khi vắng mặt đi xa v. v...

Người ta còn cải thiện khung cảnh khu phố phường để gia-đình tiện hưởng những sự trợ giúp của các cơ quan xã-hội, vấn đề này đặt ra vì trong những thành phố đông đảo, một gia - đình trong một căn nhà bé nhỏ sẽ lạc lõng lẻ loi ở trong khu mình ở, thường thường cách xa nơi làm việc. Như vậy cảnh đời khác hẳn ở thôn xóm mà họ quen biết cả mọi người. Tình trạng đó hẳn là không tránh khỏi những sự ngặt nghèo khi « tối lửa tắt đèn. » Cần đến nghiệp đoàn hay các tổ chức xã-hội thì xa xôi. Gia-đình thiếu hẳn sự tương trợ đoàn thể như ở thôn xóm. Khuynh hướng mới của sự chỉnh trang thành thị là lập ra từng khu độ 1000 hay 1200 gia-đình có đời sống cộng đồng với chợ búa, tổ chức xã-hội, y-tế v.v. . để tiện mọi việc, thay gì sự phân chia Thành-thị ra từng khu Thương-mại, Kỹ-nghệ, cư-xá bây giờ. Đó là công thức mà người Anh gọi là Neighbourhood Unit. Có nước lập ra những « trung tâm gia-đình », quy tụ những gia-đình gần nhau để giao du thân cận với nhau.

Đó mới là những sáng kiến nhỏ để lập lại mối liên lạc chặt chẽ thuở xưa giữa mọi gia-đình trong một thôn xóm. Đời sống mới đã tụ họp người ta một cách tình cờ và đột ngột vào một nơi, chỉnh đốn và tổ chức sự tụ họp đó trong điều kiện sinh hoạt mới luôn luôn thay đổi theo sự tiến triển kinh tế và xã-hội, đó là những vấn đề luôn luôn phải đặt lại.

*
* *

Ta nhận thấy ta chưa tiến bộ lắm về sự cấu tạo những điều kiện tinh thần để hướng dẫn gia-đình trên bước đường mới mẻ của đời sống. Thế hệ Thanh-niên ngày nay — và cả trước đây nữa — bị ấn vào vòng hôn phối tự do không có chút sửa soạn. Phong tục cổ truyền có nhiều điểm lỗi thời không đem lại cho họ chút kinh nghiệm nào đáng tin cậy, vả chăng họ bị thu hút bởi những tư-tưởng tự do Âu-Mỹ nên đã sẵn có ý gạt những quan niệm cổ ra ngoài vòng thảo luận. Nhưng họ lại thiếu hẳn những tiêu chuẩn để tự định đoạt hôn nhân cho thích hợp với tính tình và hoàn cảnh. Phụ-nữ chưa được huấn luyện để đảm nhiệm việc quản trị gia-đình. Ta phải công nhận là phần lớn sự bất hoà trong nhà là do sự bất lực của người nội trợ không giải quyết nổi khó khăn của gia đình.

Mới đây môn học gia chánh bắt đầu có trong chương trình Trung-học, nhưng chưa đủ tầm quan trọng đáng ra phải có. Tuy nhiên chương trình học phổ thông đã nặng rồi không thể cắt xén thêm giờ học nữa. Vấn đề phải giải quyết một cách khác.

Những nhận xét khái qnát trên đây không nói lên được gì vì hôn nhân là một vấn đề to rộng không thể nói hết trong phạm vi bài này. Trong khung cảnh chung của xã-hội tôi chỉ có thể nói rằng gia-đình đã tiến rất nhanh về phương diện pháp lý trong khi điều kiện tinh thần và vật chất tiến rất chậm. Pháp lý không được hỗ trợ bằng sự giáo hóa để gây ra những tập quán thích nghi, dẫn bước tiến cho có nhịp điệu, có thể không đem lại những kết quả mong muốn.

Những công tác xã hội bảo vệ gia-đình, khuyên gia đạo ta chưa thực hiện được. Sự nghiên cứu những vấn đề gia - đình tân phong chưa được đưa lên thành một môn học cụ thể, thành ra gia-đình tân phong của ta có cốt mà không có hồn.

Khu « Liên gia » ta đang thành lập nhìn theo một góc cạnh khác có thể trả lời công thức Neighbourhood Unit. Mẫu mực đó đem áp dụng vào chương trình mở mang và chỉnh đốn thành thị sẽ thuận lợi cho ta đặt những cơ sở « cộng đồng gia-đình ».

Mối liên hệ cha con

Ngày nay người ta cho rằng nhiệm vụ dưỡng dục con cái là nhiệm vụ chính yếu của gia-đình bởi hai lẽ : Chỉ có gia-đình là nơi thuận tiện để đứa trẻ sinh trưởng và phát triển khả năng trí tuệ và tình cảm. Gia-đình quyết định sự tồn vong của xã-hội di truyền lại cho con cái những

---

✱ Người trên càng gây được uy tín bằng giá trị kỹ thuật và đạo đức của mình bao nhiêu, và càng chinh phục lòng người bằng công bình, nhân ái, hy sinh bao nhiêu thì càng dễ thắng được những sức đối kháng của người dưới bấy nhiêu. (L. M. Courtois)

✱ Kiêu căng, hách dịch không tiêu trừ được đối kháng ; có cương quyết, vô tư mới tiêu trừ được đối kháng.

thói tục, kỷ cương, đạo đức là những yếu tố tinh thần dựng nên xã hội.

Nhưng « nghề » làm cha mẹ mỗi ngày một khó khăn vì xã hội tiến triển quá mau chóng, sự giáo dục phải căn cứ vào những nguyên tắc do sự nghiên cứu khoa học mỗi ngày một hoàn thiện thêm, chứ không phải chỉ giậy con những lề lối cổ truyền. Việc giậy con đòi hỏi cha mẹ những khiến thức rộng rãi mới tạo được điều kiện cho đứa trẻ phát triển toàn vẹn, và như thế phải phát triển cả nhân vị của nó. Gia - đình không có thể là khung cảnh làm cản trở sự phát triển đó. Sự giáo dục lại còn khó khăn hơn vì phải phù hợp với tính tình riêng của mỗi đứa con cha mẹ mất thì giờ đi làm ở ngoài, sự giậy dỗ lại vì thế mà khiếm khuyết.

Sứ mạng quan-trọng ấy phải làm sao cho cha mẹ nhận chân được và có phương-tiện lo lắng cho tròn. Trên phương-diện này, một lần nữa gia-đình cần được sự giúp đỡ ở ngoài. Vấn-đề *giáo-dục cha mẹ* được đặt ra vậy.

Hoa-Kỳ đã đi tiền-phong, khắp nơi những « hội phụ mẫu » được thành-lập để mở những lớp giậy « nghề » làm cha mẹ. Tại Pháp cũng có một trường giậy làm cha mẹ. Phong-trào này kém phần hoạt-động ở các nước Âu-Châu vì gia-đình còn giữ nhiều phong-độ cổ-truyền, các tổ-chức bảo-trợ gia-đình kiêm lãnh nhiệm-vụ ấy.

Còn một số trẻ em phải nuôi dưỡng ngoài khung cảnh gia-đình là những trẻ con vô thừa nhận hay có cha mẹ bị truất quyền nuôi dưỡng vì không xứng đáng hay bất lực. Có hai cách giải-quyết. Một là lập những trung-tâm nuôi nấng như các hội phước-thiện. Hai là để cho một gia-đình khác nuôi. Giải-pháp thứ hai có phần tốt đẹp hơn vì đứa trẻ được lớn lên trong khung cảnh gia-đình như các trẻ khác.

***

Ta chưa đặt vấn-đề giáo-dục cha mẹ bao giờ, với đà tiến gấp của xã-hội ta, sự bất lực của cha mẹ trong việc giậy con cho cập thời đã đặt ra vấn-đề giáo-dục cha mẹ từ lâu chứ không phải bây giờ, từ hồi văn-minh Âu Tây thấm nhuần thanh-niên tạo ra một thế-hệ quan-niệm gia-đình khác hẳn tiền bối.

Đối với ta, nhiệm-vụ làm cha mẹ còn khó khăn hơn ở bên Tây-Phương vì họ chỉ có vấn-đề chuyển bước từ nền nếp cổ-truyền sang quan-niệm sống mới, ta còn thêm vào đó vấn-đề dung hòa Đông Tây.

Sống vào lúc giao thời, cha mẹ không có gì làm kim chỉ nam nên lúng túng không biết truyền lại cho con cái gì hợp thời. Bây giờ ta có những hội phụ huynh học sinh, những tổ chức sẵn có ấy có thể mở rộng tầm hoạt động đến các vấn đề gia-đình.

KẾT LUẬN :

Những vấn đề gia đình chính yếu đại để là như thế. Đặt trước tình trạng phân tán và bất nhất của gia-đình, các nước dù đứng về quan điểm bảo thủ hay cấp tiến để bảo vệ và củng cố gia-đình cũng tiến đến những biện pháp thực hiện rất gần với nhau.

Tuy nhiên các nhà xã hội học đã bắt đầu thắc mắc về một vấn đề mỗi ngày một thành hình rõ rệt Xã hội ngày nay tiến đến một tình trạng đặc biệt : với sự nẩy nở tự do cá nhân, con người tùy thuộc xã hội chặt chẽ hơn bao giờ hết. Về phương diện chánh trị, chánh phủ can thiệp vào nhiều hoạt động kinh tế văn hóa xã hội xưa kia hoàn toàn để cho sáng kiến tư nhân. Về phương diện gia-đình sự an-ninh của con người trong gia-đình tùy thuộc mỗi ngày một chặt chẽ các hội, các cơ quan, tổ chức cứu tế và bảo trợ. Người ta có thể lợi dụng tình trạng ấy để hướng những tổ chức ấy về một mục đích nào, nghĩa là chi phối gia-đình làm mất tính chất độc lập đặc thù của gia-đình, giải pháp được nghiên cứu là để cho các gia-đình hội viên trong một đoàn thể tự quản trị lấy, và phân định mức can thiệp của đoàn thể thế nào để có sự tôn trọng quyền lợi và sáng kiến cá nhân.

Đối với nước Việt-Nam, ta ghi lại những nhận xét này : Nhiều điểm pháp lý của gia-đình tiến triển mau chóng đặt gia-đình Việt-Nam vào một vị trí tương đương với mức tiến triển của gia-đình tân phong các nước bán kỹ nghệ. Sự giáo hoá và giúp đỡ gia-đình phải theo kịp bước nhẩy vọt ấy để gia-đình tiến triển trong những điều kiện thỏa mãn. Tương lại gia-đình của ta tuy thuộc sự nghiên cứu và cách đặt vấn đề giáo hoá ấy.

CÔ-LIÊU

✱ Đối kháng càng tăng, kiên nhẫn càng cần tăng hơn để duy trì công việc và đi tới thành công.

✱ Muốn thành công trong một công cuộc, cần phải cương quyết, song cũng cần phải khôn khéo tránh những vấp váp, thắng những vấp váp, nhất là thắng mình.

Tiền tài.

Tục ngữ Trung-Hoa có câu : « *Sàng đầu kim tận, tráng sĩ vô nhan,* » đầu giường tiền hết, tráng sĩ cũng khó lòng mở mặt ra được. Câu trên cũng đồng nghĩa với câu : « *Vô vật bất linh* », không có lễ vật thì không linh thiêng. Đại ý đều cho tiền tài có quyền lực vạn năng. Nguyễn-công-Trứ cũng có hai câu : « *Quân tử lúc cũng thèm thẹn mặt, Anh hùng khi gấp cũng khoanh tay* ». Tựu trung có câu của Racine là thấm thía thơn cả : ... « *sans argent l'honneur n'est qu'une maladie* » : không tiền tài thì danh dự chỉ là một bệnh hoạn.

ĐOÀN-THÊM

TRANG NHẬT-KÝ

ĐỌC qua mấy trang nhật-ký của ông Tư do Cồng chuyển sau khi nghiền ngẫm, tôi bảo bạn :

— Người thề này mà điên hay sao ?

— Thì hãy đọc kỹ lại đi, chưa chi đã...

Kể thì cũng lạ : bà con đều biết ông Tư là một người khỏe mạnh, ưa hoạt động, tính toán đâu ra đấy, sống theo mực thước, không lẽ lẩn thẩn viết những chuyện đầu cua tai nheo ? Hay là tại cũng ham mê đọc sách mà hóa gàn ?

Dù sao, tôi cũng theo lời bạn mà đọc *thong thả* trước khi quyết đoán, những trang dưới đây :

*
* *

. . . . . .
. . . . . .

Lại ngáp. Sao tỉnh dậy mà cứ ngáp như buồn ngủ ? Vẫn còn buồn ngủ ? Không. Đã sao ? Khóc lúc buồn, nhưng vui quá cũng khóc « cười ra nước mắt ».

Ngồi dậy, chẳng muốn nhìn vợ. E thấy cái mũi bóng thì phát chán. Thề là đã quên rằng đêm qua hai vợ chồng cùng ngắm trăng soi vào giường, thân mật như thề nào. Cái giống đàn ông ! Thôi, vỗ vai thân mến một tí, lay tỉnh.

Ô hay, tỉnh làm gì ? Để cho ngủ thêm một giờ nữa đã sao ? Thì ra mình ích-kỷ, phải dậy sớm thì chẳng muốn ai ngủ trưa. Hình như mình có óc mẹ chồng. Tội nghiệp, cứ ngủ cho ngon.

Guốc đứt quai, sao lại đứt ? Chẳng ai thèm trông nom gì ở cái nhà này cả. Tôi mặc kệ bà, tôi lấy guốc của bà tôi đi.

Làm sao lại gót cao lênh nghênh đến một gang tay thề này, có bận ngã

trật mất ra. Đẹp với chẳng đẹp, thật vô lý, lổ bịch, guốc với ghiếc.

Bánh mì gì mà bảnh mắt đã giật chuông váng lên gọi ra lầy ? Hôm nào cũng bánh mì hay sao ?

Kìa hoa hồng nở tươi quá, từ bao giờ. Nở mà không báo trước, lúc biết thì lại sắp tàn. Nhưng đẹp, những giọt sương kia, được lắm : giá nhặt mà dính vào mi mắt nào đó, có lẽ trông được.

Ừ thì đưa bánh mì ra đây ăn, và pha cà-phê mau. Bánh mì mà lại hay gọi là bánh tây, đồ các ông làm tự-điển cắt nghĩa vì sao ? Có phải bánh tây chỉ có thể hoặc chỉ có Tây ăn ? Tại dưới thời Pháp-thuộc, lúc đầu, chỉ thấy có bánh đó nhiều nhất ; về sau cũng khối bánh khác những đắt tiền quá dân ta nghèo ở thành phố chẳng mua nổi, chỉ dám mua cái thứ mà lắm người, cả mình ngày bé, cũng chẳng rõ là làm bằng bột mì. Bây giờ Tây về Tây rồi và ai cũng đã hiểu có thứ bột là bột mì, thì không nên gọi là bánh tây nữa. Đã có lần mình gọi đùa là bánh Pháp, chẳng ai hiểu cả, tuy Pháp với Tây là một...

Cứ nghĩ lôi thôi thì ra đã xong bao nhiêu việc lặt vặt : đánh răng, rửa mặt, vò đầu, giội nước, lau cọ, chải tóc, cạo râu... từ bao giờ. Trong mình, hình như có một kẻ hầu hạ rất thạo việc, một thứ người máy « robot » nó làm hộ mình bao nhiêu việc tối-cần, một cách lặng lẽ, đâu ra đấy, không phải trả lương.

Chỉ còn mặc quần áo. Lại đứt khuy cổ, bao nhiêu lần rồi, bực quá. Vươn mãi cổ cho bà ấy đính khuy, mà mãi chưa xong ; còn cười trừ và thắt cra-vạt « đển ». Đển, cứ bỏ mặc chẳng xem xét trước để đứt thì khâu ngay. Đàn-bà không biết chừa, chứng nào tật ấy, rồi « đển », chỉ đển là cùng. Lại còn cái dải rút quần đùi, cứ chui vào giữa cạp, cạp bảo khâu cho to thì sợ xấu, thò ngón tay vào kéo ra không được, muốn vứt hết cả đi. Chẳng lẽ chỉ mặc quần dài không thôi.

Mình phì cười. Cười buột ra, vội ngậm lại, kẻo vợ lại ngỡ là vui lắm và đã nhận mình cáu vô-lý. Có lý lắm chứ ? Nhịn cười để giữ lý.

Cứ vừa bắt chịu đựng tất cả các tai nạn đứt guốc, đứt khuy, mất dải rút... rồi bắt niềm nở tươi cười. Thiều tinh-thần hiểu biết.

Báo hôm nay, sao lại không có kẻ nào thụt két ngồi tù ? Gì thế này ? Nasser dám đóng kinh Suez thật, không cho tàu biển qua. Thôi hỏng ! Thế này thì tàu phải vòng Phi-Châu, hàng của mình lại chậm ba tháng là ít. Còn làm ăn gì ? Đời sống của mình do những kẻ chẳng có quyền gì đối với mình, tự những ông Phi-Châu chi phối hay sao ? Nhưng nếu ông Anh ông Pháp nhất định đánh thì mới rầy rà... Thôi thì uống cà-phê, nguội mất rồi.

Thế nào cũng khỏi chú bắt đầu vét hàng, tích trữ, đầu cơ. Tchi-Phoc thì tránh sao khỏi ? Mình có hỏi thử chắc nó bảo : lỗi tại mấy ông Phi-Châu. Nó chẳng chờ tin trên báo cũng rõ từ lâu rồi, mình buôn bán vẫn kém nó ở chỗ đó.

Thằng Thanh, thằng Tịnh đã thuộc bài chưa mà lăm le vác cập đi học cho sớm ? Lại chỉ mong đến sớm đánh bi đá cầu hả ? Thưa thuộc rồi ạ. Thuộc rồi ạ, lúc nào chẳng nói thế ? Mình ngồi uống cà-phê, sao không gọi chúng nó ra đọc bài giảng bài, cứ hỏi suông rồi bán tin bán nghi. Sự thực mình cũng lười như chúng, mội bên hỏi lấy lệ ra đều ta săn sóc đến con, một bên trả lời bừa đi vì yên trí rằng bố hỏi thì hỏi đấy thôi, chớ chẳng có thời giờ hay kiên-nhẫn mà truy bài. Cha nào thì con ấy.

Kìa ông ký già nhà Băng đã ngậm thuốc lá ra đứng chờ xe buýt ở đầu đường : 7 giờ 10 phút. Hắn làm đồng-hồ cho mình cũng tiện, đỡ phải lên dây.

Có đứa nào đấy, lấy tao cái veston đây. Ấy gọi cho đủ lệ, chẳng đứa nào thưa, chúng nó còn hí húi bếp nước gì đó, thôi, lại chính đứa này thân đi lấy veston vậy. Cà-phê dùng được.

« Ấy ông chờ tôi một tí lên đường Bonard với ». Lạ quá, muốn đi « quá giang » một cuốc xe mình, mà bà ấy chẳng sửa soạn trước. Lần nào cũng thế. Đánh xe ra rồi mới hô lại. Còn kem còn phấn, còn « con Lan, mày ủi gấptao cái áo này nhàu rồi ». Ít ra 15 phút, chồng đi trễ kệ chồng, đẹp đã.

Đẹp cho ai ? cho thiên-hạ, mà thiên-hạ nào nhìn cơ ? chỉ có kẻ này thỉnh thoảng nhìn trộm, vì được ngắm lâu mà biết, thì lại lên mặt lên mũi. Ở nhà thì chẳng làm đẹp cho. Rồi ngồi xe, giá mình có ngó vào gương xe « rétroviseur », đã chắt vấn ông nhìn ai thế ? Nhìn ông xích-lô sắp đâm bổ vào sau xe mình, mà ông ấy thì còn mỹ-thuật gì ? Viết đến đây cũng còn muốn thở dài. Chẳng lẽ cứ nói dối như Cổng hễ vợ trách hay nhìn phụ-nữ khác thì cứ xoen xoét : anh càng ngắm người khác càng thấy em hơn họ bao nhiêu !

Cái lão này đi kỳ quá, « doubler » thế mà coi như đùa, chết cũng đáng kiếp. Nhưng lão chết, ít nhất xe mình bị hãm nửa giờ rồi còn lôi thôi ; chắc lão tin thế nên cứ bừa đi.

Nghĩ gì mà đèn xanh lên rồi, chẳng cho xe chạy, ông Cảnh-binh lại hỏi giấy biên phạt. Xin lỗi ông, ông mắng thì nán chịu, nhưng nào trong bụng mình có nhận lỗi, mình cảm thấy ông nghiệt quá. Mình không muốn ai bắt bẻ mình cả, nhất là trước mặt vợ mà phải hạ giọng xin lỗi người khác dù mình có lỗi, dù người đó có thế cho mình vô khám. Mình ước mong ông có nhiều tinh-thần hiểu biết.

Lại dừng. Này Má nó ơi, trông hai chàng kia đánh nhau ! Hai kẻ túi bụi đấm đá. «Anh trẻ con quá, thế mà cũng trổ mắt !» Ô hay, ngay đến nhìn đấu võ mà cũng không được ?

Ừ nhưng mà tại sao mình thích xem đánh nhau cãi nhau, mình như con nít, theo thói của con nít, có phải là theo khuynh-hướng tự - nhiên không ? tại con người thèm muốn sức khỏe, trời sinh ra hiếu thắng ? Kể cũng khỉ : ông Nguyễn-Công-Tư, 38 tuổi, đại thương gia, chủ-tịch Hội A.X.B.C.Y. mà lại

thích xem du-côn đấm đá nhau. Nhưng sao bao nhiêu ông bà khác các giới trên hoàn cầu hồi hộp xem đấu quyền ?

Đậu đó vậy. Lúc trở về thì kêu tắc-xi hả ? một người lững thững đi, một kẻ mở máy, chẳng ai chào ai. Sao lại không chào ? sao lại phải chào ? À phải, kẻ nọ là 1/2 của kẻ kia rồi chẳng lẻ nửa nọ chào nửa kia.

Cứ mỗi lần mua thuốc lá, là có thằng bé đến xin tiền, bực quá thể ! À thằng này trông cũng tội nghiệp. Nhưng thôi, cho nó rồi mấy ông mấy bà kia lại tưởng rằng trước mặt mọi người, mình muốn khoe ra đều mình có hảo-tâm.

Thôi chết, la cà mãi chậm ngót một giờ rồi. Ngộ nó đói thì sao ? Lần sau không lấy đồng lẻ của cô hàng trả lại, bảo cô cho nó là thượng sách.

Lại ông Láng đón mình ở cửa tiệm để gãi đầu gãi tai đòi tăng lương, chắc lại sắp kèo nhèo : vợ ốm, con ốm v.v... Ta đi bước trước cho im mồm đi : thế nào, có đứa con nào ốm thập tử nhất sinh không ? Mình nghe giọng mình và thấy anh chàng lúng túng mình cũng khoái rằng có óc hài hước.

Đưa đây coi, cô Sáu : cô xem họ thật vô-nhân-đạo, họ chậm tiền của mình có khi sáu tháng, mình chẳng bảo sao, nay tiền hàng thâu không kịp, lỡ chậm trả họ mới 17 hôm, đã thúc bách gay gắt. Cô gọi đâ nói bảo hắn tện Chà Mohamed đó : có muốn làm ăn yên ổn với nhau về lâu dài thì liệu mà vừa vừa chứ, đừng có trêu ông Tư.

À, chính hắn gọi ? đưa tôi trả lời. Allô, allô, đây Tư và Châu-Linh LTD. Ông Mohamed hả ? Hà hà, hà... ông mạnh chứ ? Sao không tới dùng cơm hôm trước ? Lần sau cầm từ chối hả ? Chiếc Mercédès mới của ông coi đẹp quá, giá ông mướn một cô tài-xế nào xinh xinh ngồi lái cho ông thì mới xứng đáng. Nhớ ông lắm, vâng vâng, chỗ ông với tôi mà, tốt quá, cám ơn, có là bao ? Hay lắm, hà hà hà...

Cái con Sáu cứ bưng miệng cười. Thôi đi mà tính nốt sổ hóa-đơn còn đọng, cười ? Thiều tinh - thần hiểu biết. Làm ăn xã giao thì cũng phải mềm dẻo chứ ? Đã đành là về lý-thuyết, thì tên Mohamed vẫn vô-nhân-đạo.

Lại chuyện kênh Suez. Rắc rối quá. Ông Thái mang sổ đây coi ! Thế này là hàng của mình mắc nghẽn. Lấy tạm của Tchi-Phoc giao cho Pierre được không ? Nếu Pierre không nghe, hứa bừa đi cho hắn rằng hễ được « licence » mua giấy, sẽ nhượng lại cho hắn một nửa. Nhưng liệu hắn có chịu điều - kiện mua ngoại-tệ hồi-xuất tự-do trả cho mình không? Nó cũng ranh lắm. Thôi, bao vây nó. Ông Thái kêu giúp điện thoại nhờ Osikata can thiệp, cứ nhờ là hắn hiểu rồi, và hắn bảo thì Pierre phải nghe vì Pierre còn đương mong nhờ giúp việc bán cao-su và lông vịt.

Sao mà hội họp lắm thế ? Bàn cãi mãi đi đến đâu ? Anh nào cũng muốn giữ phần chia «quota» của mình, mật ít ruồi nhiều... Phước-Ký gọi hùn vốn:

để đó. Giấy thông-quan không hợp lệ: chịu khó đến nói với ông Liêu. Quyên, lại lạc quyên: cô Sáu coi lần trước đây cho hội X bao nhiêu thì nay cũng cấp đại khái như vậy. Bộ Kinh-Tế đòi thêm tài-liệu về kho hàng: quái, lão Thái cứ để thiếu sót hoài. Đăng quảng-cáo trên các báo: cô Sáu coi sao tháng này nhiều tiền quá thế này? Cáo-thị số 475 của Viện Hối-Đoái : hừ, cũng không sao. Bản thảo «truyện ngắn» của Thủy-Tùng: viết tay thế này ai mà đọc hộ được ? Ông Thái chịu khó đánh máy rõ ràng hộ, chiều đưa coi. Bỏ mấy tờ báo Pháp vừa nhận được vào cập hộ tôi, tối đọc. Khoan, ảnh Margaret, lại sắp lấy ai ?

Cái con Sáu bậy quá. Dặn hễ mục tin tức kinh-tế, giá hàng, hối - xuất ngoại-tệ, giá bông vải và giấy hoặc những bài liên-hệ thì vạch bút chì đỏ cho mình, mà nó cứ vạch những tin đồn Ali Khan vừa chiếm đoạt được trái tim nào, hoặc tin tức minh - tinh điện-ảnh. Có lẽ nó cho rằng chỉ có thế đáng đọc, và muốn nhắc mình rằng tính toán và hò hét máy nói thì không phải là sống ?

*
* *

Về cho mau. Ăn cũng cho mau. Để còn ngả lưng một lúc buổi trưa. Nóng thế này mà làm suốt đến bốn giờ như Anglais thì chỉ sớm về nghĩa địa. Để cho người ta nghỉ, cứ hỏi một trăm thứ. Xem thì hiểu lấy. Đàn-bà thì rắc rối làm gì vào chuyện kinh Suez, khuy áo đứt thì chẳng nghĩ tới. Phân công người nào việc ấy, lại bảo khinh : giá mình được ngồi nhà khâu khuy, sướng hơn là phải đóng tuồng với Mohamed vì kinh Suez. Cứ bắt mình về đến nhà thì phải niềm nở dịu dàng, có biết đâu trong đầu óc lộn xộn trăm hai mươi vấn-đề: thua lỗ thì hết dịu dàng niềm nở. «Chán chuyện với ông lắm.» Thì cũng chán chuyện với bà lắm.

À ra buổi sáng gỡ mình một cuốc xe để đi uốn tóc. Ừ, làm lại cái đầu, trông cũng được. Lại có cái về ngày nào đó. Xem chừng đương-sự thú mớ tóc mới, cứ ngắm gương mãi, có lẽ con Sáu nó thấy cũng sẽ vào hùa với bà chủ mà coi bà rất « biết sống ». Quay lưng vào mình như để phô tóc : chà, trông như đầu cô Suzanne Hayward. Có kẻ thấy khen cũng thinh thích, tưởng ngủ rồi, mà quay lại nhoẻn cười. Thì chỉ chờ có một lời khen thôi, rồi có ngủ mới yên. Tiếc làm chi ? Và nếu chỉ thế, đừng đâm vào những Kinh Suez, thì quả đáng yêu hơn.

*
* *

Sao nắng gắt mà mình ngồi lái xe vẫn huýt còi, không thấy buồn ngủ như mọi hôm ? Và tại sao trông vào gương rétroviseur lại như phơ phất những tóc tơ nào đó ? Mình vẫn coi vợ như một cô gái nhỏ dễ trêu tức mà cũng dễ làm cho vui sướng : thì mình cũng thế chớ hơn gì ? tại sao một dáng vẻ gì xinh đẹp có hiệu quả trút bỏ những lo âu tính toán khô khan nặng chĩu ?

Sáu nhìn mình với đôi mắt tò mò : chắc tại mình vẫn huýt còi, hoặc

huýt bài cổ quá nên đối với Sáu lại là mới, bài Valse trong phim Congrès de Vienne đầy giọng yêu đương, mà cả vợ với mình khi còn là bạn học, rất ưa rất ưa.

« Thường khi ông hay buồn và nhăn trán, hôm nay ông vui ». Sáu nói rụt rè mà dễ nghe quá. Thì ra tò mò soi mói nhất cử nhất động của mình để liệu bề tiến thoái đối xử ? Đàn bà kể cũng tinh thật, thoáng có gì là họ thấy. Giá thử ông Láng cũng thấy thì chắc đã lợi dụng giờ phút này mà gải đầu gải tai mạnh hơn, và nếu có một đứa con ôm chắc sẽ bắt cả ba đau nặng.

Thôi thì ông chẳng thấy cũng cho ông hài lòng đôi chút, mặc dầu Nasser cản đường hàng hóa. Cô Sáu, coi lại lương ông Láng và nếu quả túng thiếu quá thì cho vay trước một tháng, cố gắng chăm chỉ thì cuối năm cho đứt. « Chỉ có ông Láng là hên ! » con bé này quái ác, chắc lại tị nạnh và muốn vòi vĩnh đây. Cho nó có giấy của Tổng-Hội X.X.X. mời đi coi trình diễn văn-nghệ : thưa ông, giấy mời bà (bà — à — à — a) chớ mời đâu tôi (tô—ô—ôi). Sao nói đến bà và tôi lại dài giọng như mỉa mai và nghe như dỗi ? Không muốn vé coi hát thì còn muốn gì nữa, khó hiểu quá.

Lại dây nói. Osikata cũng khiếp thật ! Hắn thấy mình nhờ hắn, là nhờ luôn việc xin nhập-cảnh hộ ba anh Nhật khác. Chúng ta đều lợi dụng nhau hết, và người nọ giúp người kia đều « với điều-kiện » cả, một vòng lẩn quẩn như thế này thì sao cho thoát ? Tương trợ hay tương tranh ? Thôi, nhức đầu lắm, coi là tương trợ đi, đặt điền-kiện cho nhau để buộc nhau phải giúp nhau, tức là bắt nhau làm điều tốt lẫn cho nhau, vậy thì không tranh cạnh gì hết. Ngụy biện để đời sống đẹp hơn, đã sao ? Xin vâng, a-ri-ga-tô ông, và tôi sẽ cố tìm bạn quen nói giúp ông, và qua dây nói, tôi cũng trông thấy cái cười mỉm của ông và cái đầu ông cúi lễ phép lắm lắm!

Nào đã hết ? Lại khổ với ngoại-tệ đây. Ông Ngoại-Thương cho mua máy mà khoug cấp ngoại-tệ theo hối-xuất chánh.thức 35$ một mỹ-kim. Cô Sáu tạm tính coi 912 dollars theo hối-xuất tự-do 75$ xem bao nhiêu bạc đây. Bực lắm. Mất gấp đôi thì sao bây giờ ? Thế mà không cho thằng bé hành-khất xin 1$. Ông Thái đâu, coi lại tổng-sổ hàng còn gửi thương-khổ : nếu đành rút bớt số lời mỗi kí 6$ thì để lại ngay cho tên Tchi-Phoc được, nhưng liệu có đủ bù vào số bạc để mua ngoại-tệ trên thị-trường tự do không ? Ghi rõ ràng câu tôi hỏi, 9 giờ sớm mai cho tôi biết kết quả. Gọi cả thày Năm, bảo đi tìm ông Thẩu-khoán Cước, và nhắn thu xếp trả tôi trong một tuần số 134.000$: còn thiếu, chưa chắc gì ông ấy trả kịp, nhưng cứ thúc. Lỡ không được thì xoay đâu đây ?

Sao lúc lo âu, thời-giờ đi chóng vậy ? Ngẩn mặt ra đây cũng đến thề, Chờ mai họ tính toán rõ ràng đã.

Quá giờ rồi, sao Sáu còn lần quần chẳng chân trước chân sau cuồn séo như mọi ngày ? Chẳng lẽ thấy mình ôm trán và hút nhiều thuốc lá mà con bé cũng bần thần ? Làm việc bằng con số hay bằng cái gì khác ?

Không, cái gì khác cũng không đưa lại món tiền sắp thiệt. Ở đây chúng ta làm việc với nhưng con số có dầu bạc. Chúng ta là những kẻ xếp thế nào cho những số lời có nhiều zéro theo sau. Chúng ta về đi, cô Sáu. Những tà áo xanh vàng trắng phất phới ở vỉa hè kia, chiều nay trông tẻ ngắt, chẳng nói lên gì cho mình cả. Nhất định về.

Con Ngọc-Lư đương chập chững đi, thấy Ba nó về, vội xòa ngay xuống đất bò bổn cẳng; Má nó kêu : nó lại làm trò con chó cún ra đón Ba để nũng nịu đòi quà đây. Ôi ! những tròn xinh, những đen láy, những tơ mềm, những trong trắng, những mũn mĩm, sao giờ này thấy cần thiết như vậy ? Không có thuốc nào hiệu nghiệm hơn, để xoa dịu những gắt gao, những bứt rứt, những nặng chĩu...

Để nó lại đây. Ngây thơ ngộ nghĩnh của nó đáng giá trăm ngàn triệu mỹ-kim theo hối-xuất tự-do, thế thì còn tiếc chi nó một chút quà : gọi mua cho nó một cà-rem cây !

Và tối hôm nay, Ba làm ngựa cho mấy đứa nhỏ cưỡi chạy khắp phòng cho đến lúc đi ngủ, đứa nào té ngã thì phải ăn kẹo. . . . . .

. . . . . :

*
* *

Cồng hỏi ý-kiến tôi.

Theo tôi nhận xét, thì cử-chỉ, hành-vi, suy-luận, ngôn-ngữ, các phản ứng và cách đối-xử của ông Tư trong một ngày, *đầy những sự mâu-thuẫn*, chắc ông ghi để dễ bề tự xét lại : lúc vô-lý, lúc hợp-lý, lúc lành, lúc ác, lúc người lớn, lúc trẻ con, lúc dễ-dàng, lúc khó khăn, lúc tính toán, lúc nghĩ lẩn thẩn, vui, giận, thương... xúc động lộn xộn. mặc dầu mọi sự đó liên tiếp lướt trên một tâm-hồn không xấu, vẫn có tình, nhưng để ngoại-giới kích thích xô đẩy , lý-trí không kịp kiểm-soát để giữ bình-tĩnh, nên nhiều khi tưởng như trái bản-chất ; nếu chỉ gặp ông ở một lúc nào đó, và chỉ căn-cứ vào lời lẽ cử-động lúc đó mà xét, chắc ông dễ bị người ta hiểu lầm rằng ông rất tốt hay rất xấu.

Cồng thủng thẳng bảo tôi : chẳng phải chỉ một mình ông Tư như vậy.

Đ. T.

ĐÍNH CHÁNH

Trong Bách-Khoa số 85, bài « Một kẻ đầy mặc cảm » của Đoàn-Thêm, trang 32 dòng cuối cộ 2 trước chữ *(postulat)* thiếu mất chữ *định-lý*. Vậy xin sửa là một *định-lý* (postulat). Mong các bạn thêm giùm cho. Đa tạ.

B. K.

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

MUSTAPHA KÊMAL

MỘT NHÀ CÁCH MẠNG SÁNG-SUỐT, CƯƠNG-QUYẾT BIẾT NẮM LẤY CƠ-HỘI.

TÔI nhớ hồi mười bảy tuổi, cái tuổi phơi phới, lãng mạn, được đọc tiểu thuyết *Les désenchantées* của Pierre Loti. Về nghệ-thuật cùng tình tiết thì truyện đó kém xa Pêcheurs d'Islande. Non nửa cuốn gồm những bức thư của ba thiếu nữ thiếu phụ Thổ và một văn-sĩ Pháp gởi cho nhau. Truyện xảy ra hồi đầu thế kỷ này. Ba thiếu nữ đó đều là hạng quý phái, được học tiếng Pháp, chịu ảnh-hưởng văn-minh Âu-Tây, sinh ra thất vọng (do đó truyện có nhan đề là Les désenchantées) về thân-phận của họ và buồn tủi chung cho thân-phận của đàn bà Thổ. Cha và chồng họ tuy nhiều khi chiều chuộng họ rất mực, nhưng theo phong-tục cổ truyền, bắt họ sống một đời cầm cung, không được tiếp bạn trai hay anh em chú bác, và hễ bước ra khỏi phòng the, dù chỉ là để dạo vườn, thì cũng phải trùm lên mặt một tấm khăn voan kín mít. Đi đâu cũng có một bà cô, bà dì hoặc một gia nhân già « hộ tống » và dò xét. Họ thấy họ chỉ là một đồ trang sức, một đồ chơi của phái nam nhi mà họ phải suốt đời thờ phụng như một tên nô lệ thờ lãnh chúa vậy. Ba thiếu nữ đó tình cờ gặp một nhân-viên trong sứ quán Pháp, kiêm văn-sĩ, đứng tuổi và nghiêm trang. Trước kia họ đã đọc nhiều tác phẩm của văn-sĩ đó, từ khi tiếp xúc họ càng thêm thiện cảm, coi như một người anh cả, lập mưu mô, tìm đủ cách để chuyện trò, thư từ với nhà văn.

Họ biết rằng lén lút giao thiệp như vậy thì thế nào cũng có ngày tiết lộ mà nguy đến tánh mạng cả đôi bên, nhưng họ không sợ một là vì họ rán giữ tình cho được trong sạch — mà

họ giữ được thật — hai là vì họ coi đời họ như bỏ đi rồi, nên nhất định bày tỏ hết những tình cảnh thê thảm tủi nhục của họ — tức của cả giới phụ nữ Thổ — cho người bạn ngoại quốc để bạn sẽ viết thành sách cho thế giới biết, và may ra nhờ vậy mà nhà cầm quyền Thổ sẽ cải thiện tình trạng của phụ-nữ chăng.

Đoạn kết rất buồn : Văn-sĩ về Pháp ít lâu thì được tin hai người bạn gái Thổ chết, tuổi mới ngoài hai mươi, kẻ thì vì bệnh kẻ thì vì chán đời.

Tôi còn nhớ hồi đó đọc xong, tôi ngây ngất trọn một buổi và bâng khuâng mấy ngày liền, và tự hỏi không biết dân tộc Thổ tìm cách nào để cải thiện tình trạng cho phụ-nữ. Mười năm sau, coi cuốn *Mustapha Kémal* của Sherrill (nhà xuất bản Plon 1934) tôi mới được biết chính cái lúc tôi đọc *Les désenchanteés* thì một vị anh hùng Thổ, Mustapha Kémal đương giải thoát cho cả dân tộc mình, nhất là cho phụ-nữ Thổ, và tôi ngưỡng mộ nhà cách mạng đó. Gần đây, được đọc thêm cuốn *Mustapha Kémal* của Benoist-Méchin (Albin Michel — 1954) lòng ngưỡng mộ của tôi có hơi kém vì tác giả vô tư hơn Sherrill, đã vạch cho tôi thấy vài cái tật lớn của Mustapha như tật quá tự cao tự đại và quá độc tài, nhưng tôi vẫn còn phục đức sáng suốt, cương quyết và biết nắm lấy cơ hội của nhà cách mạng Thổ.

***

Benoist-Méchin đã khen sự nghiệp của Mustapha Kémal là « vô tiền trong lịch sử ». Ông bảo : «Xin độc giả tưởng tượng giữa cái thời nguy kịch nhất của triều đại Justinien, thế kỷ thứ 5, một người xuất hiện, trong cảnh đổ nát của đế quốc La-Mã mà xây dựng được một quốc gia Ý võ trang đầy đủ ; thì đó, chính sự nghiệp đó là sự nghiệp mà người chiến thắng ở Sakharaya đã làm được cho nước Thổ ».

Lời xét đoán đó rất đúng. Muốn hiểu rõ, ta cần biết qua những thịnh suy của đế quốc Thổ.

Dân tộc Thổ-Nhĩ-Kỳ cùng một giòng giống với dân tộc Mông-Cổ. Cả hai đều xuất hiện ở trung bộ Châu-Á có lẽ từ ba, bốn ngàn năm trước. Họ đều là những dân du mục, sống rất giản-dị, coi thường sự chết. Lời dưới đây mà các sử gia thường gán cho Attila : « Ngựa ta đã qua miền nào thì cỏ nơi đó không mọc trở lại được nữa ». Chính là lời ở cửa miệng các chiến sĩ Thổ. Họ rất hiếu chiến và rất thiện chiến, tấn công như vũ bão, tàn sát ghê gớm, các dân tộc khác đều kinh khủng. Cuối thế kỷ 13, họ rời trung bộ Á-Châu, tiến về phương Tây, đi qua Ba-Tư, Arménie, tới bờ sông Sakharya ở Tiểu-Á, (miền Angora (1) ngày nay) thấy đất cát phì nhiêu, định cư luôn tại đó và bắt đầu xâm chiếm các miền chung quanh. Tới giữa thế kỷ 16, họ cường thịnh nhất, lập được một đế quốc rộng gần bằng đế quốc La-Mã thời xưa, phía Bắc giáp Áo, Ba-Lan, Nga, phía Đông giáp Ba-Tư, phía Nam

(1) Có sách gọi là Ankara.

NGA
BALAN
PHÁP
ÁO
HUNG
LÔ
SERBIE
HẮC HẢI
BIỂN CASPIENNE
Constantinople
Angora
ARMÉNIE
HI LẠP
BIỂN EGÉE
SMYRNE
ĐỊA
TRUNG
HẢI
Chypre
SYRIE
CHÂU PHI
TRIPOLITAINE
Á RẬP
Hồng Hải
Thuộc địa của Thổ
Miền chịu ảnh hưởng THỔ
Thổ thời Kemal (1922)
cây số
0
400
600
800

gồm một giải từ Vịnh Ba-Tư qua Hồng - Hải, Ai - Cập, Tripolitaine, Tunisie Algérie (coi bản đồ). Họ kiểm soát ba phần tư Địa-Trung-Hải, trọn Hắc-Hải Hồng-Hải và một nửa Vịnh-Ba.Tư. Có thể nói rằng miền phong phú nhất phương Tây hồi đó ở trong tay họ.

Nhưng họ có hai nhược điểm :

— Một là không văn minh, không khai hóa được những dân tộc họ đã thắng (về điểm đó họ kém xa Trung Hoa và La-Mã) thành thứ đế quốc của họ do gươm đao tạo thành, phải giữ bằng gươm đao, mà trong lịch sử nhân loại chưa hề có dân tộc nào thịnh hoài về võ bị được.

— Hai là đế quốc đó gồm nhiều dân tộc quá, nào là Ba Tư, Á-Rập, Ai Cập, Nga, Hung, Lỗ, Hi-Lạp... Khác nhau xa về tính tình, ngôn ngữ, tôn giáo, không thể nào đồng hóa để thống nhất thành một quốc gia, nên rất dễ tan rã

Tới thế kỷ thứ 17 họ suy lắm. Các dân tộc ở châu Âu thời đó đã văn minh hơn họ nhiều, bắt đầu nổi dậy chống cự với họ, và họ thất bại nặng ở Vienne (Áo) mất Budapesth (Hung), lần lượt phải nhường cho Đức xứ Hung, và xứ Transylvanie, cho Nga hải cảng Azov, cho Ba-Lan tây bộ Uy-Kiên.

Qua thế-kỷ 18, họ mất thêm Besnie Serbie, và đạo Hồi mà người Thổ học được của người Á-Rập, bắt đầu bị đạo Da-Tô lấn át.

Thế kỷ sau, tình hình còn trầm trọng hơn. Đất đai tuy đã bị khoét một miếng ở phương Bắc, nhưng vẫn còn mênh mông, mà địa thế lại rất quan trọng : nằm ngay trên ngã ba, chỗ tiếp xúc của Âu, Á, Phi. Như vậy mà trong nước loạn lạc, Vua chúa yếu hèn, triều đình không kỷ cương, cường thần chiếm mỗi người một nơi, quan lại tham nhũng, quân lính chuyên môn ăn cướp, thì dân thuộc địa tất phải nổi lên chống, mà các cường quốc châu Âu làm sao khỏi dòm ngó ? Cho nên Hi-Lạp tuyên bố độc - lập và Pháp đổ bộ lên Algérie. Thổ chồng cự lại rất yếu ớt đến nỗi Nga Hoàng Nicholas I đã gọi Thổ là «con bệnh của châu Âu». Một bức hí hoạ đương thời vẽ vua Thổ thiêm thiếp trên giường bệnh, thần chết Nga hiện lên muốn bắt Thổ đi; bên cạnh là hai bác sĩ Anh và Pháp đương bàn phương cứu chữa. Chẳng phải Anh, Pháp thương gì Thổ ; chỉ vì miếng mồi lớn quá, mà địa thế quan trọng quá, không muốn để cho Nga nuốt trọn. Coi bản đồ, ta hiểu được lý do Nga chỉ lăm le chiếm Thổ. Nga muốn kiếm đường thông ra biển. Nhưng Bắc-Băng-Dương suốt năm đầy băng và tuyết, hoàn toàn vô dụng. Trên biển Baltique, có hạm đội của Đức, Na-Uy, Thụy-Điển, Đan-Mạch, Phần-Lan, Nga khó len ra được, dẫu có được thì tới Bắc Hải cũng đụng đầu với hải quân Anh mạnh nhất thế giới. Vậy Nga như bị vây hãm, chỉ còn hai đường thoát ra ngoài : một là tiến qua Đông, chiếm trọn Tây-Bá-Lợi-Á, vươn tới Thái-Bình-Dương, đường đó quá

xa mà lại chạm trán với Nhật; hai là do Hắc.Hải mà thông ra Địa.Trung.Hải, đường này tiện nhất, nhưng cửa ngõ Hắc Hải là Constantinople do Thổ gác, nên Nga nhất định phải diệt Thổ.

Anh không chịu vậy, vì nếu Nga chiếm Constantinople thì hạm đội Nga tung hoành trên Địa Trung Hải mà con đường của Anh qua Ấn sẽ lâm nguy. Pháp cũng không muốn cho Nga lui tới Địa Trung Hải vì Pháp đương muốn chiếm Bắc Phi. Vì thế Anh, Pháp chống Nga mà bênh Thổ, thà để Constantinople cho Thổ, vì Thổ yếu không làm hại mình được, chứ không chịu để cho Nga. Rút cục, sau chiến tranh Crimée (1854-1856, Nga thua, Thổ giữ được Constantinople nhưng đã kiệt sức, và Anh, Pháp mừng rằng chính sách « Để cho Thổ suy mà đừng bắt Thổ chết» đã thực hành được đúng.

Thổ thì cứ lụm dần, tình cảnh không khác Trung Hoa thời đó, có phần còn tệ hơn Trung . Hoa. Ngân-khố rỗng không, Thổ phải vay mượn của Anh, Pháp, Đức, Áo. Riêng của Pháp đã phải vay đến một tỉ rưỡi quan. Vay thì tất phải có gì bảo đảm, và Thổ đem những nguồn lợi và thuế khóa trong nước ra bảo đảm, y như Trung - Hoa. Thành thử những bến tàu, kho hàng ở Constantinople, những đường xe lửa, mỏ khoáng chất, nhất là mỏ dầu lửa, rồi thuế đoan, độc quyền giao thông ... lần lần thuộc về các cường quốc châu Âu hết « Các cường quốc theo đạo Da-Tô đó, như bầy kiến kiến đói khát, đậu chung quanh một con bệnh bất tỉnh, và kiến nhẫn đợi. Họ sợ lẫn nhau, ghen tị, dò xét nhau và sẵn sàng để xâu xé nhau. Không một nước nào dám ra tay trước. Và nhờ vậy đế quốc Thổ tiếp tục thoi thóp... »

*

Rồi Đại chiến thứ nhất bùng nổ. Thổ đứng về phe Đức, có lẽ tưởng rằng Đức sẽ thắng, mà nếu Đức thắng sẽ không quên đồng minh, dù là đồng minh đàn em. Khổn thay ! Đức lại thua, và khi hiệp ước Versailles ký xong, Anh, Pháp mới xử cái vụ «phản bội » của Thổ. « Hồi trước chúng tôi giúp chú thắng Nga, nếu không chú đã bị Nga đè bẹp rồi, chú thiếu tiền chúng tôi cho vay, chú thiếu súng ống để dẹp phiến loạn thì chúng tôi cung cấp mà rồi chú trả ơn chúng tôi như vậy đó, theo tụi Đức để đập chúng tôi. Được lắm. Lần nầy thì chúng tôi xóa tên chú trên bản đồ. » Anh, Pháp nghĩ thầm như vậy, và hợp nhau ở Sèvres năm 1920 để cắt xẻ đế quốc Thổ, chia hai miếng ở phía Tây (miền Thrace và miền chung quanh Smyrne) cho Hi Lạp ; một miếng lớn ở phía Tây Nam trên bờ Địa Trung Hải, ngó ra đảo Chypre) cho Ý ; cắt một miếng ở Tây Bắc (miền Arménie) cho độc lập, thành nước Cộng hòa Arménie ; một miếng nữa ở phía Nam miếng đó, thành một xứ tự trị của dân tộc Kurde, còn hai miếng, miếng Malatie ở bắc Syrie dành cho Pháp vì Pháp đã chiếm Syrie ; với miếng Irak giáp giới Ba-Tư dành cho Anh. Thế là đế

quốc Thổ bị cắt xén gần hết, chỉ còn lại một mảnh đồi núi khô cháy ở bờ biển phía Nam Hắc Hải, rộng khoảng 120 000 cây số vuông. Ngay trong khu vực còn lại đó, chủ quyền của Thổ cũng mất : đời sống dân Thổ do luật lệ của các cường quốc định đoạt chặt chẽ ; tài-chánh Thổ do ngoại quốc sử dụng, tài nguyên trong nước do ngoại quốc chiếm để nuôi bọn quân chiếm đóng, mà quân đội Thổ phải giải tán, chỉ còn giữ lính công an, tới nền giáo dục trong nước cũng do ngoại quốc kiểm soát nữa. Người ta tưởng vua Thổ Méhémet VI không chịu ký một hiệp ước nhục nhã như vậy, nhưng người ta đã đoán lầm. Thế là một trong những đế quốc lớn nhất thời hiện đại sụp đổ, nếu không có một vị anh-hùng nhảy ra vãn cứu tình thế. Vị anh hùng đó là Mustapha Kémal.

*
* *

Mustapha hồi đó 39 tuổi. Ông sanh năm 1881 trong một gia-đình trung lưu ở Salonique. Cha là Ali Rhiza Efendi, trước làm tiểu công chức ở nha Quan-thuế, sau nghỉ việc về buôn cây, nhưng không phát đạt. Mẹ là Zobeïda Hanim.

Ngay từ hồi nhỏ, Mustapha đã có tánh bướng bỉnh, nóng nảy. Coi hình ông ta nhận ra ngay một người hoạt-động, cương quyết, tàn bạo : trán cao, môi mỏng mà mím lại, lưỡng quyền nhô ra, lông mày rậm, nhất là cặp mắt sắc, dữ.

Mồ côi cha sớm. Mới mười hai tuổi đã biết hướng về nghề võ. Học ở trường sĩ-quan ba năm, vào hạng giỏi, rồi học ba năm nữa ở trường Tham-mưu, hai năm sau nữa được lên chức đại-úy. Có khiếu về Toán và Sinh-ngữ, thông tiếng Pháp, tiếng Đức, và ngay từ hồi đi học, đã ham môn chính-trị, lén kiếm những tác phẩm của Montesquieu, Voltaire, Rousseau, để đọc. Hồi đó hoàng-gia Thổ cấm những sách đó, kẻ nào trái lệnh thì bị nhốt khám vì tội phản quốc. Tất nhiên càng cấm, ông lại càng kiếm cách đọc.

Ông bất bình về dã tâm của ngoại quốc và thái độ bất lực của hoàng-gia, gia nhập một hội kín, viết những bài hô hào quốc dân chống lại ngoại quốc, tranh đấu cho được tự do, cùng với bạn bè bị bắt giam (1904) ở Stamboul. Suốt ngày ông đi đi lại trong xà lim, bực bội như con hổ bị nhốt. Bạn bè lo rằng ông có thể bị thủ tiêu, không cần xét xử gì cả. Nhưng rồi một hôm hai người lính đeo khí giới lại dẫn ông tới Bộ Quốc Phòng. Người ta biết tài cầm quân của ông, muốn thu phục ông, tha cho ông tội chết và đổi ông tới Damas để dẹp giặc.

Người ta lầm : con người đó không thể nào thu phục được nếu tình cảnh trong nước không thay đổi. Ít lâu sau, ông lại vô một đảng cách mạng khác, đảng *Cấp Tiến và Đoàn Kết*, nhưng vì không được lãnh những trách nhiệm quan trọng, nên ông chán nản, phản đối, và bị loại.

Ông không chịu ở dưới quyền ai hết.

Mùa xuân năm 1908, đảng đó tuyên bố chống lại Hoàng gia, không ngờ mà thành công. Chính phủ phái quân đội tới dẹp, quân lính ôm súng qua phe cách mạng. Nhưng nhà Vua Adul Hamid, khôn như con cáo già, giả đò nhượng bộ, đổ hết lỗi cho các cận thần và tuyên bố chế độ lập hiến, niềm nở tiếp đón các nhà cách mạng. Quốc dân tưởng là đã bước vào một kỷ nguyên mới rực rỡ, không ngờ sáu tháng sau, tình thế còn loạn hơn trước : đảng cách mạng chỉ có ba trăm đảng viên, không được huấn luyện, không có chương trình, hoạt động lộn xộn, Abdul Hamid thừa dịp vu cho họ là bọn vô thần, là « kẻ thù của Chúa », nên dân chúng và quân đội nhiều nơi nổi lên chống cách mạng. Nhờ sự hy sinh và tài cầm quân của một số sĩ quan Cách mạng, trong đó người xuất sắt nhất là Mustapha Kémal, quân Cách mạng thắng. Abdul Hamid bị truất ngôi, em lên thay, tức vua Méhémet V, và quyền hành ở trong tay một nhà cách mạng Enver.

Enver trước kia hô hào đuổi các người Âu ra khỏi nước, bây giờ kết thân với Đức, nhờ Đức tổ chức, huấn luyện quân đội. Rút cục tình thế trong nước không hơn trước một chút nào. Mustapha Kémal bất bình, tới đâu cũng hô hào chống Đức, chống chính sách của chính phủ. Ông nói :

« Các cường quốc còn tham tàn hơn bao giờ nữa ; Đức đã bóp cổ Thổ. Các nhà tài chánh của họ ôm lấy hết các độc quyền và nhượng quyền (...) Thổ bị bó tay để cho loài sài lãng và kên kên rút ria... Tình trạng đó không thể dung túng được nữa. (...) Phải trả lại giang sơn Thổ cho người Thổ... »

Enver tất nhiên ghét ông, nhưng vẫn phục tài cầm quân của ông, tìm cách đưa ông đi xa, và từ 1911 đến 1914, ông phải đi chiến đấu với Ý ở Tripoli với Monténégro, Serbie, Hi-Lạp và Bulgarie, Andrinople. Thắng bại chưa phân thì Đại chiến thứ nhất nổ.

Thổ đứng về phe Đức như tôi đã nói. Năm 1915, liên quân Anh Pháp liền đem hải quân tới Dardanelles, cuống họng của Thổ, rồi đổ bộ lên bán đảo Gallipoli. Ông cầm đầu một liên đội, chống cự lại. Nhờ đoán được đúng chiến thuật của địch, nhờ tính toán rất kỹ lưỡng, hành quân gan dạ và cấp tốc không đợi lệnh trên, Mustapha Kémal chặn đứng được địch.

Một tháng sau, một đại tá Đức đem viện binh tới. Lúc đó ông mới đeo lon trung tá. Viên sĩ quan Đức nhã nhặn đề nghị thỏa thuận với ông về việc chỉ huy. Ông trả lời ngay ; « Tôi biết rõ địa thế và địch hơn ông. Tôi phải chỉ huy ». Ông tự tín lạ lùng, và làm cho người khác cũng phải tin ông. Bộ Tham mưu Đức đành để ông chỉ huy mặt trận Dardanelles, và ba lần ông chặn đứng được liên quân Anh Pháp. Rút cục, Anh Pháp phải nhận rằng đã đem non nửa triệu binh sĩ qua Dardanelles mà chẳng có kết quả gì cả,

không làm cho Đức phải rút quân ở mặt trận Pháp về, và cuối năm đó, họ quyết định thôi không tấn công Thổ nữa. Trận đó rất lớn : mỗi bên thiệt khoảng 250.000 sĩ tốt. Anh Pháp mất mặt mà danh tiếng Mustapha Kémal nổi lên như cồn.

Rồi Đức thua. Đình chiến. Mustapha trở về Constantinople, thấy sự xụp đổ tới nơi : Anh chiếm cứ Dardanelles và Bosphore, Pháp chiếm Stamboul. Ý đóng ở Pera, kiểm soát những đường xe lửa. Bao nhiêu thuộc địa của Thổ đều mất hết, từ Ai Cập, Syrie Á Rập, Palestine, tới bán đảo Balkan, Hi Lạp, Tripoli.

Enver đã trốn qua Đức để khỏi bị Đồng minh trị tội. Mustapha Kêmal vô yết kiến Méhémet VI, tưởng nhà vua này có nghị lực, có tâm hồn hơn Méhémet V ,để nghị :

— Xin Bệ hạ lập ngay một nội các mạnh mẽ, có thể thương thuyết ngang hàng với đồng minh. Diệt hẳn cái mặc cảm rằng mình là kẻ chiến bại đi. Phải hô hào quốc dân can đảm lên. Xin Bệ hạ nghe tôi. Tôi đã suy nghĩ kỹ rồi Bệ hạ giao cho tôi ghề Thượng Thư bộ Binh và cho tôi đủ quyền hành, tôi sẽ cứu được nước.

Méhémet VI biết rõ tài của ông, sợ ông sẽ lật đổ ngai vàng nếu giao cả quyền hành cho ông, nên chỉ ừ hử, rồi ít lâu sau phong ông chức Khâm sai đại thần ở miền Bắc kiêm Thống-Đốc các tỉnh miền Đông, chủ ý đưa ông ra miền biên giới, xa hẳn kinh-đô, không ngờ như vậy là tạo cho ông hai điều kiện rất tốt để làm cách mạng : tức là địa lợi và nhân hòa vì những miền đó quân đội chiếm đóng của Anh, Pháp, Ý chưa tới, ông có thể dụng võ được mà dân chúng lại rất cảm phục ông đã thắng được Anh, Pháp ở Dardanelles. Ông nắm lấy ngay cơ hội đầu tiên đó mà dự bị, đợi một cơ hội nữa đem lại cho ông điều kiện thứ ba — tức thiên thời — để hoạt động.

Ông đã có chủ kiến : vua Méhémet VI nhu nhược mà chỉ cố bám lấy địa vị, không thể trông cậy gì được ở triều đình nữa. Ông sẽ chống với Hoàng-Gia, đồng thời chống với ngoại quốc. Chống với ngoại quốc thì phải dùng võ lực, chống với Hoàng-Gia thì phải dùng chánh trị. Muốn vậy phải dựa vào quần chúng, phải gây một niềm tin tưởng mãnh liệt trong quần chúng, nhắc lại những thời oanh liệt của đế quốc Thổ mà gợi lòng ái quốc của đồng bào. Ta thử tưởng tượng tình thế của Thổ lúc đó, một nước chiến bại, nghèo khổ, sắp bị chia xẻ, mới thấy được sứ mạng của ông nặng nhọc, khó khăn ra sao.

Khi đã hô hào quần chúng và tin rằng quần chúng theo ông, ông đánh điện về triều xin từ chức, rồi họp hội nghị ở Erzeroum, và ở Sivas. Đại biểu các nơi nghe tiếng gọi của ông, kẻ thì cưỡi ngựa, cưỡi lừa, kẻ thì ngồi xe hoặc đi bộ, cải trang làm thương nhân, thợ thuyền, từ các hang cùng ngõ hẻm tựu cả lại ở Sivas ngày 13 tháng 9 năm 1919. Ý kiến của họ khác nhau, tư tưởng chính trị của họ

cũng khác nhau nhưng hết thảy đều nhất tâm hy sinh để cứu quốc, đòi cho được hoàn toàn độc lập, được quyền tự quyết theo lời tuyên bố của Tổng Thống Huê - Kỳ Wilson, chứ không chịu để cho Đồng minh chia xẻ.

Hoàng gia phái nhiều đội quân Kusde — một giống sơn nhân nổi tiếng là tàn bạo — tới dẹp hội nghị. Mustapha Kémal cầm đầu hai đoàn kỵ binh, tấn công tức thì không cho quân Kurde kịp đề phòng, và vài ngày sau trở về Sivas, được dân chúng coi như một vị cứu quốc.

Hội nghị đổi tên là Quốc hội, lựa Angora làm Kinh Đô. Và Mustapha Kémal được bàu làm Chủ tịch ủy ban lâm thời. Nhưng Quốc hội vẫn chưa tuyên bố phế Méhémet VI, còn hy vọng nhà vua nghĩ lại mà theo lòng dân, chống lại các cường quốc.

Tới khi Quốc hội hay tin nhà vua đã phản quốc hạ bút ký một cách nhục nhã vào hiệp ước Sèvres dân chúng mới hết trông cậy ở hoàng gia, nổi lên phản đối. Điều kiện thứ ba — tức thiên thời — chờ đợi hơn một năm nay, bây giờ đã tới, mà cơ hội đó, chính các cường quốc tham tàn Anh, Pháp, Ý đã đem lại cho Mustapha Kémal. Ông nắm lấy liền. Có tuyên truyền, huấn luyện quần chúng hàng chục năm cũng không làm cho họ hăng hái, mắm môi, quyết tâm diệt kẻ thù chung, bằng những điều khoản vô nhân đạo trong hiệp ước Sèvres đó.

Khắp nước Thổ, dân chúng không tuân lệnh Hoàng gia nữa.

Khắp nước Thổ, từ thành thị đến thôn quê, đến thâm sơn cùng cốc, đến cả những phòng khuê kín mít, già trẻ trai gái không ai bảo ai, cùng đứng phắt dậy, nghiến răng hướng về Constantinople, nơi quân đội Đồng minh đương chiếm đóng, quyết tâm diệt bọn xâm lăng ; người mài gươm, kẻ đúc đạn, người may áo cho chiến sĩ, kẻ quyên tiền cho quỹ cứu quốc. Những bài ca trầm hùng vang lên ở các cửa miệng những tia lửa căm hờn hiện lên ở các khóe mắt. Không đợi có lệnh triệu tập, họ tự động dắt nhau từng đoàn đến Angora, tình nguyện nhập ngũ.

Các tàu Nga chở khí giới tới bờ Hắc Hải tiếp tế quân cách mạng. Tàu ghé nơi nào, tức thì dân cư chung quanh cả trai lẫn gái, tự động khiêng vác súng ống, đạn dược cấp tốc chuyển qua làng bên, cứ tiến từng làng từng làng như vậy cho tới Angora. Một người Mỹ mục kích cảnh một thiếu phụ buộc con ở trên lưng rồi đẩy một chiếc xe hai bánh chở trái phá. Trời đổ cơn mưa. Không do dự, nàng cởi chiếc khăn choàng che đứa bé để phủ lên chiếc trái phá. Các phụ nữ quý phái thấy gương hy sinh của nông dân đó, cũng đạp cửa phòng khuê, xé khăn voan che mặt, tình nguyện vào giúp việc trong các đoàn cứu thương. Thế là chỉ trong có mấy ngày dân Thổ đã phá được hủ tục hàng ngàn, năm của họ. Hiện nay ở Angora dưới chân tượng Mustapha Kémal, còn bức tượng một thôn nữ khiêng tạc đạn trên lưng, đứng sau tượng hai dân quân cách mạng.

Triều đình đem quân tới diệt, nhưng chưa tới Angora thì quân đội đã tiêu tan : một số đào ngũ, trốn về quê với vợ con, một số quay khí giới lại giết chủ tướng rồi kéo nhau nhập vào đoàn quân Cách-mạng. Như vậy là đã tránh được nội chiến mà khỏi phải lo về mặt triều đình nữa, Mustapha Kémal có thể đem toàn lực diệt quân đội ngoại quốc.

*
* *

Ở Ba-Lê, ba chính khách Anh, Pháp Ý : Lloyd George, Clémenceau và Orlando chẳng hiểu chút gì cả, ngơ-ngác hỏi nhau : «Thế là nghĩa lý gì ? Vua Thổ ký hiệp ước Sèvres rồi mà sao dân Thổ lại phủ nhận nó ? Kẻ nào cầm đầu bọn «phiến loạn» đó ? Sao mà chúng tiến mau vậy ? Đã gần tới thủ đô rồi ư ? Thế thì triều đình Thổ là cái gì ? Bù nhìn à ?» Họ ngu quá, cứ tưởng hễ nắm đầu nắm cổ được Vua Thổ là có thể sai khiến được cả dân tộc Thổ ! Khi họ hay tin rằng kẻ cầm đầu «phiến loạn» chính là Mustapha Kémal vị anh hùng đã làm cho họ mất mặt ở Dardanelles, rằng đảng «phiến loạn» là cả mười mấy triệu dân Thổ, nhất là khi họ được mật báo rằng Nga tiếp tế khí giới cho bọn «phiến loạn» thì họ thấy chán nản quá chừng. Mới qua khỏi cái nạn đại chiến Pháp, Anh, Ý, đều mỏi mệt, kiệt sức như những con bệnh mất máu nặng, nay phải đeo đuổi một chiến tranh với Thổ và Nga thì không chắc gì đã thắng nổi mà dư luận quần chúng sẽ phản - đối, địa - vị của họ sẽ lung lay mất. Cho nên Anh, theo chính sách ích kỷ cổ truyền, lảng ra trước, Pháp, Ý cũng muốn lảng theo. Nhưng lảng thì mất thể diện. May sao, Hi-Lạp nhảy ra tình nguyện diệt Thổ. Quân-đội Hi-Lạp chưa giải ngũ, còn được 200.000 người mà lại ở ngay đối diện Thổ. Cơ hội tốt quá. Hai bên thương lượng với nhau : hễ Hi-Lạp tấn công ngay thì khi thành công, muốn gì sẽ được nấy. Hi-Lạp mừng rơn : mấy chục năm nay vẫn đợi có cơ hội trả thù Thổ, nay được Anh, Pháp, Ý hứa giúp sức thì quả thực là cờ đã đến tay, không ngờ rằng ba cường quốc đó chẳng giúp được chút gì, chỉ đứng ngoài ngó, mà dân tộc Thổ thấu cái tâm lý hèn của Anh, Pháp, Ý càng phẫn trẫn, hăng hái chiến đấu, quyết tâm không chịu cái nhục thua Hi-Lạp, dân tộc mà mới thế kỷ trước, còn phải phục tòng họ.

Mustapha Kémal phái Ismet Pacha tấn công Hi-Lạp ở phía Tây. Lực lượng Hi-Lạp gấp đôi lực lượng Thổ, vậy mà nhờ lòng can đảm của quân Cách mạng, nhờ tài điều khiển của Ismet, đầu năm 1921, Thổ thắng được hai trận lớn ở Ineunü.

Được tin đó, Mustapha viết thư khen Ismet :

« Trong lịch sử thế giới, rất hiếm thấy những nhà cầm quân mà sứ mạng nặng nề như sứ mạng của ông trong những trận Ineunü (. . .) Ông không những thắng kẻ thù mà còn cứu được quốc-gia nữa. Hôm nay toàn quốc, kể cả những miền đau đớn

còn bị địch chiếm đóng, ăn mừng sự thắng trận của ông (...) ».

Sau trận đó, Thổ còn thắng một trận nữa, ở trên bờ sông Sakaraya. Mustapha đã chỉ huy và cứu kinh đô Angora khỏi lâm nguy, nên được mỹ hiệu là Gazi (người thắng trận).

Chính những bại trận liên tiếp đó của Hi-Lạp làm cho Anh, Pháp, Ý chán nản, không muốn ủng hộ Hi nữa. Họ còn hèn hạ đến nỗi trở mặt, đề nghị đứng ra điều đình giữa Hi và Thổ, vì họ biết rằng Thổ sẽ thắng mà như vậy thì lúc này làm bộ nhân từ, giúp Thổ hòa giải với Hi, tất Thổ sẽ mang ơn mà sau này họ sẽ vớt vát được ít nhiều quyền lợi ở Thổ. Nhưng đề nghị đó bị Hi gạt bỏ. Anh, Pháp, Ý bất bình với Hi, quay lại mơn trớn Thổ. Ý thì bán ngầm khí giới cho Thổ, còn Pháp thì ngoại giao lén với Thổ, khuyến khích, ve vãn Mustapha Kémal, phái Franklin Bouillon qua Thổ ký một mật ước với chính phủ Cách mạng. Thế là Pháp đã gạt Méhémet VI ra ngoài và mặc nhận rằng hiệp ước Sèvres không còn hiệu lực. Rồi Pháp rút quân đội chiếm đóng ra khỏi Cilicie, nhờ vậy Mustapha kéo được tám vạn quân ở miền đó về mặt trận Hi (cuối năm 1921.)

Thắng lợi đó rất lớn và Mustapha càng tin rằng thế nào cũng đánh bại được Hi, nên đầu năm sau, ông gọi thêm lính, chuẩn bị thêm quân nhu. Toàn dân hưởng ứng; nhà nào cũng giúp đỡ quân đội; quần áo, giày dép, mền mùng, lúa, muối, rơm, đường, đèn cầy, đinh, bột...Khắp miền Anatolie, đường sá chật những xe bò, xe ngựa, xe lừa, chở đủ các thức ăn, dụng cụ để tiếp tế quân đội, vui hơn là chợ phiên. Đầu hè năm đó, một đạo quân mới, hăng hái và tinh nhuệ, đã sẵn sàng để tác chiến.

Lần này quân lực Thổ gần ngang quân lực Hi: 103.000 Thổ và 132.000 Hi.

Hừng sáng hôm 26 tháng 8 năm 1922, Mustapha Kémal hô hào quân lính :

—«Anh em sĩ tốt ! Tiến ! Mục tiêu : Địa Trung Hải».

Ông đã định rõ chiến thuật, xuất kỳ bất ý, tấn công ồ ạt, làm quân Hi trở tay không kịp, thua to ở Dumulu Pünar, và luôn mười ngày, bị quân Thổ đuổi theo chém giết cho tới bờ Địa Trung Hải. Tướng Tricopis, tổng tư lệnh và tướng Dionys, tham mưu trưởng Hi đều bị bắt. Hàng vạn lính Hi bị giết, non trăm ngàn bị cầm tù. Chỉ một số ít chạy được tới biển, nhờ tàu biển và thuyền câu mà trốn thoát. Dọc một con đường từ Dumulu Punar tới Smyrne, nhất là tại châu thành Smyrne, thây binh sĩ và thường dân Hi chồng chất lên nhau thành đống.

Khi người ta dắt Tricopis và Dionys vào lều của Mustapha Kémal, ông tiếp đãi họ rất nhã nhặn : mời họ giải khát rồi cùng phê-bình chiến lược của hai bên, làm cho họ phải khâm phục.

Sau trận đó, quân đội Hi quy tụ cả ở Thrace để đợi lệnh trên. Musta-

pha nhất định đuổi họ ra khỏi Thrace, nếu không thì chưa yên tâm được ; nhưng muốn tới Thrace thì phải qua Chanak mà quân đội Anh hiện đương đóng ở Chanak. Mustapha suy nghĩ kỹ rồi nhất định dùng một kế táo bạo.

Ông kêu hai đội quân thiện chiến lại giảng cho họ hiểu mục-đích ông. Rồi ra lệnh cho họ tiến về phía quân đội Anh, họng súng chĩa xuống đất, dù quân đội Anh ra lệnh ngừng thì cũng không được ngừng, cứ việc yên lặng tiến, *nhất định không được nổ một phát súng*. Như vậy hai đội quân đó phải bình tĩnh, gan dạ và có kỷ luật phi thường.

Sáng ngày, 29 tháng 9, hiểu và nhớ kỹ chỉ thị rồi, họ khởi hành. Trong một cảnh yên lặng lạnh-lẽo kinh-khủng, người ta chỉ nghe thấy tiếng giày rộp rộp của họ. Họ đã tới gần Chanak, đã trông thấy trại quân Anh ở Chanak. Thần-kinh họ căng thẳng gần như muốn đứt. Chỉ một kẻ nào đó hoảng hốt, đưa bậy cây súng lên hay bỏ chạy là chiến-tranh với Anh sẽ nổ mà nếu nổ thì Thổ sẽ lâm nguy.

Về phía Anh, tổng tư lệnh Charles Harington ra lệnh không cho quân đội Thổ qua, nhưng cũng không được nổ súng đầu tiên. Quân đội Thổ đã trông thấy hàng ngũ Anh. Họ vẫn yên lặng tiến, họng súng chĩa xuống đất. Họ không chịu ngừng mà cũng không tấn công. Mỗi phút dài bằng một năm. Rộp rộp, họ cứ tiến đều đều. Sĩ quan Anh không biết phải xử trí ra sao, tinh-thần rối loạn. Không-khí hừng hừng như trong một cơn dông. Hai bên chỉ còn cách nhau vài chục thước.

Một sĩ-quan Anh ra lệnh :

— Nhắm !

Người ta nghe một tiếng « cắc ». súng chĩa cả về phía Thổ. Quân Thổ vẫn bình tĩnh tiến.

Vừa đúng lúc đó, một người ngồi xe máy dàu, phất một cây cờ chạy tới, ngừng ở trước mặt viên đại-tá Anh,

Sĩ-quan Anh ra lệnh :

— Hạ súng !

Đồng thời, sĩ - quan Thổ cũng ra lệnh :

— Ngừng !

Thế là Mustapha Kémal nhờ nghị-lực phi-thường đã thắng. Và Charles Harington đã nhường bước. Thực ra cũng do công của Franklin Bouillon. người đại-diện cho chính-phủ Pháp. Pháp không muốn cho châu Âu bị vùi trong cơn binh hỏa một lần nữa, nên Bouillon đã cam đoan với Mustapha rằng sẽ điều đình với Anh, Ý để buộc Hi phải rút quân ra khỏi Thrace, và sẽ trả lại Thrace cho Thổ. Mustapha bằng lòng rút quân về.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

☆

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng
Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Chận đứng : Mệt mỏi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU

MỆT MỎI

YẾU SỨC

BIẾNG ĂN

GAY CÒM

LÀM VIỆC

QUÁ SỨC

TỔNG PHÁT HÀNH : **Việt-Nam Dược Phàm Cuộc**

NGUYỄN-CAO-THĂNG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Một hạng người tàn theo một triều đại

BỬU-KẾ

ĐÂY là lần thứ hai, tôi trở lại chùa Từ Hiếu. Trước kia với tư-cách của một khách-du đi viếng cảnh, nhưng lần nầy với mục-đích khác hơn. Tôi muốn tìm gặp một vài ông thái-giám, hạng người còn sót lại của một triều đại đã qua.

Từ thành phố Huế thẳng lên đàn Nam-Giao, chúng ta rẽ sang phía tay phải, đi theo con đàng nhựa, cùng một ngả với lăng Tự-Đức. Trên con đàng nầy, một bên là những ngôi tháp mộ uy-nghiêm của các vị cao tăng chùa Tường-vân và chùa Diệu Đế, một bên là một vùng tẩm mộ nguy-nga cả phòng Tùng-Thiện-Vương.

Hết khu vực phần mộ của Phòng Tùng Thiện, chúng ta từ giã con đàng nhựa, thẳng theo đàng đất bên phải, đi chừng vài trăm thước thì đã thấy chùa Từ Hiếu, ẩn mình sau một lớp cây rậm-rạp.

Trước khi vào chùa, tưởng chúng ta nên đến xem cái tháp Bồ Đề nằm phía bên hữu trên một mô đất cao chung quanh có thông vây bọc.

Tháp theo một lối kiến trúc đơn-giản gồm có ba tầng, trên chóp xây thành hình bầu rượu lớn. Bốn mặt tháp đều bít kín, riêng mặt xây về chùa có khắc những lời sắc của vua Thành-Thái đại ý rằng: Chùa công cũng như chùa tư ở chốn núi non, đất Thánh Kinh nầy không thiếu gì, nhưng từ trước đến nay, chưa có một cái tháp nào dùng vào việc tàng trữ kinh và tượng Phật. Nay viên Điển-sự Thái-giám Nguyễn-Xuân-Phụng đã tâu với Hoàng-Thái-Hậu, xin ban cấp tiền bạc và vật liệu để xây dựng tháp, vậy các chùa cũng như tư nhân ai có các pho tượng hư nát, những quyển kinh không dùng nữa, nên đem bỏ vào tháp để tàng-trữ. (Làm năm Bính thân — 1896 — triều Thành-Thái) Tầng thứ hai của Tháp có trổ thành hình một cái cửa vuông. Muốn leo lên phải dùng một cái

thang, rồi từ cửa sổ nầy, người ta bỏ kinh và tượng vào lòng tháp.

Các ông Thái-giám đã góp sức vào một phần lớn trong công cuộc xây dựng tháp Bồ Đề và chùa Từ-Hiếu.

Chùa Từ-Hiếu trước tiên, do nhà sư Nhận Định sáng lập, nhưng đến Thành-Thái ngũ niên (1893). các ông Thái-giám trong triều nghĩ đến tương lai, khi nhắm mắt không người hương khói nên đã gởi nắm xương tàn cho nhà chùa bằng cách đóng góp của cải, mua ruộng đất để cúng, xin với vua và Hoàng thái-hậu ban cấp tiền bạc, vật liệu, sửa sang xây dựng lại khiến chùa Từ Hiếu trở thành một ngôi chùa đồ sộ nguy-nga.

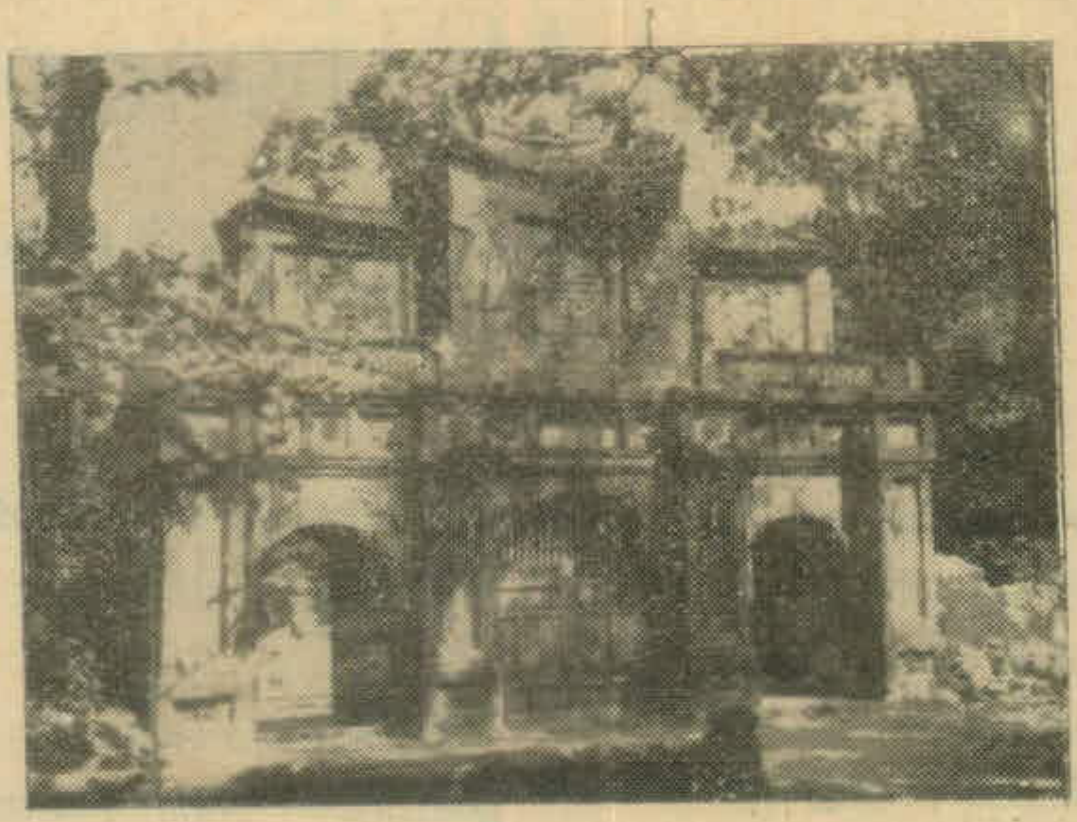

CỬA CHÙA TỪ HIẾU

Cảnh trí chùa nầy rất u-tịch, có tiếng chim tiếng suối bốn phía có đồi thông bao bọc, xa xa về hướng Đông Nam có sông Hương, phía Tây bắc có núi Ngự. Các ông thái-giám đã khéo chọn nơi nầy làm nơi an nghỉ của linh-hồn.

Tôi hơi thất vọng, khi nhìn vào thấy ngôi chùa đã hoàn-toàn triệt xuống và đang xây cất lại. Cổng tam quan vẫn còn như cũ, mấy chữ Từ Hiếu Tự Môn vẫn còn rõ, nhưng mấy câu đối hai bên, đã bị rêu phong, bị thời gian tàn phá, nên chỉ còn lại những nét lờ mờ.

Qua khỏi cổng liền đến một cái hồ bán nguyệt, sắc nước một màu lục đậm, soi bóng những cây cổ thụ chung quanh. Hai giải lan-can bằng đá trắng đưa thẳng vào sân chùa.

Bên phải của ngôi chùa, trên một khoảnh đất rộng, lát gạch, chung quanh có tường thấp, chín ngôi mộ vôi của các ông thái-giám nằm cạnh nhau, lại có những ngôi đã sửa soạn sẵn để chờ những người đang còn sống.

Thăm mấy ngôi mộ xong, tôi bước sang nhà tăng thì may gặp được một nhà sư. Tôi hỏi thăm về hiện tình của các ông giám thì nhà sư ấy cho biết : Từ năm đảo chính Nhật (1945), tức là năm nền quân chủ bắt đầu lung lay thì chỉ còn lại ba ông Thái giám : Giám Đồng, Giám Đề và Giám Tuần.

Ông Giám Đồng ra Hà Tịnh thăm nhà bị nghẽn đường, không trở về Huế được nữa, nếu còn sống, tuổi cũng đã ngoài tám mươi. Ông Giám Đề mất từ ba năm nay tại một ngôi nhà riêng chứ không phải tại chùa Từ Hiếu. Nhưng nhà chùa cũng định sẽ cải táng để đưa ông về chôn chung một chỗ với các ông Thái-giám khác. Người còn sống độc nhất là ông Giám-Tuần, nhưng sống trong một hoàn cảnh đáng thương tại làng Kế Sung, cách thành phố Huế chừng vài chục cây số. Ông mù cả hai mắt, nghèo túng, bà vợ bỏ đi

từ ngày ông mang bệnh. Thỉnh thoảng ông lại lên Huế chơi một chuyến và rồi đây, ông sẽ từ giã gia đình lên ở hẳn chùa Từ Hiếu để một ngày kia, yên giấc nghìn thu bên cạnh các bạn đồng-nghiệp.

*
* *

Sau khi trình bày sơ lược về hiện tình các ông thái-giám ở Huế, tưởng chúng tôi nên, dựa theo lời của nhà báo James Burke, thuật lại đời sống của các ông thái giám ở Trung-quốc, sau ngày cách mạng Tân-Hợi (1912). Vì cũng là « đồng thuyền, đồng hội » với nhau cả.

Giữa Bắc-Bình và giải Trường Sơn. ở về miền Tây, có ngôi đền Kang-T'ich. Ngôi đền nầy 500 năm về trước, do một viên Thái-giám võ quan, dựng lên. Về sau các viên Thái-giám thường lui tới và xem đền nầy cũng như nhà ở của mình. Dưới triều Mãn-Châu có cả thảy 3.000 ông, nhưng sau cuộc cách mạng nói trên con số ấy còn lại 44. Họ đi đâu cũng chẳng ai rõ.

Burke đã được trông thấy ba ông Thái-giám già, gương mặt có vẻ giống nhau, da nhăn nhúm, màu vàng bệch, yếu đuối, dưới cằm không có lấy một sợi râu. Một viên Thái giám tên Hưng đã thuật lại cho Burke nghe cuộc đời của mình. Triều Mãn-Thanh thường ưa dùng những Thái-giám đã đứng tuổi. Năm 20, Hưng tình nguyện xin vào hầu hạ trong Cung-cấm. Ông ta lúc đó đã có một vợ hai con, nhưng vì nhà nghèo không nuôi nổi vợ con và một bà mẹ già goá bụa, Hưng đã phải hy-sinh tình-dục. Ông nhờ một người bạn giới thiệu với một ông Thái-giám đang được Hoàng-hậu tin dùng. Ông nầy nhận lễ vật đoạn đưa Hưng vào phòng thiến. Sau khi thiến xong hai tháng rưỡi thì nhậm chức. Lần đầu tiên ông được vào cung cấm, lòng không khỏi khiếp sợ. Những điện đài mênh-mông lợp bằng ngói sắc vàng, sân lát đá cẩm-thạch, chung quanh thành cao hào sâu. Trong chốn cung cấm nầy dùng toàn Thái-giám để có thể nói là làm mọi công việc. Xách nước, làm vườn, hớt tóc, trông nom quần áo, rượu trà, nuôi chim, bốc thuốc. Nhờ có quen với vị Thái-giám nói trên, Hưng được thăng trật rất chóng và chẳng bao lâu sung vào nhóm hầu cận Vua.

Các ông Thái-giám đã dùng mưu mô sau nầy để làm tiền các bà cung phi, vì bà nào cũng muốn vua vời đến.

Tên của các bà phi đều khắc vào thẻ ngà đựng trong một chiếc khay bạc. Ông thái-giám quì xuống dâng lên vua. Vua cầm lấy thẻ xoay ngược chiều lại, gặp tên bà nào tức bà ấy hôm đó được vào hầu hạ vua. Những bà ít khi được vua đòi, đã hối lộ cho thái-giám. Ông nầy loại bớt những thẻ tên của các bà được vua yêu, xem như là hôm đó các bà khó ở. Như thế các bà kia được hy vọng nhiều hơn. Lâu lâu mới dám làm một lần như vậy, và nếu công việc trôi chảy thì sẽ được vô số tiền bạc. Thái-giám có một quyển sổ riêng ghi tên cung phi, ngày giờ vua đã vời đến, để lúc hoàng tử sinh ra, có thể theo đó mà đối chiếu.

*
* *

Nhìn lại lịch sử nước ta, Thái-giám tuy không đóng vai trò gì quan trọng, nhưng nhiều người đã lưu danh lại cho hậu thế.

Theo «Việt Sử tiết yếu» thì Lý-Thường-Kiệt năm 1104 đã tự thiến mình chuyên để

tâm thờ vua khỏi bận bịu đến gia-đình (Tịnh thân sung Hoàng môn thị hậu)

Vua Trần-Thái-Tông (1225-1258) nằm mộng thấy một người được vua cho vào hầu hạ trong cung về sau trở thành một danh thần. Sáng ngày, nhân đi dạo, tình cờ vua trông thấy một người giống hệt người trong giấc mộng. Muốn vào cung để được hầu cận vua chỉ có cách tự thiến. Người ấy đã hy-sinh để vâng theo lời vua Nhân-Tôn. Đó là chuyện Thái-giám Phạm-Ứng-Mộng.

Lê-Văn-Duyệt công-thần triều Nguyễn cũng là một viên quan, tài trí ít người sánh kịp.

Riêng Hoàng-Công-Phụ, trái lại, đã để lại tiếng xấu về sau. Thái-giám Hoàng-Công Phụ xúi dục chúa Trịnh tự mở khoa thi trong Phủ và lấy cho Trịnh Tuệ đỗ Trạng-nguyên. Tuệ nhờ có Phụ giúp đỡ chẳng bao lâu lên đến chức Thượng Thư. Lúc bấy giờ Trịnh Giang vì dâ dật vô độ nên bị bệnh, sợ tiếng sấm-sét. Phụ mới đánh lừa chúa đào đất làm Thưởng-trì-cung bảo chúa nên ở luôn dưới ấy. Từ đó oai quyền trong nước đều nằm trong tay Hoàng-Công-Phụ và Trịnh-Tuệ. Các vị đại thần trung trực lần lần bị hại, chánh sự đổ nát, lòng người oán hận,

Trước triều Minh-Mạng các viên Thái-giám không có một qui-chế rõ rệt. Tuy thế, nhờ hầu cận vua và các bà phi tần, họ đã được hưởng nhiều ân huệ, và có nhiều ông trở nên lộng quyền, tham dự cả việc triều chính nữa. Việc đã từng xảy ra ở nước ta, và nhất là ở Trung-quốc.

Theo dụ ngày Mồng 1 tháng 2 năm thứ 17 (17-3-1836), vua Minh-Mạng đã chận đứng những sự lạm quyền của các viên Thái-giám. Theo dụ nầy thì Thái-giám không có một lý do gì để được hưởng chức tước của quan-trường, tham dự việc nước. Công việc của họ là truyền đạt mệnh lệnh của nhà vua mà thôi. Nếu trái lệnh sẽ bị nghiêm trị. Dụ được khắc vào bia dựng trước trường Quốc-Tử-Giám để mọi người đều biết.

Tuy không được hưởng chức tước của quan-trường, nhưng các ông Thái-giám vẫn có ngạch trật riêng để phân biệt lớn nhỏ :

Có cả thảy năm bậc :

Quảng-vụ và Điền-sự Thái-giám.

Kiểm-sự và Phụng-Nghi Thái-giám.

Thừa-vụ và Điền-thảng Thái-giám.

Cung-sự và Hộ-thảng Thái-giám

Cung-Phụng và Thừa-biện Thái-giám.

Trải qua triều Đồng-Khánh, Thành-Thái, Duy-Tân có ít nhiều thay đổi về lương tiền. Như việc lãnh tiền đồng, tiền kẽm, gạo v... v... đã được thay thế bằng lãnh bạc đồng, bạc giấy.

Ba hạng thái-giám ở trên, cha được tước Nhiêu-phụ (suốt đời khỏi sưu thuế), một người cháu hoặc anh em được miễn nhiêu. Hai hạng dưới chỉ một người anh em hay cháu được miễn nhiêu mà thôi (Không có nhiêu phụ).

Dưới triều Thành-Thái, số Thái-giám đã sụt xuống nhiều, chỉ còn lại 15 ông cả thảy. Năm hầu hạ ở các Tôn-lăng (vì ở đây còn có các bà cung phi của các triều trước), hai chầu hầu bà Hoàng-thái-hậu, còn các ông kia ở rải rác trong nội cung. Vua Thành-Thái tỏ ra không ưa gì các ông thái-giám nên họ

đã lần hồi từ giã chốn thâm cung để ra ở ngoài. Qua triều Duy-Tân, vì trào lưu tiến hóa, vua không còn lắm cung phi mỹ nữ như trước, nên việc tuyển nhậm thái giám vào cung từ đó đã vĩnh viễn bãi bỏ.

Có nhiều viên thái-giám cũng cưới vợ, nuôi trẻ làm con, xây dựng gia-đình như bao nhiêu kẻ khác.

Y phục của thái-giám cũng gần giống y phục các quan trong triều. Chỉ khác một điều, về cái mũ của họ phía trên dẹp và hình thuần chứ không phải khum khum và

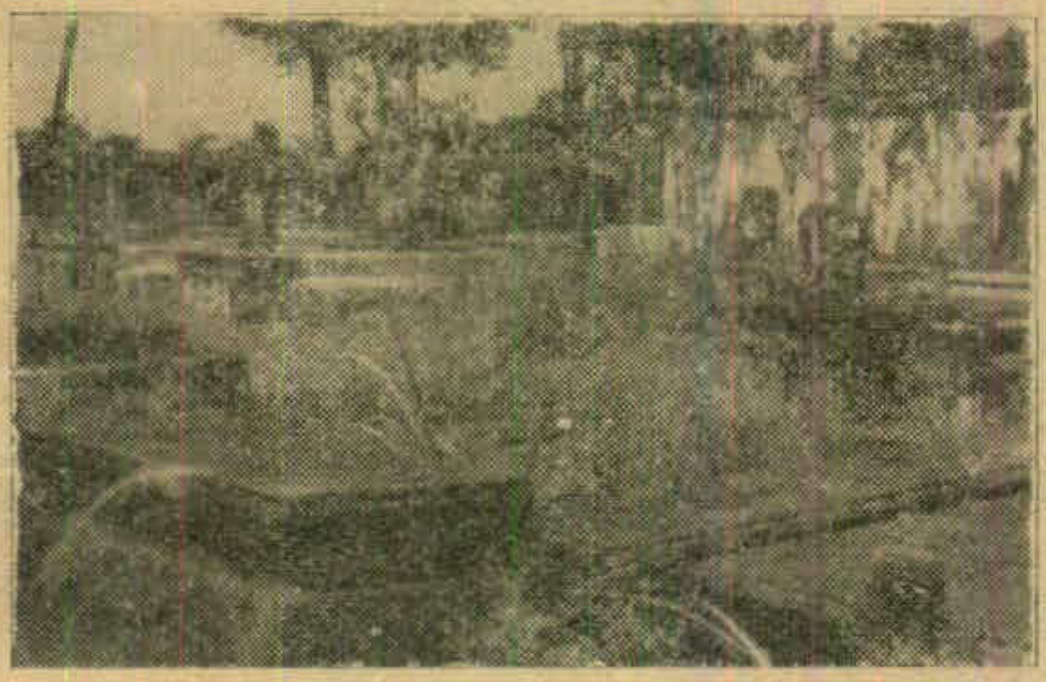

MỘ CỦA MẤY VIÊN THÁI GIÁM
(Ảnh của Vĩnh-Nõõa, chủ hiệu Đống-Đa

hình tròn. Những người bậc trên mặc áo sắc lục, những người bậc dưới sắc xanh, giữa ngực thêu hoa lục trên nền đỏ .(Áo của quan văn ở giữa thêu chim, quan võ thêu thú vật).

***

Trên đây, tôi đã thuật lại một đoạn theo bài báo của James Burke nói về tình-trạng các ông thái-giám sau ngày cách mạng Tân hợi,

Nay tôi xin đi sâu hơn một chút về các viên thái-giám ở Trung-Hoa để được rõ ràng hơn :

Về danh-từ phần nhiều ta mượn của Tàu. Việt-Nam hình như chỉ có chữ Bộ dùng để chỉ người không có bộ phận sinh dục. Ta có câu : « Ăn để đẻ ông bộ làng nhờ » dùng vào trường hợp không đáng ăn mà vẫn cứ ăn một cách liều-lĩnh.

Chữ nho thì nhiều lắm. Giám : người không có bộ phận sinh dục, Yêm, Hoạn, đều cùng một nghĩa ấy. Chữ thị là chầu hầu cũng dùng để chỉ mấy ông giám (Trong vế câu đối : Thị vào chầu, thị đứng thị đi, thị cũng muốn thị không có ấy. Thị : chầu, Thị : muốn, Thị : ấy). Các chữ Hoạn quan, Hoàng môn, Thái giám đều dùng để chỉ các ông giám chầu hầu tại trong cung cấm. Chữ thái-giám được thông dụng hơn cả. Chức quan nầy bắt đầu từ đời nhà Minh.

Theo Kinh-Lễ thì thái-giám có từ đời nhà Châu (1122-256 trước T.L.) chức vụ của họ là để truyền đạt mệnh lệnh của vua, canh gác cửa ngõ trong cung, quét dọn v.v... Nhưng về sau nhờ khôn ngoan khéo hầu hạ được vua tin dùng, họ lần lần trở nên có uy-tín, có chức tước đảm nhận công việc về văn cũng như về võ.

Trung-hoa đã nhiều phen bị cái nạn thái-giám. Đời Tam-quốc có loạn Thập thường thị ; Vương-Chấn, nhất là Ngụy-Trung Hiền đời Minh, uy quyền lấn át cả vua, quyền sinh sát mọi người cầm trong tay, bắt nhân gian phải đúc tượng để thờ v..v.. Đã nhiều ông vua ra dụ chỉ ngăn cản sự lộng quyền của các viên thái-giám nhưng lâu dần rồi cũng trở thành vô hiệu. Như năm 1653 vua Khang-Hy nhà Thanh đã quyết định không cho thái-giám thăng lên quá tứ

phẩm, không được tham dự vào việc nước không được giao du với các quan trong triều. Nếu trái lệnh các quan sẽ bị xử tử còn thái-giám thì bị lăng trì.

Theo sách Mélanges sur l'administration của Cha Pierre Hoàng và sách La vie secrète de la Cour de Chine của Maybon thì theo lệ định số thái-giám đến những 3.000. Họ trông nom y phục của nhà vua và của các bà nội cung, các khí mảnh trong Đại nội, trong nom chuồng ngựa, khí giới, sửa sang ngự uyển, tổ chức các buổi yến tiệc, trông nom thư viện và tủ thuốc.

Tên các bà cung phi khắc vào một miếng ngọc: Vua chọn tên bà nào tức thời bảo cho viên thái-giám biết. Viên nầy treo một chiếc lồng đèn trước cửa viện của bà phi được chọn lựa. Vào lúc sắp hầu vua, bà nầy cởi bỏ y phục để chờ đợi viên thái-giám đến. Y cầm trong tay một cái áo choàng màu hồng. Bà rùng mình thấy mình trần truồng trước cặp mắt của viên thái-giám, nhưng y đã nhanh tay, choàng chiếc áo hồng vào người cung nữ và mang đến một cung điện khác. Ở đây bà được « gội ơn mưa móc » rồi thì một ông thái-giám trực sẵn ở đó sẽ mang bà đề trả lại chỗ cũ. Gặp trường hợp bà nầy có mang, thì ông sẽ làm phiến tâu lên vua biết.

*
* *

Giám tiếng anh là Eunuch, có lẽ do tiếng hy-lạp mà ra và có nghĩa : Gìn giữ chốn buồng the (Bed guardian.)

Có kẻ do trời sinh, có kẻ tự mình thiến lấy hay bị kẻ khác thiến.

Người La-Mã chia giám ra làm các hạng : Castrati (không có bộ phận sinh dục), spadones (không có hòn dái) thibii (hòn dái bị nghiền nát) (crushed testicles), thlasiae (giây dẫn tinh trùng bị cắt đứt).

Nguyên nhân từ thời đại nào thì không ai rõ, nhưng có lẽ thiến súc vật trước và thiến người sau. Thiến súc vật với mục đích để cho con vật ấy trở nên hiền lành và mạnh khoẻ (ngựa) cho ăn chóng béo (heo, gà, vịt).

Ở cận Đông, nhiều đạo giáo buộc các thầy chủ tế phải là người giám.

Nhưng mục đích thông dụng nhất là hầu hạ trong các cung điện. Ngày xưa, người ta cho rằng thái giám là hạng người đáng tin cậy vì dầu họ có ý ham muốn cũng không thể nào hại đến trinh tiết người đàn bà về đàng thể chất.

Không phải gì chỉ ở Trung-Hoa và nước ta, các xứ Ba-Tư Byzantine, Ấn-Độ, nhiều viên thái-giám đã trở nên lộng quyền một khi được vua tin dùng (1)

BỬU-KẾ

(1) Không thấy ở đâu nói việc các ông thái-giám đều bị dập tắt tình dục. Burton cho ta hay rằng hầu hết thái-giám đều có vợ và đã tìm cách làm cho vợ thỏa mãn. Và cũng phải vì thiếu bộ phận sanh dục mà thái-giám trở nên suy yếu vì đường tinh thần hay thể-chất.

Nước và lửa.

Thi sĩ cổ Hi-Lạp Théognis cho rằng : « *Jamais ne se mélangent l'eau et le feu* », nước với lửa không bao giờ hòa lẫn với nhau được. Tác giả Phó-tử giả ngôn ở Đông-phương lại nghĩ khác : « Kỵ nhau không gì bằng nước với lửa, thế mà khéo dùng, lấy lửa nấu nước, thì được biết là bao nhiêu công việc ! »

BIẾN ĐỔI

Tìm nhau thuở núi còn non
Sông chưa băng giá, mây còn phiêu-linh
Cỏ phương lắm sữa trăng lành
Hoa không tên nở trên cành san-hô
Đất chưa vun những nấm mồ
Người ngoan dương-thế cùng thờ Mầu Xanh.
Trời Nghiêu sáo vút đêm thanh
Tóc mây một món buông thành suối thơ
Thi-nhân nhớ hão thương hờ
Nghìn xưa hò-hẹn, đợi chờ nghìn sau.
Dần dần lạnh quế, mờ châu
Mầu trinh sông núi thêm mầu khói hương
Nhớ nhau cạn giấc miên-trường
Tim vơi bớt máu, sầu thương ngập lòng
Sương mùa thu, gió mùa đông
Chim quên bóng núi, dòng sông vắng thuyền
Hoa rừng từ đã có tên
Hoa xuôi châu-thổ làm quen bụi trần
Nắng hồng phai ánh thủy-ngân
Mắt xanh mòn-mỏi, thu phần vây mưa ...
Cỏ phương xơ-xác gió đùa
Trang thơ đẫm lệ mấy mùa truân-chuyên.

TƯỜNG-LINH

(Tokyo, vào thu...)

Tình Thu...

Từ thuở oa oa tiếng khóc đầu,
Trăng đà giải sáng khắp vườn dâu.
Gió vàng hiu-hắt lay cành trúc,
Lá thắm trao duyên tự nguyệt cầu.

*
* *

Tình trăng từ ấy buộc hồn thơ,
Mỗi độ thu đi, buồn ngẩn-ngơ.
Canh-cánh bên lòng câu ước hẹn :
« Thu sau, em nhé ! » Lại mong chờ !

*
* *

Giữa độ ve ca khúc cuối cùng,
Lá còn nuối nhánh đợi kim phong.
Tình thu đã gợi hồn man-mác,
Lặng-lẽ tơ lòng lại cảm-rung,

*
* *

Giữa lúc canh khuya tỉnh giấc nồng.
Trăng trong lơ-lửng ghé dòm song.
Bóng nàng rơi rụng qua mành trúc,
Ấp-ủ tim ai đỡ lạnh lùng.

*
* *

Ngơ-ngẩn nhìn trăng chạnh nỗi niềm,
Canh tàn khôn dỗ giấc cô-miên,
Nỗi lòng thương cảm ai hay biết ?
Chỉ có trăng vàng giải bóng nghiêng.

Lòng ta gởi ánh trăng vàng,
Trăng ơi xin chớ phụ-phàng duyên ta.
Dù khi trăng khuyết trăng tà,
Yêu nhau xin hãy xuyên qua bức mành
Mang theo hơi gió dịu lành,
Cho lòng thắm đượm mối tình cố giao...

ÁI-LAN

NGUYỄN-TRẦN-HUAN

Thành-tích năm mươi năm khoa-học

(1900-1950)

(Xin xem B.K. từ số 81)

SỐNG VÀ DI-TRUYỀN SỰ SỐNG

MỘT bộ môn rất quan-trọng của sinh-lý học, chuyên khảo về nhiều vấn đề có quan hệ đến đời sống của loài người: Nó bao gồm nhiều ngành khoa học cần thiết như tính-dục học (sexualité, sexologie) phôi-thai học (embryologie) ; nó nghiên cứu sự sống trên trái đất, cách di-truyền của sự sống (transmission de la vie), những hiện-tượng còn đầy bí mật của truyền-thống (hérédité), những phương pháp kỳ diệu mà các sinh vật dùng để sinh sản và nối dõi.

Trong tất cả các ngành ấy dĩ nhiên là ngành khảo về tính-dục (sexualité) của loài người, đã được để ý nhiều nhất. Ngoài ra người ta cũng chịu khó theo dõi cách sinh nở của nhiều loại cây cối, nấm (champignons) và rêu, rong (algues).

Vandendries học về tính dục của nhiều loại nấm « thượng lưu » (champignons supérieurs) và ngay từ năm 1924 Burgeff đã nghiên cứu về các chất oóc-môn (hormones) cần thiết cho sự sinh sản của nhiều giống nấm « hạ lưu » (champignons inférieurs). Năm 1939, Raper tìm thấy đến 3 bộ phận sinh dục của một loài nấm tên khoa học gọi là Achlya ambisexualis. Ngay từ 1920, Hartmann cũng đã khám phá ra đến 6 bộ phận sinh dục trong một vài loại rong (algues). Cũng vì thế người ta đã nêu ra thuyết « tính-dục tương-đối » (sexualité relative) nghĩa là một loại rong có thể là *đực* đối với loại ở trên, mà lại là *cái* đối với loại ở dưới.

Năm 1908, Leenwen - Reijnvaans đã nghiên cứu về cách sinh sản của nhiều loại rêu (mousses) và hai nhà bác học Nhật Ikano, Hiraze từ năm 1902 đã để ý khảo về sự sinh sản của loài « Loã-tử thực vật » (Gymnospermes inférieurs) như những giống cây loại *Tô-Thiết* (Cycadales) và loại Công-tôn-Thụ (*Ginkoales*).

Về vấn đề đẻ sinh đôi, sinh ba, hay sinh năm, đối với loài người thì cũng là một chuyện lạ. Trái lại, đối với nhiều động-vật, có lẽ lại là một chuyện rất thường. Theo Newman và Patterson, năm 1910, thì có một loại động vật không có răng tên là tatou (giống *trút*, theo tự điển Đào-Duy-Anh) thường thường đẻ sinh đôi hàng trăm lứa một. Năm 1941 nhà bác học Zawadowski lấy oóc-môn sinh-dục của loài ngựa cái có chửa, tiêm vào giống cừu cái loại Astrakhan. Nhờ có chất oóc-môn ấy mà loại cừu cái đẻ sinh đôi rất nhiều, và số cừu đẻ ra tăng lên gần gấp đôi (1, 6)

Khoảng đầu thế-kỷ thứ 20, người ta chưa biết gì về vấn-đề sinh-thực tuyến (glandes-génitales) cả. Năm mươi năm sau, khoa-học đã tiến bộ nhiều và người ta đã bắt đầu tìm ra manh-mối.

Năm 1903, Bouin và Ancel tìm thấy trong hòn dái (testicule) loại tuyến cấu tạo chất oóc-môn đực (hormone-mâle) vai trò quan-trọng của « chất vàng » (*corps-jaune*, Hoàng-thể) trong dạ con được rất nhiều nhà sinh-lý-học và hóa-học nghiên-cứu đến. Kể từ năm 1902, Fraenkel biết rằng chất đó rất quan-hệ cho sự chửa đẻ. Năm 1908, 1909, Bouin và Ancel lại biết thêm ảnh-hưởng của chất này đối với sự « lên sữa » và đối với dạ con.

Thêm vào đó, Cohn (1901), Doisy, Allen và Courrier (1921) và nhiều nhà bác-học khác đều để tâm học về sự cấu tạo và tính chất hóa-học của « chất vàng » Từ địa hạt sinh-lý, người ta đã chạy sang khu vực sinh-hóa để nghiên-cứu tường tận hơn. Năm 1927, Ascheim và Zondek khám phá ra rằng trong nước tiểu của đàn bà chửa có chứa rất nhiều chất Folliculine và nhiều oóc-môn sinh-thực (hormones gonadotropes). Bốn năm sau, đến lượt Zondek tìm thấy những chất ấy ở trong nước tiểu của ngựa cái có mang.

Ngành « tính dục vận-động học » (cinétique sexuelle) tức là khoa khảo về sự hợp thành và sự chỉ định xem bào thai sẽ là giai hay gái (formation et détermination du sexe) đã do rất nhiều bác-học chú ý nghiên cứu. Từ năm 1908 đến 1911, Walker và Pezard đã tìm được cách làm cho mào gà trống thiến to ra, bằng cách tiêm vào gà đó « trích tính » của hòn dái *(extraits testiculaires)* Năm 1918, Voronov cũng áp dụng phương pháp ấy để thí-nghiệm vào người, nhưng vô hiệu quả. Ngay từ năm 1935, bà Veradantschakoff đã tìm được cách biến một cái thai gà trống, thành thai gà mái, rồi lại dần dần làm cho trở thành thai gà trống như trước. Với những thí nghiệm đó, người ta đã nêu ra ý-niệm một tình trạng « trung gian giữa hai giống đực và cái » *(intersexualité : Thư-hùng-gian-tính)* và thuyết « chuyển-hoán đực cái » *(interversion des sexes)* cũng đã được đề-cập đến. Năm 1943, Schroder đã tìm cách cố-ý xác-định trống mái bằng phương-pháp dùng tính-trùng-độc (détermination volontaire du sexe par des spermotoxines).

Năm 1906, Gudger nghiên cứu về sự chửa đẻ của giống cá ngựa (Hippocampe). Giống này khác với các động vật thường ở chỗ là giống đực đẻ con, chứ không phải là giống cái.

Ngoài ra, vấn đề « không chồng mà chửa », hay nói khoa học hơn, vấn đề « cô thư sinh-thực » (*parthénogénèse* : sinh đẻ mà không cần đến giống đực) cũng được xem xét ngay từ cuối thế kỷ thứ 19,

Năm 1899, Jacques Loeb, theo công cuộc Khảo cứu của Hertwig từ năm 1890, đã thu hoạch được nhiều kết quả trong việc thí-nghiệm làm cho những con hải-đởm cái (oursins) đẻ con mà không cần đến giống đực. Năm 1913, bà Eva Kruger lại khám phá ra rằng trong vài loại sâu nhỏ (nématodes, còn phát sinh ra hiện tượng « thư-hạt phát dục » (*gynogénèse*). Trong hiện tượng ấy, cái thai có thể sinh ra, do một noãn tử (ovule) đã thụ tinh của một tinh-trùng. Nhưng trong trường-hợp này, sự thụ-tinh (fécondation) không thật là hoàn toàn, vì những nhiễm-sắc thể của tinh trùng, không kết hợp với nhiễm-sắc thể (chromasomes) của noãn-tử, và vì vậy, tinh trùng đã đóng vai trò một chất chỉ có tác-dụng kích-thích mà thôi. Cái thai sau này được cấu tạo, hoàn toàn chịu ảnh hưởng của những nhiễm-sắc thể của giòng cái và không đeo đẳng một tí truyền-thống nào của bên đực. Trong loại sâu *nématodes* thì hiện-tượng này rất tự nhiên, và gần đây người ta cũng đã gây được hiện-tượng ấy vào loài ếch bằng cách dùng quang-tuyến Radium. Hiện-tượng *Thư-hạt phát-dục* vì thế còn gọi là Hiện-tượng Hertwig (Phénomène d'Hertwig). Muốn được như thế, người ta, hoặc đem tinh khí ra phóng-xạ (irradier), trước khi giao cấu, hoặc đem ướp lạnh ngay tức khắc, trứng vừa được thụ tính xong.

Cũng nhờ những thí-nghiệm trên mà ngành phôi-thai học (embryologie) đã tiến rất nhiều để đến nay cho ta biết một cách tương-đối tường-tận, về sự diễn tiến của noãn-tử từ lúc thụ-tinh cho đến lúc thành thai để đợi kỳ sinh nở. Được như thế cũng là nhờ công trình của nhiều nhà khảo-cứu như Brachet, Spemann, O. Mangold, Holtfreter, J. Needham... ông J. Needham, hiện còn sống, và tuy là một nhà hóa học Anh quốc mà lại rất tinh thông về Hán học đã tìm thấy sự liên quan giữa phôi-thai học, với sinh-hóa học và nội-phân tiết học (*endocrinologie*). Năm 1905, Hertwig đã lập thêm ngành « phôi-thai học đối - chiếu » (embryologie comparée) để so sánh cách phôi - thai của các động vật. Theo trào - lưu tư tưởng này, Bolk lại nghĩ cách đem so sáng một động-vật đã trưởng thành của một giống với cái thai của một giống khác. Kết quả của sự đối chiếu đó đã đưa người ta đến những chuyện không ngờ. Thí-dụ: Ta nghiệm thấy rằng loài người khi đã trưởng-thành, không giống như loài khỉ, mà trái lại, có rất nhiều điểm giống với cái thai khỉ !

Nay chúng ta lại bàn qua ngành học về di truyền hay truyền thống (*Hérédité*). Từ xưa đến nay, ở Âu hay Á, ai ai cũng tự hỏi về vấn đề tại sao con cái lại giống cha mẹ ? Huyết-thống ở đâu mà ra ? Ở Việt-Nam ta ngày xưa, các cụ cũng đã để ý đến vấn đề giòng giống một cách lắm khi rất khắc-nghiệt. Tục-ngữ ta đã có những câu : «Lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống» hay «Giỏ nhà ai, quai nhà ấy.» tựu chung đều bao hàm một ý-nghĩa rất khoa-học : «giòng giống là một việc rất quan-trọng trong sự lập gia-đình, và con cái dù sao cũng giống cha mẹ và bị ảnh hưởng rất nhiều của những người đã sinh ra mình,»

Hiện nay ngành di-truyền học, hoặc phát sinh học (*géuétique*) đã thu được nhiều kết quả khả quan. Người đầu tiên đã để ý đến vấn đề này là một nhà tu-hành tên là Gregor Mendel đã nghiên cứu từ năm 1865.

Phải đợi đến năm 1900 người ta mới lại để ý đến công cuộc của Mendel, và cùng một lúc, mấy nhà bác-học như De Vries, Correns và Tschermak đều đi đến một kết luận như của Mendel, 35 năm về trước. Sáu năm sau, 1906, ông Cuénot, người Pháp, tạo ra chữ *Génétique* và từ đó ngành di truyền học tiến những bước rất xa.

Sự bành trướng của ngành di truyền học có thể tạm chia làm 3 thời kỳ :

1) Thời kỳ đầu tiên mà ta có thể gọi là thời « di truyền học đại-thể ». (*macro-génétique*) trong đó các nhà khảo-cứu mới bắt tay vào công việc dò xét cách di-truyền những tính-chất truyền-thống (*caractères héréditaires*) (1865 — 1903).

2) Thời-kỳ thứ hai, tạm gọi là thời « di-truyền học tiểu-tiết » (*microgénétique*) trong đó người ta đã tiến lên một bước để tìm cách giảng giải các điều đã nhận xét thấy (1903 — 1927).

3) Thời-kỳ thứ ba, hướng về tương-lai, mà ta có thể gọi là thời « di-truyền học thí-nghiệm » (*génétique expérimentale*), hiện còn đang bành trướng và chưa có thể cho chúng ta biết trước được tất cả những kết quả (1927...)

Trong thời-kỳ thứ nhất, các nhà bác học nổi tiếng, ta cũng đã biết qua, (vì đã nói ở đoạn trên) như : Gregov Mendel, de Vries, Tschermar, Cuénot, Bateson, Doncaster, Haldane,...

Thời-kỳ thứ hai bắt đầu vào khoảng 1903, với những quan-niệm mới của Sutton, và công cuộc khảo-cứu của bà Stevens và ông Wilson (1905). Năm 1910, nhà có công trình nghiên-cứu của nhóm ông Morgan với các người cộng-tác như Bridges, Muller, Sturtevant, « thuyết nhiễm sắc của truyền-thống » (*Théorie chromosomique de l'hérédité*) đã được đề cập tới, và loại ruồi Drosophile đã được nhiều người đem ra làm thí-nghiệm để khảo sát. Theo thuyết này thì mỗi tế-bào của một giống động-vật trên trái đất, có một tổng số nhiễm-sắc thể (*chronosomes*) nhất định và không bao giờ thay đổi. Vì thế ta cũng nên hiểu thêm là khi nói đến số nhiễm-sắc thể, người ta nghĩ ngay đến số nhiễm sắc thể trong một tế-bào sinh-thực (*cellule sexuelle*) chứ không phải là trong một tế-bào thông-thường khác. Sở dĩ ta phải hiểu rõ như vậy, vì số nhiễm-sắc thể trong một tế-bào thông thường bao giờ cũng gấp đôi số nhiễm-sắc thể của một tế-bào sinh-thực. Loài người chẳng hạn, có 24 đôi nhiễm sắc thể (theo Winicarter, năm 1912) trong đó có một đôi nhiễm-sắc thể mệnh danh là đôi nhiễm-sắc X riêng cho đàn bà (theo khảo-cứu của Winicarter, và nhà bác-học Nhật-bản Oguma năm 1926). Chỉ có cây thuốc lá (tabac) là sinh-vật có tổng số nhiễm-thể như loài người. Đó cũng là một sự lạ của tạo-vật... Sau đó ít lâu, nhóm Morgan lại khám phá thêm ra loại *gène* (di-truyền tử, gie-nờ) và chính ở trong những gie-nờ, đã chung-tụ các tính-chất truyền-thống của giống nòi. Năm 1933, vài nhà thông-thái như Bauer, Hertz và Painter, nhờ lối chụp ảnh hiển-vi, (*microphotographie*) đã nhìn thấy rõ những gie-nờ ấy và người ta thấy nhiễm-sắc thể (chronosomes) hiện ra những chuỗi tràng-hạt mà hạt chính là do gie-nờ họp thành.

Năm 1927, ông Muller đã chế ra môn di-truyền học thí-nghiệm (*génétique expérimentale*) bằng cách có thể tạo ra, tùy theo ý muốn, rất nhiều ngẫu-biến (*mutations*)

trong khi nghiên-cứu giống ruồi drosophile, nhờ quang-tuyến X. Năm 1927, Blakeslee học về một giống cà độc-dược mệnh-danh là *Datura Stramonium*, (Lục-Hành Man-đà-la đã tìm được phương-pháp làm tăng số, ngẫu-biến của các thứ cây ấy bằng cách đem tưới nó với chất hóa-học *colchicine* (côn-si-xin). Người Trung-Hoa gọi chất colchicine là *Thu-Thủy tiên giảm*. Định thức của chất ấy là C 22 H 25 N 06. Chất colchicine lấy ở cây Colchicum autumnale. Sau Blakeslee, nhiều nhà nghiên-cứu khác như Jean Rostand, Fankhauser và Griffith, tiếp tục công việc nghiên cứu và đạt được thêm nhiều kết quả quan trọng hơn. Những ngẫu biến mà người ta đã tạo ra, dĩ nhiên là giả-tạo và điều cốt yếu là làm thế nào có thể hướng dẫn những ngẫu biến ấy để đến một mục đích định trước. Gần đây vài nhà bác học đã đi đến giai-đoạn gây ra những «ngẫu biến sai khiến được» (*mutations dirigées*) trong nhiều loại vi-trùng (*bactériés*) và có nhiều nhà sinh vật học kiêm toán học như Fischer, Haldang, Huxley, Tessier đã tìm ra được nhiều định luật về phân-lượng của truyền thống (*lois quantitatives de l'hérédité*).

Cũng như nhiều ngành khác, sau khi đã được mọi giới khoa học công-nhận, ngành di-truyền học muốn chiếm địa vị độc-tôn và một người cộng-tác với Morgan đã tuyên bố một cách quá đáng là các *đặc tính* do cơ thể *thâu thái* được (*caractère acquis*) không thể nào di truyền đến các đời sau được. Thái độ ấy cố nhiên là đã trái hẳn với một thái độ hoàn toàn khoa học, vì hiện nay nhiều nhà phản ứng học (*réflexologistes*) Nga và Mỹ đã nhận thấy rằng nhiều «đặc tính thâu thái» rất có thể di truyền về đời sau, trong nhiều thí-nghiệm về các giống chuột và chó (ngay từ năm 1922-24). Năm 1948, chỉ bằng cách «tiếp vá» (*greffe:* di-thực) Billington và Medawar đã có thể gây ra nhiều biến chuyển trong giống chuột bạch (*cobaye*). Ngoài ra, bên Nga, Mitchourine và sau nữa, Lyssenko đã sáng lập một ngành di-truyền học đặc biệt, tách rời khỏi ngành di-truyền thông thường, và có nhiều liên hệ mật thiết với ngành nông học (*agronomie*). Nhóm Lyssenko đã thu được nhiều kết quả khả-quan và trái ngược hẳn với lý thuyết của nhóm Morgan... Nhưng dù ở học phái nào chăng nữa, di-truyền học cũng dần dà giúp chúng ta giải quyết được vấn đề sự sống là gì? Và ở đâu mà ra? Hiện giờ công cuộc nghiên cứu loại gíe-nờ (*gène*) đã làm cho nhiều nhà sinh hoá học liên tưởng đến loại nhiều tố (*enzyme*) và địa hạt di-truyền học đang dần dần quay sang lãnh vực của hoá-học.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Kỳ sau : Tổ chức và tế bào

ĐÍNH CHÁNH

Bách-Khoa số 84, bài « *Nhân bài « Vài thắc mắc... » của ông Bùi-Thu-Trinh và lá thư giải đáp của ông Nguyễn-Phụng* » của Trần-Văn-Khê :

— trang 51, cột 1, dòng 20 : hòa thanh *thự*.
— trang 53, cột 1, dòng 4 ; échelle des 12 *lyu* (l,y,u).
— trang 53, cột 2, chú thích số (1) : năm *1927...*, trang 366.

Spring

Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯỞNG-VỊ HUÊ-KỲ

GIÁ BÌNH DÂN

10$

DUCTHU 60

Sợ Lửa

HÀ-VÕ-HOÀI

Du kéo tôi đến một quán mì Quảng danh tiếng ven quốc lộ, cách cầu Tam-kỳ vào lối hai trăm thước về phía bắc.

Mì Quảng ngon thật, mà lại đẹp nữa. Sợi mì vàng phơn phớt, mịn như da non thiếu nữ. Mì nằm đè trên một nhón « rau và » nhiều loại, vài cọng rau thơm xanh non thè ra ở rìa mì vàng phớt. Trên mì, nào đậu phụng rán bóc vỏ màu vàng hung, nào tóp mỡ màu nâu xám rải như hoa vây quanh mấy miếng « thịt bí tết » thái thật mỏng còn phảng phất màu hồng của huyết.

Không biết có duyên nợ gì không, tôi chúa ghét những màu sặc sỡ nên vừa nhìn tô mì Quảng với những màu sắc êm dịu hoà hợp ấy, tôi liền có thiện cảm ngay.

Lúc ăn gần xong một bát tôi mới biết ngon thật nhưng hình như thiếu một thứ gì đây. Nhìn dĩa đựng gia-vị ở bàn thấy một phần tám mảnh vỏ chanh đã bắt đầu khô nằm nghiêng thiếu não, tôi chợt nhớ ra và « à » một tiếng làm Du ngừng đũa, đưa mắt hỏi. Tôi ỡm ờ chọc Du :

— Mì Quảng danh tiếng của anh còn thiếu một thứ cũng danh tiếng.

— Gì ?

— Chanh.

Đến lượt Du nhớ ra, anh cũng « à » một tiếng tỏ vẻ đồng ý hoàn-toàn và gọi cô quán nhờ cho chanh.

Lượt mì thứ hai vừa bưng lên, tôi liền nhặt mảnh chanh nhỏ xíu thận trọng vắt vào bát và đùa :

— Hay quá ! Thế là hoàn - toàn. Mì Quảng thật sống động, đã thể hiện trọn vẹn ý nghĩa cuộc đời ? Nếu ta muốn hiểu đời qua sự phân tách của vị giác. Cay, chua, mặn, ngọt, béo trong bát mì Quảng đều có đủ cả.

Du buông đũa, đưa hai tay ra trước mặt, miệng ngồm ngoàm la lên :

— Hoan hô !

Tôi chưa kịp hiểu Du đã hoan hô gì thì đám trẻ nhỏ đùa nghịch ven quốc lộ trước quán cũng vỗ tay reo :

— Hoan hô ! đẹp ! ra xem bây ơi !

Tôi ngơ ngác nhìn ra khoảng nắng hăng hắc trước quán nhưng không thấy gì lạ. Một bày trẻ độ mười lăm tuổi tụ lại thành đám đang chỉ chỏ về một phía và vỗ tay reo cười hí hửng.

Tôi nóng nảy hỏi cô quán :

— Gì thế cô.

Nghe hỏi, cô quán bỗng nhiên đỏ bừng mặt nguýt lũ trẻ một cái thật dài và chửi đổng :

— Đồ yêu.

Tôi không hiểu tại sao cô quán lại mắng bọn trẻ là « đồ yêu » và đỏ bừng mặt thẹn thò chỉ vì một câu hỏi rất thông thường của tôi. Du ra bộ và hiểu chuyện, nhìn cô quán với vẻ giễu cợt :

— Hắn rồi.

Có gì lạ đây, phải hỏi mới được. Nhưng chưa hỏi những thắc mắc ấy tự nhiên được giải đáp ngay khi tôi thấy lũ trẻ ùa ra đường, lảng vảng bước theo một người đàn ông... trần trường như nhộng đi ngang qua quán, khoan thai từ bước một trên quốc lộ, với thái độ vô cùng bình tĩnh.

Cô quán trẻ măng lập tức quay ngoắt người xuống bếp, vừa đi vừa càu nhàu :

— Đồ điên, chết phức cho rồi đời.

Nhìn bộ điệu cô quán, Du chúm chiếm cười thỏa thích. Tự nhiên tôi cũng cười theo Du mà không hiểu mình đang cười với ý nghĩa nào.

Ai cũng có thể biết, thằng điên kia không có gì đáng cho cô quán thẹn thò cả. Cái đã làm cho cô không nhìn được phải thốt lời nguyền rủa kẻ khốn nạn ấy, chính là sự trần truồng trơ trẽn phần dưới thân người của hắn, Nhưng hắn là thằng điên...

Thằng điên trần truồng ấy có một thân hình đẹp như một lực-sĩ có hạng. Nếu không điên, với tấm thân cân đối ấy, hắn có thể làm các họa sĩ thích vẽ khỏa thân phải lòi tiền thuê làm kiểu mẫu.

Tuổi hắn xấp xỉ 40, tóc dài không hớt, mặt vuông, mắt sáng. Hắn có một thái-độ hiền hòa và bình tĩnh đặc biệt. Nếu hắn không cởi truồng đi nhồng nhộng ngoài đường phố đố ai dám bảo hắn là một thằng điên.

Tôi đã thấy nhiều người điên — có kẻ điên khóc khan suốt ngày. Có kẻ điên hung dữ thích đập phá, đâm chém. Cũng có người điên suốt ngày ngồi nói nhảm nhí luôn mồm. Nhưng đại loại, tôi chưa thấy ai điên như hắn đã điên.

Có lẽ cái nhân tính tự thẹn là bản năng mạnh nhứt của con người, cho nên dù điên nặng, điên nhẹ, tôi chưa thấy ai ở trần truồng nhòng nhọng suốt ngày đêm bốn mùa như hắn. Cái điên đặc biệt thứ hai của hắn là thái-độ rất hiền-hòa, từ tốn, không phá phách ai, không nói một lời không cười nửa nụ. Mặt lúc nào cũng trang nghiêm bình tĩnh dị thường.

Vẻ đẹp của thân thể và thái-độ hiền-hòa của hắn đã làm tôi mến hắn ngay lúc vừa trông thấy. Và với cảm tình riêng biệt, tôi không muốn hiểu hắn là một thằng điên. Dầu vậy, cái cảnh trước mắt buộc tôi phải hỏi Du :

— Hắn điên thật à ?

Du cười hỏi ngược lại :

— Ở truồng nhồng nhộng đi ngoài đường phố chọc giận đàn bà con gái mà không điên thì anh nói là thứ gì ?

— Tội nghiệp, trông mặt hắn hiền từ thế kia.

Du bỗng tắt ngay nụ cười. Anh chép miệng họa theo tôi :

— Tội nghiệp thật. Đúng như lời anh nói, hắn hiền từ lắm. Nếu không vì rủi ro có lẽ không bao giờ hắn điên cả.

À, Du biết rõ thằng điên. Với ai thì khó chứ với anh chàng lém mép này chắc không cần khảo cũng xưng.

Biết tánh bạn, tôi ngồi yên chờ đợi. Du lùa gắp đũa mì sau cùng trong lòng bát thứ hai, anh buông đũa ngồm ngoàm nói :

— Anh có biết vì sao hắn điên không ?

Tôi đủng đỉnh nói đùa :

— Khó gì, bộ mặt thất tình của hắn như hai năm rõ mười thế kia ai mà lạ.

Du xua tay la lên :

— Sai, sai bét. Lúc bị điên hắn đã có vợ ba con. Hắn điên vì chuyện vợ con.

— Thì cũng thế, khác gì.

Du trợn mắt cãi :

— Khác nhiều chứ, anh đừng cãi bướng. Hắn có nhiều chứng điên kỳ quặc lắm, anh muốn theo xem không.

Vốn sẵn có cảm-tình với thằng điên và cũng vì hiếu-kỳ, tôi gật đầu bằng lòng ngay.

Chúng tôi ra khỏi quán, đi về phía sông Tam-Kỳ. Trước mặt chúng tôi, xa lối (năm chục) 50 thước thằng điên trần truồng ấy vẫn đang thẳng tưng người nhìn phía trước xa xăm trong điệu-bộ một người đang bận suy nghĩ ghê gớm về một vấn-đề nào đó, rắc rối lắm.

Nếu chịu để ý một chút, tôi sẽ biết ngay, nếu đi theo lối bình thường của tôi, chỉ không đầy ba phút chúng tôi sẽ qua mặt thằng điên, và như thế thì hỏng. Du đã quen cách theo chân này nên anh ghìm tôi lại bảo :

— Đi đâu mà vội. Thong thả tôi nói sơ nguyên-nhân điên của hắn cho mà nghe.

Và Du kể :

— Trước kia, vợ hắn năm lần đẻ nhưng nuôi được có hai. Ác thay hai đứa đều là gái. Như hầu hết dân Việt-Nam mình, ai cũng muốn có ít nhất một trai để lo phụng tự tổ-tiên. Hắn cũng thế và có lẽ hắn còn tha thiết con trai hơn mọi người khác nữa, vì dòng họ hắn có tiếng hiếm hoi.

Người ta đồn hắn đi lạy mòn đầu gối khắp đền chùa đến mấy năm trời vợ hắn mới chịu đẻ đứa con trai độc nhất của hắn kia đấy. Anh có thể đoán biết hắn yêu đứa con cầu tự ấy đến bực nào, và gia-đình hắn thật đã cầu được ước thấy sung sướng biết bao. Thế nhưng, hạnh-phúc gia-đình hắn trong một phút tan vỡ chỉ vì...

Tôi hồi hộp cướp lời Du :

— Chỉ vì mấy phút lỡ lầm của người đàn bà. Thế thì hắn đã thông - minh biết được cậu quý tử kia chỉ là kết - quả của nhiều. . nhiều vụ mọc sừng chứ gì.

Tôi bị cự ngay :

— Anh nghĩ tầm bậy. Chính chiến-tranh đã phá nát hạnh-phúc gia-đình hắn.

Không cầm được, tôi cười lớn khôi-hài :

— Ô hô ! một lý do tổng quát.

Du nghiêm sắc mặt như một ông giáo già vùng quê đang lên lớp.

Tôi không hiểu tại sao anh cười được chuyện này. Anh thử nghĩ, chỉ trong mấy phút cả bốn mạng, vợ và ba con hắn, chết thảm khốc không kịp trối. Mà ác hơn nữa, chính đứa con cầu tự ấy đã chết vô cùng đau đớn trên cánh tay của hắn.

Và Du nói không kịp thở :

— Trong lúc vợ hắn đang xới rau ở vườn nhà, hai đứa con gái lẩn quẩn chơi cạnh mẹ thì một quả bom « na-pan » rớt ngay vườn làm ba mẹ con chết queo thành than. Lửa bom ria ra một ngôi nhà tranh bắt đầu cháy và máy bay cũng bắt đầu nhả từng thúng đạn xuống đầu người. Không một ai dám thò đầu ra khỏi hầm trú ẩn chứ đừng nói đến việc cứu cháy láng-giềng.. Giữa cảnh hung - tàn ấy, không biết hắn từ đâu hộc tốc chạy về nhà. Mặc súng đạn máy bay, mặc khói lửa. Hắn tuôn vào nhà ẵm đứa con cầu tự đang quay quắt trên chiếc chõng tre ngập lửa, mang ra và ôm đứa con đã bị thui chín nửa thân dưới, đứng sửng như trời trồng trong tiếng gầm thét của đoàn phi-cơ oanh-tạc. Đến lúc máy bay đi...

— Ơ kìa !

Tôi chỉ về phía hắn và thảng thốt la lên thế là vì thấy hắn vừa như hoảng hốt, vừa như hấp tấp có việc gì cần thiết lắm, đang cắm đầu chạy thẳng.

Du bình tĩnh quan sát hai bên lề đường trước mặt rồi nói :

— Biết rồi.

Tôi nắm tay Du thúc dục :

— Ta chạy lên cho kịp xem hắn chạy đâu.

— Không cần — Hắn chỉ chạy một khoản nhất định và làm một việc cũng nhất định. Tôi biết rồi. Thong thả còn kịp chán.

Tuy nói vậy nhưng Du cũng rảo bước mau hơn trước nhiều. Đi tới độ ba chục thước, đến sát mái quán tranh làm nghề thợ nhuộm ven đường, Du chỉ một chiếc thùng khá to đang sôi sục nấu đồ nhuộm và bảo :

— Hắn sợ cái này đây.

Tôi không hiểu :

— Sao lại sợ thùng nấu nhuộm.

— Không : Chính bếp lửa dưới thùng đang đỏ rực kia.

— Rồi Du nói tiếp :

— Giờ anh sắp biết hắn đã chạy đi đâu và làm gì.

Và Du dẫn tôi đến cầu Tam-kỳ thì dừng lại.

Theo tay Du chỉ, nhìn xuống dưới gầm cầu, thấy hắn đang nằm ngửa, gối đầu nơi mép nước, đầm mình dưới sông và hai tay ôm khư khư một tảng đá nho nhỏ ép vào ngực ra chiều yêu quý lắm.

Hắn nằm ngửa như thế thật lâu và không hề nằm yên. Nhìn kỹ rõ hắn cố ý nằm làm sao cho phiến đá nhỏ kia ngập trọn dưới làn nước mát. Nhưng hễ hắn trụt xuống cho nước ngập phiên đá thì mực nước lao lên chấm cằm. Và mỗi lần làn sóng lăn tăn kéo nhau vào bờ lại tràn vào miệng làm hắn phải trồi người lên. Cứ vậy mãi thành ra hắn luôn luôn xê-dịch tấm thân trần truồng dưới nước.

Nhìn cảnh hắn, tôi đoán được một phần đoạn kết nguyên nhân bệnh điên của hắn. Nhưng muốn chắc hơn tôi hỏi Du :

— Hắn làm vậy chắc có liên quan đến câu chuyện anh kể nửa chừng vừa rồi ?

Du gật đầu đáp :

— Chính thế. Ngày trước hắn đã mang con ra sông dầm nước mong cứu sống nhưng cứ chết. Hắn ở truồng nhồng nhộng như thế có lẽ vì bị lửa ám ảnh, Giờ hễ động thấy lửa thì hắn hoảng sợ chạy cuồng đến nơi có nước gần nhất, ôm một vật gì đó dầm nước mong cứu. Phiến đá kia chính là đứa con cầu tự tưởng tượng của Hắn.

Rồi Du nhìn ra xa, đâu tận cuối dòng sông xanh, anh nói một mình, giọng lạc lõng :

— Giờ hắn lại sợ lửa,.. Chắc hắn không biết, mấy nghìn năm trước đây, khi tìm ra lửa loài người mừng rỡ biết bao. Hừ ! Kẻ mừng người sợ. Sợ sợ mừng mừng, ngu thật !

HÀ-VÔ-HOÀI

« Trong tập Thác Loạn »

Tường thuật và chứng minh

Quintillien, giáo-sư la-tinh chuyên dạy thuật hùng-biện vào khoảng thế-kỷ đầu, vốn ưa chuộng tinh-thần cổ điển chân xác. Trong tập Institution oratoire, ông phản ứng chống lại khuynh-hướng cầu-kỳ của các người đồng thời, nhất là của Sénèque. Trong đó, ông có viết câu : « *Scribitur ad narrandum, non ad probandum* », On écrit pour raconter, non pour prouver. Người ta viết để tường thuật, chứ không phải để chứng minh. Ý ông muốn phân biệt hai lãnh vực của hai khoa khác nhau là lịch-sử và tu từ hay hùng biện.

ĐOÀN-THÊM

VƠ VẨN

Vườn im bóng, sao bụi hồng đưa đầy ?
Quấn mây bông gió ngủ lặng chân trời,
Ý xuân động nhựa trào hay để cựa ?
Bướm chập chờn lại ngỡ cánh hoa rơi.

Đen lay láy tơ nhung đào trắng nõn
Người áo hoa pha sắc phấn giao hương
Trong phơ phất xanh vàng tô dặm biếc
Ai ? về đâu ? mộng đẹp rẽ qua đường.

Đàn chim én phương nao về vẫy cánh
Đem xuân đi hay mang lại tin lành ?
Hay là tự muôn đời trang sách cũ
Hiện hồn thơ bay bổng nhập cao xanh...

Đ. T.

ĐỢI CHỜ

HELEN LAURIE WELCH
NGUYỄN-CHÂU dịch

Lời người dịch : *Truyện « A Time for Waiting » của H.L. Welch sau đây đã đoạt giải đầu trong số 4000 truyện ngắn dự cuộc thi truyện ngắn của báo Writer's Digest năm 1952. Với một bút pháp ăn nhịp với những diễn tiến tâm lý của nhân vật, bà H.L. Welch đã diễn tả một cách trung thực tâm-trạng của một thiếu nữ cố níu lại, cố tìm lại những giây phút lưu luyến ban đầu đang bị những phũ phàng của thực tế đe dọa làm tan vỡ. Bà đã dựng lên hai thế giới tương phản đến tàn nhẫn, thế giới của mối tình đầu trong lòng đêm xuân thầm lặng với ánh trăng dịu dàng, với mùi hương ngào ngạt của khóm tử đinh hương, với những sao suyến đê mê của nụ hôn đầu và cái thế giới ngột ngạt tầm thường đóng khung trong một căn bếp chật chội với ánh đèn chói chang, với bà hàng xóm kệch cỡm lắm điều, với những lời lẽ khiếm nhã... Sau cánh cửa bếp là một thế giới khác, và tất cả những cái kệch cỡm của thế giới đó đã làm thương tổn đến những giây phút thần tiên mà Jean đang nâng niu. Ghê tởm trước thực tế tầm thường, ngột ngạt ; sót sa vì những giây phút thiêng liêng ban đầu không còn trọn vẹn, người thiếu nữ tìm cách lẩn trốn về phòng và quyết tâm chờ đợi vầng trăng đã chứng kiến những giây phút thiêng liêng của nàng và Rick ra khỏi đám mây mù, để nàng tìm lại, khôi phục lại và sống lại những giây phút « ngàn năm chưa dễ đã ai quên ».*

Jean tì tay lên mặt kính của cánh cửa bên. Mặt kính mát rượi và thoải mái trên làn da mịn màng. Nàng muốn đứng trong bóng đêm như vậy thật thật là lâu nhưng nàng bắt buộc phải vào.

Giá mẹ nàng ngủ rồi... nhưng nàng nghe văng vẳng tiếng rầm rì ở bếp. Nàng không muốn vào căn bếp ấy chút nào. Những phút thần tiên quí báu hồi tối đã lắng xuống mất đôi phần rồi và nàng không thể chịu để nó tan biến đi được. Chưa thể được, dù chỉ trong giây lát. Dick, Dick...

Hai người đã đi kề sát bên nhau qua những con đường lặng lẽ, tràn ngập bóng đêm, nàng và Dick. Sau buổi hát hai người tới tiệm Sam uống sô đa và cả hai hết sức vui vẻ và hơi lố với một vài bè bạn trong đám đông ở tiệm hút bấy giờ, nhưng trên đường về thì họ lại chẳng biết nói gì với nhau. Dick chỉ cần nắm lấy tay Jean và đặt bàn tay ấy, vẫn nằm gọn trong những ngón tay khoẻ và trẻ trung của chàng, vào trong túi áo khoác của mình. Hai người chỉ cần đi lặng lẽ như vậy trong lòng đêm xuân thầm lặng.

Đến nhà nàng, cả hai rẽ vào con đường bên. Jean ngừng lại bên cửa ngách lặng lẽ ngước mắt nhìn Dick. Chàng dịu dàng kéo nàng ra khỏi cánh cửa và dìu vào sân. Hai người đứng trong bóng tối sẫm của khóm tử đinh hương mà mùi hương ngát đến đê mê suốt một mùa xuân. Mặt trăng dâng cao, nhuộm lên mặt sân và căn nhà để xe nho nhỏ một bóng tối huyền bí lung linh ánh bạc. Jean thấy chốn đó như xa lạ hẳn, một nơi mà nàng chưa sống bao giờ.

Dick quàng tay quanh người nàng và nàng thấy tay mình như tự ý trườn lên quấn quanh cổ người yêu. Họ đứng lặng như vậy một hồi lâu, và rồi Dick hôn nàng. Nàng nhắm nghiền mắt lại và trong một giây nàng cầu mong chàng đừng chú ý đến tiếng con tim bồi hồi rộn rã của nàng. Nhưng rồi, xát kế gò má nàng, nàng cảm thấy tim chàng giao động, giao động...

Nàng mơn man búp tay lên mặt chàng để cho chúng cũng có được chút lưu-niệm của phút giây này. Một mùi hương nhạt thoảng của lớp kem cạo mặt phẳng phất trên gò má mịn màng của chàng, làm lòng nàng dạt dào một niềm luyến thương tìu mến người yêu. Đầu chàng lại cúi xuống, đôi môi nàng run rẩy đợi chờ.

Hai người lại trở lại khóm tử đinh hương và bước chầm chậm lại khuôn cửa ngánh. «Chắc say cũng đúng thế này đây » Jean nghĩ, đầu óc lânglâng và liều lĩnh, hầu như thế giới chẳng còn gì trừ giây phút thần tiên ấy.»

Khi hai người đứng bên cửa, nàng thấy răng người yêu loáng lên trong bóng đêm và nàng biết đôi mắt xanh của chàng đang nhìn mình ra sao — ngập tràn âu yếm dịu dàng như mọi lần nàng thấy người yêu nhìn mình.

«Sáng sớm anh sẽ gọi điện thoại cho em ngay», chàng nói, lặng lẽ nâng cằm nàng lên và hôn nhẹ lên vầng trán.

Nàng đứng trong hành lang ngả đầu dựa trên khung cửa kính đăm chiêu, «thần tiên làm sao, trời ơi thần tiên làm sao...» Nàng thở dài thờ thẫn bước lên thang như đi vào trong mộng. Nàng mở cửa bếp.

Ánh sáng chói chang của ngọn đèn điện làm nàng bừng tỉnh, mắt nàng chớp nhanh đối kháng. Mẹ nàng và bà King hàng xóm đang ngồi uống cà phê ở bàn. Jean muốn lùi vào bóng tối che chở phía sau nhưng nàng mỉm cười với cả hai người. Nàng chào : « Mẹ, con đã về ; chào bà. Me và bà còn làm gì thế ? »

Đôi môi mỏng của mẹ nàng bĩu dài ra, bà nói một cách gay gắt : « Tôi cũng định hỏi cô thế đấy, tiểu thư ạ. Chả vì bà King với tôi cũng xem hát tối nay. Chúng tôi về nhà đã gần một tiếng rồi ».

Bà King ngồi dạng đôi chân, nháy mẹ Jean nói : « Dào ôi, bà còn lạ gì các cô các cậu thời này nữa » Bà ta quay ra phía Jean « Này Jeanni yêu đương tí tình hả ? À quên bây giờ người ta gọi là du dương mí nhau chứ !»

Jean thẳng thốt chùn lại trước những lời lẽ ấy. Chúng hầu như không có liên hệ với những người nàng biết. Chúng thuộc về cái bà King béo phục phịch trong căn bếp nhỏ bé ngột ngạt này. Mẹ nàng và bà King chờ nàng trả lời môi mẹ nàng thưỡi ra, môi bà King cười he hé, chờ đợi...

«Chúng con dừng lại ở tiệm Sam uống sô đa. Có cả mấy đứa khác ở đấy nữa» nàng trả lời mập mờ. Giá nàng có thể quay lưng và chạy khỏi chốn này.

« Tôi thấy bố cô ả Jean gọi cô ta hồi tối nay, bà ạ. Bà King lại nói với mẹ Jean. Cậu cả có vẻ bảnh trai lắm. Chỉ có một điều là liệu có tin được cậu cả hay không ? Bà Dennis ạ, lúc sinh hạ cháu Tommy tôi vẫn thường nói rằng tôi mong nó là con gái, nhưng bây giờ tôi cám ơn Trời, tôi chả phải lo lắng gì hết, thật thế, bà ạ ! »

Jean nhìn mẹ, đoán biết trước được sắc diện của bà. Vẻ, mặt khinh khỉnh gần như xúc phạm kèm với câu : «Hừm với cách thức tôi dậy dỗ nuôi nấng nó, tôi có thể tin nó được, không có gì đáng phải e ngại cả. Tôi căn dặn nó chả thiếu điều gì.»

Jean bước lúng túng tới bên chậu. Nàng mở vòi, hứng đầy một ly nước. Nàng có thể cảm thấy đôi mắt của bà King trên lưng nàng. Đôi mắt hau háu soi mói.

Nàng quay lại tựa eo vào vành chậu, nàng tì thật mạnh cho đến khi thấy đau điếng. Giờ thì nàng có thể nghĩ đến sự đau đớn ấy và giải thoát khỏi đôi mắt kia.

Bà King cười rính rích : «Ồ, bà biết đấy, bà Dennis, tôi nào có ý nói gì đâu. Tôi biết cháu Jean ngoan ngoãn. Trẻ ngoan bao giờ chả biết nghe lời : »

Jean đưa mắt nhìn những hình vẽ đã bị tróc trên chiếc thảm vải sơn. Nhìn cặp mắt lươn nhờ nhờ của bà King hay những ngón tay chuối mắn hồng hào của bà ta xiết lấy thành cốc cà phê, nàng không chịu nổi. Nàng có thể cảm thấy đôi mắt đó nhìn nàng, cả đôi mắt của mẹ nàng nữa — liếc vội

nàng rồi lại đảo đi ngay như chẳng dám nhìn đôi gò má mơn mởn đôi làn môi dịu dàng.

Bà King lại nói nữa. « Cũng như giá tôi trẻ lại hai chục tuổi thì cũng chẳng sao. Tôi thấy hình như bây giờ bạn trẻ được vui thú hơn lũ chúng mình nhiều. Dĩ nhiên, có dăm ba đứa đi quá xa. »

« Này bà King này, tôi cho bà hay, bà Dennis ngắt lời, hơi thở ngắn và gấp », tôi không muốn nghe chuyện ấy ở nhà tôi nữa đâu. Tôi đang dậy dỗ nó cho nên người trong sạch nết na. »

Bà King cười, hơi bối rối, « Ồ, dĩ nhiên là tôi có định nói gì cháu gái đâu, nhưng bà biết lũ trẻ nó thế nào chứ. »

Mặt bà Dennis đanh lại : « Làm gì mà tôi chả biết. Thiếu gì người kể cho tôi nghe. Nhưng con Jean nhà tôi nó là một đứa con gái nết na và tôi muốn nó giữ gìn được như thế mãi mãi. » Đôi mắt bà liếc Jean nghiêm nghị, chiếm đoạt.

Có một cái gì tối tăm kệch cỡm đã vào phòng này. Jean khẽ rùng mình, nàng cảm thấy sự hiện diện của nó nhưng không biết nó sẽ tấn công nàng vào chỗ nào. Nàng thận trọng đặt ly xuống.

« Thôi con đi ngủ đây. Con mệt lắm. Chào bà, chào mẹ ».

Ra khỏi bếp, nàng hít một hơi thật dài để trấn áp cái cảm-giác buồn nôn đang dực lên trong nàng. Nàng nghe thấy mẹ nàng đứng dậy lấy ấm cà phê trên bếp.

Cám ơn bà, thôi, một chút thôi », Bà King lễ phép nói lầm rầm : « Nầy bà ạ, cháu Jean thật xinh xắn quá đi thôi. Nếu tôi ở địa vị bà thì tôi cẩn trọng hết sức à. »

Tiếng ghế kẽo kẹt khi mẹ Jean ngồi xuống : « Bà đừng lo, Jean hiểu rõ mọi điều về đàn ông và biết họ đeo đuổi cái gì. Lắm lúc tôi nói toạc cả ra cho nó nghe chả giấu giếm gì cả bà ạ,

Bà King đáp : « Thế thì còn gì bằng nữa. Sao, những điều tôi có thể cho

Chim bay mỏi cánh

Đào-Tiềm, tự là Uyên-Minh, làm quan đời Tấn. Khi bỏ quan về, làm bài hát : « *Qui khứ lai* » *Đi về chứ* !, để tả cảnh từ quan về nhà. Trong bài hát có câu : « *Điểu quyện phi nhi tri hoàn* ». ý nói người chán nghề làm quan, muốn về nhà, chẳng khác gì như con chim bay mỏi cánh, muốn mau được về tổ.

cháu gái biết về đàn ông ấy à ! Để tôi cho bà hay, này bà Dennis này—»

Jean chạy về phòng ngủ và khép cửa lại... Nàng đứng tựa vào cánh cửa, thở dốc như vừa mới chạy thật xa. Nàng đứng đến một phút, rồi nàng bước ra cửa sổ nhìn xuống sân. Cảnh sắc thật thảm-đạm. Mặt trăng đã khuất sau vầng mây và trong ánh sáng chạng vạng vuông sân đã biến thành một bãi lầy chằng chịt vết bánh xe. Nhà chứa xe lờ mờ như một khối vuông xam xám, nước sơn rợp lên và tróc ra. Từ ở trên nàng nàng không trông thấy đến một nhành lá của khóm tử đinh hương.

Nàng quay vào và đi vài bước ngắn tới giường. Nàng nằm xuống giường và mắt mở lớn nhìn vào đêm tối. Họng nàng nghèn nghẹn một niềm tràn đầy kỳ lạ, không làm sao khiến nó thoát đi được.

Đột nhiên nàng vùng nhổm dậy và lại bước ra cửa sổ. Phút thần tiên thuộc về nàng — nàng đã nhìn thấy nó, nàng đã cảm thấy nó. Nàng kéo rèm và nâng cánh cửa sổ lên. Hơi đêm tươi mát phả vào khuôn mặt nóng rực của nàng. Nếu thò đầu ra, nàng sẽ thấy khóm tử-đinh hương ở góc nhà. Hương dâng lên sực nức ngọt ngào.

Nàng tựa vào thành cửa sổ, tì cằm trên đôi cánh tay khoanh. Mặt trăng chắc lại sắp ló ra. Nàng đủ kiên-nhẫn đợi chờ.

NGUYỄN-CHÂU
dịch theo « A Time for waiting »
trong « Anthologie of Best
Short - Short Stories

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SAN XUẤT VÀ BÁN

1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG*
— Đường miếng lọc
— Đường cát trắng ngà
— Đường cát trắng tinh
— Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— *CÁC LOẠI RƯỢU :*
— Rượu đốt 90°
— Rượu thơm 90°
— Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :
— *Các tiệm tạp-hóa*
— *Văn-phòng* **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
— *Kho 6 Bến Vân-Đồn* **(Đ.T. số : 21.360)**

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

THẰNG THU

TIẾNG trống « bum bum » làm cho thằng Ngọc đang hí-hửng xách lồng cu đi theo cha, bỗng quay lại :

— Cha à ! Cha coi. Lạ chưa kìa.

Cha Ngọc một tay xách cây sào dài, đầu có móc, tay kia cũng xách một cái lồng cu, quay lại :

— Gì đó ?

— Cha cai ! Họ đang đi rao cái gì kia.

Trên đường thiên-lý màu gan gà đã có nhiều người qua lại, hai cha con cùng ngạc-nhiên nhìn theo một cái đám rước khá kỳ lạ.

Gọi là đám rước, thật ra chỉ có hai người đi song song nhau : một anh lính giãn, mặc nhung phục đỏ, kẹp nẹp trắng, nón có ngù đồng lóng-lánh, hai tay trịnh-trọng nâng một tấm thẻ : một anh coi bộ là phu trạm, buộc dây lưng đỏ, trước bụng mang trống, hai tay gõ dùi nhịp nhàng vào mặt trống, chạy lóc-cóc theo anh lính kia. Cả hai từ ngả thành tỉnh hướng về phía sông Thu-Bồn, dẫn theo một bầy trẻ con long-nhong reo hò inh-ỏi.

Thằng Ngọc đưa vội cái lồng chim cho nó :

— Con ra coi. Cha giữ cái lòng nhé !

Không chờ cha đáp, nó vụt chạy đi, rẽ hết cái đám con nít mồ hôi nhễ nhại, lên hàng đầu để xem tấm thẻ. Nhưng khi đứng trước cái rừng chữ nho rậm rì, thằng bé chán nản dừng lại. Quế nói :

— Thôi tụi bay, về sửa soạn mà đi coi cho rồi.

— Chi đó ?

— Cháu ông Thu. Đó, họ đang đi yết bảng đó.

— Thu nào ? Có phải cái ông Thu tài giỏi ghê gớm lắm đó à ?

— Chớ còn ông Thu nào nữa. Ông đó có thể nhảy lên mái nhà, chuyền từ nóc này sang nóc khác như không.

— Ồ ! Chưa giỏi ! Cha tao nói là ông ấy kẹp hai tấm ranh hai bên nách mà bay nữa kia.

— Cũng chưa tài. Bác tao nói là ông Thu chạy mau kỳ lạ lắm. Cầm một tấm lụa trên tay, ông chạy là cả tấm lụa dài thườn thượt cứ đứng thẳng đơ như một cây sào vậy.

Chúng mặc sức bàn tán với nhau về cái tài giỏi của một người đang nổi tiếng khắp tỉnh, càng nổi tiếng thêm vì chỉ nội buổi sáng nay, y sẽ để đầu lại ở pháp-trường.

Lúc thằng Ngọc quay về, nó còn có dịp gặp bác giáo Tuất và ba nó nằm dưới gốc cây đàm đạo về chuyện Thu. Bác giáo Tuất vốn là hương-sư, có tư tưởng chính trị, đã bị bãi chức nên nay bác nhàn rỗi, cả ngày chỉ đi bắn. Bác dùng ná cao-su, chứ không hề bắn loại gì khác vì bác cho bắn tay, và người ta đồn là bác bắn con nào, nhất định phải trúng và chỉ phải trúng vào đầu mà thôi. Lời đồn có đúng không, chẳng rõ, chứ điều mà ai cũng biết chắc là chiều nếu bác về thì tay trái cũng xách theo một xâu cu đủ loại nặng trĩu, như một món thuế trời phải đóng cho một thiên tài. Cha Ngọc thì mấy lồng bẫy cu đã treo lên mấy cây mít, đang chờ cu gáy. Cả hai hình như đã nói chuyện gì với nhau khá lâu và đều có vẻ trầm tư.

Ngọc cũng nằm yên một bên cha. Lúc lâu, mới nghe bác giáo nói :

— Anh ta sở dĩ ăn trộm là vì cái cớ ấy.

Cha Ngọc cãi :

— Tôi thì cho là anh ta ăn trộm chẳng qua là cốt để lấy tiền mà hoạt động chính trị. Vì nếu không như thế, tại sao cả làng đó đều che chở anh ta kỹ như vậy. Tại sao không bao giờ có ai chịu tố cáo anh với nhà chức trách ? Họ cũng thèm món tiền thưởng của chính phủ lắm chớ.

— Đành là thế, ai mà không thèm tiền. Nhưng Thu là tay thủ đoạn. Y chỉ ăn trộm của Tây, của nhà giàu rồi đem về phân phát một phần cho người nghèo trong làng , để mua chuộc cảm tình. Hơn nữa, y là tay võ nghệ cao cường nên thưa báo lỡ ra nhà chức trách can thiệp không kịp thì cũng lại đến chịu cảnh : « Chờ mạ thì má đã sưng » mất.

Ngọc không hiểu những chuyện chính trị, chống đầu dậy, hỏi cha :

— Cha à, con nghe người ta nói ông Thu có thể đánh chạy cả trăm người, có thiệt không cha ?

Ông giáo cười phá tan hết cái không khí trang nghiêm :

— Sao không thiệt ? Mình cứ đánh năm ba anh cầm đầu rồi mà tinh thần còn cứng lại đừng nói bằng trăm, đến cả hằng nghìn người họ cũng nhôn nhao rồi tự đuổi nhau chạy ráo

*
* *

Khắp làng, khắp tổng, nơi nào cũng đang có chuyện bàn cãi ồn ào về Thu. Sôi nổi nhất là trong các quán rượu.

Quán Hương Tỉn từ nhà trên xuống dưới đều có người ngồi. Chén rượu ty, nhắm với trái ổi chua, chút muối trắng, nhưng cũng đủ để tuôn ra như thác. Một người nóng ruột hỏi lớn :

— Lạ, chờ mãi chờ hoài mà chẳng thấy chi cả. Hay là hoãn việc chém rồi ?

— Chú này nói nghe đến hay. Việc nhà nước mà y như việc nhà của chú.

Một người, giọng bô bô :

— Hay là cái chú Thu này... Lại vượt ngục lần nữa ?

— Có họa chú có phép tiên !

Bà chủ quán đang rót nước cho một ông khách, bỗng dừng tay hỏi :

— Ủa, chớ chú ta đã vượt ngục rồi à ?

Một tiếng cười khềnh khệch hơi khó nghe, phát ra từ miệng một người khách mặc áo lụa nâu đã cũ :

— Bà chủ giỡn hay thiệt đó ? Chớ vụ chú Thu này vượt ngục mà mà bà không hay biết gì à ? Chuyện động trời mà. Có hoạ là bà ngủ một giấc dài suốt năm nay rồi mới thức dậy đó hay sao ?

— Ủa, chớ vượt ngục lúc nào ? Mà tôi là đàn bà, làm sao biết cho hết được ?

Ông khách mặc áo nâu định trả lời bà quán lúc có người lạ đi vào : đó là một thanh niên có vẻ mặt xa lạ, càng nhìn kỹ, càng thấy giống hệt con gái, nhất là đôi lông mày cong cong và cái miệng thon thon. Nhưng cằm lại bạnh, cổ to, hai mắt thì sáng quắc, tinh anh khác thường ! Người lạ mặt chắc không phải ở gần đây, vì có mang theo khăn gói lớn và nước da tuy trắng trẻo, song còn thấy rõ màu phớt xanh của lá cây, của chứng sốt kinh niên ở núi rừng.

Người lạ mặt hỏi mua mấy cái bánh ngọt, kêu một bát nước chè đậm để uống và không nói lời nào. Tuy nhiên, nếu chú ý, người

ta sẽ thấy chàng hết sức lắng tai nghe mọi dư luận trong lúc lặng lẽ ra hiệu cho một cô bé đi theo, bảo ráng mà ăn uống.

Câu chuyện của ông khách mặc áo nâu lại nổ như pháo Tết.

— Này chị Hương — chủ quán — Chớ chị có còn nhớ trận lụt năm ngoái không ?

— Có.

— Chị có nhớ cả buổi chiều nước lớn, đến đêm nước lớn thêm rồi sáng hôm sau, khi nước sắp cạn, ở các đình, chùa La Qua, Phước Kiều, Thanh Chiêm đều có những người lạ đến tránh lụt (1). Rồi sau, họ tự xin ra đầu thú cả không ? Họ là tù vượt ngục cả đấy.

— Ông nói, tôi nhớ rồi. Trông họ ăn mặc rách rưới, mà bộ dạng đói khổ lắm. Chẳng lẽ cái chú Thu này mà lại...

— À, không... Mà chị có biết số tù vượt ngục bao nhiêu không ? Ước có mấy trăm người kia. Cầm đầu cho toàn thể tù vượt ngục là chú Thu này đó.

— Hèn chi mà chú bị tội nặng. Mà ông này ! làm sao chú Thu lại cầm đầu phá ngục nổi ? Bộ nhà lao tỉnh không kiên cố có tiếng hay sao ?

— Thì hẳn là kiên cố — một người có bộ râu ba chòm; ngồi đối diện người áo nâu kêu lên — Chung quanh là thành cao, bốn mặt có vọng gác, trước có cửa lớn Trong thì toàn là tường dày, cửa sổ song sắt ; gác làm toàn làm bằng gỗ lim cả. Nhưng chị Hương phải biết : với chú Thu này thì dù có sắt cây, chú bẻ cũng là gãy nghiến hết.

— Thôi đi, ông Cựu ! Đừng nghe thiên hạ đồn. Chú ta giỏi thì có giỏi hơn người đó, song nó cũng có chừng, có hạn chớ.

— Ông bảo có chừng, có hạn là làm sao ? Có chừng hạn là dám bẻ hết cùm lim rồi phóng lên mái nhà lao dỡ tranh leo xuống bẻ khóa sắt cho các tù nhân kéo rốc ra à ?

— Ông Cựu ! Ông nghe ai nói đó ?

— Lại còn nghe ! Ai mà chẳng biết vụ này.

— Họ nói cho nó « ly kỳ » đó thôi. Chuyện thiệt tôi biết là hôm đó, mưa gió liên miên, nước lụt mỗi lúc một dâng lên cao. Cơm nước do người lãnh nấu không mang tới được. Cả đám tù nhao nhao lên phản đối. Được dịp chú Thu mới đứng lên hô hào mọi người phá ngục mà ra, dẫu có chết đường cũng còn hơn chết đói. Thu chịu nhận tội làm thủ lãnh. Thế là mọi người ào ào xin theo. Họ hoàn-toàn nắm vận mệnh quân lính trong tay. Nạt tiếng thứ nhất đội đề lao giao ngay chìa khóa. Nạt tiếng thứ hai, lính ngồi thin thít cho bọ mở toang cửa đi ra. Cả bọn tù cứ mạnh ai là nấy trốn đi. Nhưng trận lụt đã bắt lại giùm cho chính phủ một số khá đông. Các tay « hảo hán » thì biệt tích. Chính-phủ ra lệnh truy nã ngay kẻ thủ lãnh. Nhưng chú Thu đã dông tuốt về, ở trong một cái hang đá trong núi.

— Anh hùng thiệt !

— Chớ anh hùng giả sao được.

Một ông lão trên sáu mươi, vừa chống gậy đi vào vừa lên tiếng tiếp lời khiến ai nấy bật cười. Ông cụ đứng thẳng lưng trước bàn rượu, chờ cho mọi người hết

(1) Đình chùa bao giờ cũng cất ở chỗ cao.

cười. Ông Cựu đẩy một chén rượu đến trước cụ :

— Mời Bác Trùm uống một chén cho nóng người rồi đi xem xử tử.

Ông cụ nâng chén rượu lên, rồi lại trịnh trọng đặt chén xuống, nghiêm nét mặt một cách hóm hỉnh, đặt câu hỏi :

— Tôi nghe các chú khen thằng Thu là anh hùng. Vậy thì anh hùng mà tại sao còn bị bắt ? Đã ở trong một cái hang đá, biệt tịch giữa núi non, hà cớ còn bị bắt ? Trả lời được, lão thưởng chén rượu này,

Câu đó gây được sự hưởng ứng nhiệt liệt.

— Thì tại y cô thân độc mã.

— Tại tài nghệ y còn non.

— Tại y không chịu nổi cảnh sống hui hút, xa mọi người.

— Tại số mệnh ! y không thể cưỡng mệnh trời.

Tất cả câu giải đáp đều được một cái lắc đầu đánh nhịp của cụ Trùm :

— Không đáp được là phải. Bọn mình là thứ trên dưới sáu mươi, đầu còn đủ hăng hái, ham sống mà hiểu được. Phải cái bọn trẻ với nhau, nó mới am tường được việc này, phải không các ông ?

Cụ quay sang người thanh niên có vẻ ở núi rừng về :

— Chú em thử đáp xem. Bọn thanh niên với nhau thì chắc hiểu được nhau.

Người thanh niên không đáp, ngượng nghịu, luống cuống bưng bát nước lên uống. Nhưng đôi má thốt nhiên bừng đỏ một màu đỏ thắm nó làm cho cử tọa cũng bừng hiểu, cười rộ cả lên. Ông cụ liền đọc hai câu thơ đang được phổ biến rộng rãi :

Chữ tình là chữ chi chi ?
Anh hùng hào kiệt nhiều khi cũng tình.

Rồi cụ lại đổi giọng, nói về « thằng Lía » :

Từ khi ta xuống cõi đời
Bao nhiêu gái ta chơi đã làu.

* * *

Quán bà xã Tương sáng nay tấp nập hơn bao giờ hết. Ai đi qua cũng đưa mắt dòm vào. Khách khứa đến uống rượu đầy nhà, kêu lấy ghế, lấy giường, bất cứ cái gì để ngồi cho được, thậm chí có người phải đứng, thế mà lạ là một mâm rượu thịt ngon lành ; đặt ngay nơi chiếc cửa chống dưới hàng hiên thì chẳng ai la cà đến gần cả.

Người ta chỉ trỏ, tìm hỏi rồi hồi hợp đợi chờ.

Mãi đến chín giờ mới có người khách đến dự bữa tiệc lạ này. Khách không đến một mình, tuy chẳng ai nâng chén với y. Y trạc ba mươi tuổi, người nẫm thấp, gần như ngũ đoản, da hơi đen, nhưng vẻ khỏe mạnh rắn chắc hiện rõ trên thân mình vạm vỡ, đôi cánh tay như búa, trên nét mặt quả cảm, lạnh lùng. Chiếc gông tạ gỗ lim có vẻ là món đồ trang sức hơi lạ trên cổ y ; nó chỉ làm cho y vướng chớ không làm nhọc tí nào. Hai sợi xích sắt buộc vào cánh tay nặng nề mà không ngăn những cử chỉ dễ dàng của y, biểu lộ tự nhiên. Phía sau y, lính tráng gươm giáo đứng chật nich. Mấy thầy, chú cai đã được nhà chủ kéo ngay ghế của khách đang dùng ra nơi ngồi, song chén rượu họ uống có chiều uể cải.

Chỉ có vị khách mang gông, bị xích — tên tử tù — là ăn uống mạnh bạo, ngang-nhiên, y xem bữa tiệc nầy chỉ là bữa tiễn đưa cần phải tận hưởng vì cuộc ra đi có

lẽ khá lâu dài hơn những viễn du từ trước. .

— Lấy thêm chai rượu, chủ quán :

— Lấy thêm đĩa thịt. Nhà quán nhớ là ta không quỵt đâu mà sợ. Xưa nay ta chỉ cho kẻ nghèo chớ đâu có thèm lấy của kẻ nghèo. Ta chỉ đánh thằng mạnh chớ đâu có thèm hiếp kẻ yếu... Cứ lấy rượu ngon ra đây ? Lần này chính phủ có lòng tốt đãi ta thì ta phải tận hưởng chứ ! Mà ta thề không bao giờ trở lại ăn uống ở quán này một lần nữa đâu !

Y cười một cái cười khá ròn-rã nhưng không có tiếng cười phụ họa.

— Mau lên chớ, chủ quán à ! Ta cần đi mau kẻo quan quân đợi. Đừng có chần chờ mà người ta tưởng thằng Thu lại đâm ra sợ chết.

Y tợp một hơi cả chén rượu lớn, nhai mạnh một gắp thịt thơm phức, cắn nguyên nửa củ tỏi cho sạch miệng rồi xoa tay đứng lên.

Cái ông khách mặc áo nâu và cái ông râu ba chòm đã theo chân tử tù đến quán bà Xã Tương chờ sẵn cũng đã đứng lên. Ông áo nâu hỏi bạn :

— Này, anh có thấy cái thằng thanh-niên mang khăn gói lúc nãy không ?

— Có. Hắn cứ ngồi nép một chỗ, không bỏ sót một cử chỉ nào của tử tù cả.

— Tôi dám cuộc với anh là. . . họ là. . . một bè đảng với nhau đấy.

— Bè đảng gì cái anh chàng bộ như đàn bà kia.

— Đàn bà ! Anh không thấy cái khí phách con nhà võ của hắn à ? Ô mà này, lạ chưa ! Thằng Thu không chịu đi chân.

— Anh không biết sao ? Ngay từ ngoài tỉnh hắn không chịu đi chân kia mà. Thành ra quân lính phải kiếm cái « kiệu » để cho bốn người khiêng đi. Bây giờ thì y đòi gì mà không được.

— Ừ nghe kia. Nó đang hát bội. Anh bảo có thú không ?

Quả thật, kẻ tử tù đang ngông nghênh hát một cách say sưa, y hát Bắc, hát Nam. Giọng y to và thanh, tiếng hát vang như sóng dậy làm xôn xao hết cả đám đông lẽo đẽo đi theo kiệu. Nhất là lũ trẻ. Chúng gần như quên hẳn cảnh đầu rơi máu chảy sắp diễn ra mà chỉ nhớ là đang được xem đám rước kỳ thú ? này quân lính với cái quần sặc sỡ, gươm giáo sáng lòa, nhạc ngựa của các viên giám-sát nghe dòn dòn êm tai. Nổi bật lên trên là một chiếc kiệu ngự trên vai bốn tráng đinh lực lưỡng, chễm chệ trên đó một người mang gông tạ, xích sắt ngông ngáo hát tuồng một cách say sưa. Thế chẳng đủ để chúng lao nhao hè theo tán thưởng ư ? Có đứa lại cả gan đánh trống miệng « bầm bầm » để thưởng chầu nữa. Tiếng trống chầu kêu gọi sự dạn dĩ của những đứa nhát nhất. Lũ trẻ có khiếu âm nhạc lập tức nổi

Thân lập thân

Đối với kẻ « Thân lập thân», người Anh-Quốc dùng một thanh ngữ rất xác đáng và rất linh hoạt, giống hệt thành ngữ của ta để gọi : *Self-made man*, người tự mình lập nên thân mình, tự mình đạt tới thành quả do chính mình gây nên.

bát âm. . . miệng lên : kèn, sáo, nhị, trống cơm. . . Lũ trẻ khác vỗ tay khuyến khích ... Đám rước người đi chết hóa thành đám rước vui, một niềm vui, người ta có thể hưởng bằng tất cả cay đắng nhất của tâm hồn.

*
* *

Cái vui dừng lại khi bãi chém hiện ra : một bãi cát lù lù « hàng tre một » nằm ở ven sông Thu Bồn, một Trường giang mênh mông, nước xanh biêng biếc. Dân các làng lân cận đã đến đứng vòng quanh theo một đường tưởng tượng. Những hàng nước, hàng quà vặt mọc lên tứ tung. Ngoài kia, ghe thuyền như lá tre đổ về khiến mặt sông cũng có một vẻ náo nhiệt, rộn rịp. Quang cảnh không kém một ngày Tết Tây có leo cột mỡ, liếm đít chảo, tưng bừng.

Kẻ tử tù được đưa xuống kiệu. Lãnh Điềm dẫn đầu, tiếp đến là các quản cơ, đội cơ. Bên văn quan có tư phủ sở tại cùng nha lại. Đao phủ thủ đi kèm theo tội nhân. Đám người long trọng đi vào giữa cái vòng người càng lúc càng thêm thắc chặt vì sự hiếu kỳ. Hương dịch, lính lệ mặc sức mà quất các thứ roi mây, roi cật ngựa lên đầu họ. Nhưng mặc ! Chừng nào con người « chọc trời quấy nước » chưa rụng đầu thì họ còn muốn được nhìn y tận mặt. Hình ảnh cuối cùng bao giờ cũng quan trọng, thâm tâm nhà chức trách cũng muốn như thế để vỗ an dân. Người xem xử tội không biết là đã giúp kẻ nắm giềng mối quốc gia thêm một bước lấn của sức mạnh, của đàn áp, của ý muốn khuất phục vào tư tưởng cá nhân mình... trong khi họ chỉ muốn thoả tính tò mò.

Kẻ tử tù không chịu để trói.

Tuyên án theo thường lệ.

Mặt tội nhân vẫn không thay khí sắc. Y cũng không có một người bà con nào cần vĩnh-biệt nên không khí pháp trường thiếu phần ảm đạm, thông thường.

Tội nhân không quì, chỉ ngồi bẹp xuống bên cạnh cây cọc tre.

Chiêng trống nổi lên khiến khán giả giật mình. Vội thế à ? Chẳng lẽ kết liễu đời một người mà lại giản dị đến thế ư ?

Nhưng tội nhân đã lặng lẽ vươn cổ ra phía trước với một thái độ lạnh lùng. Đao phủ thủ đã thẳng cánh dơ cao thanh kiếm. Tùng... Bi li.

— Phặp.

Nhát thứ nhất, chỉ vào thịt được phân nửa lưỡi kiếm. Cái cổ vẫn kiên nhẫn vươn tới.

— Phặp.

Nhát thứ hai. Cái cổ vẫn kiên nhẫn vươn tới dài hơn.

— Phặp.

Nhưng nhát thứ ba. Lần này, cái cổ không kiên nhẫn vươn tới nữa mà nó quay lại. Đôi mắt của tử tù mở tròn xoe muốn rách cả khoé mắt ra :

— Đồ khốn nạn. Mầy ăn lương cho cao, bổng cho nhiều mà lại chém đầu cha mày như thế à ?

Nhưng thấy đao phủ thủ đã luống cuống càng thêm luống cuống, tội nhân trở lại điềm tĩnh. Y lấy tay lau máu cổ mình còn lấp lánh đỏ trên lưỡi kiếm ung duug sửa lại lưỡi kiếm và dùng lời khoan hoà bảo đao phủ thủ :

— Chú cầm nghiêng nghiêng thanh gươm như vậy.

Được rồi. Bây giờ chú giơ thẳng cánh lên mà vụt xuống. Uống rượu nồng nặc như thế mà không có đủ can-đảm chém đầu một thằng tù hay sao? Chú đừng sợ tôi. Cổ tôi cũng mềm như mọi tử tội khác mà thôi.

Cái cổ lại kiên nhẫn vươn tới phía trước. Viên lãnh binh đứng kèm ngay phía sau đao phủ thủ hơi nhăn mặt khi thấy kẻ chân tay mình vung gươm lần thứ tư.

— Phặp!

Lần này thì quả nhiên đầu tội nhân bắn đi. Một luồng máu phụt mạnh lên rồi vẽ hình cong cao ngất, nổi bật trên màu cát trắng tinh dưới một buổi sáng rực rỡ. Viên lãnh binh thở ra một cái nhẹ nhàng và không khỏi lấy tay áo vờ sửa lại khăn đóng để lau khô giòng mồ hôi loang loáng trên đài trán.

*
* *

Trong khoảng chốc, người xem hành hình đỡ nhau ngùn ngụt kéo về. Các nẻo đường làng chật ních những người trầm lặng. Ghe thuyền cũng tức thì đẩy ra, tản mạn trên mặt sông.

Những kẻ hiếu kỳ nhất cũng rủ nhau về khi xác kẻ tử tội được ráp lại với đầu, được đặt vào chiếc hòm lót rơm, được khiêng đi vội vàng, máu đổ đỏ lối đi...

Hai « khán giả » cuối cùng còn lại là chàng thanh niên có vẻ sơn cước với cô em gái; họ lủi thủi dẫn nhau đi trên con đường ngập ánh sáng nó khiến không gian thêm cao, tràng giang thêm rộng và chân trời xa dần .. Tang tóc phủ trên gương mặt họ. Hai vai người thanh-niên như mang không nổi mối đau thương. Chàng để sự im lặng dẫn mình đi rồi ẩn mình ngồi xuống một gốc cây đổ bên cạnh đường. Quay lại pháp trường, đôi mày chàng cau lại rồi nước mắt cứ theo những cái nấc nơi vai ràn rụa chảy trên đôi má đã bắt đầu ửng hồng dưới nắng. Nhưng chàng không phải là hạng người thích khóc. Cho nên liền đó, chàng lấy vạt áo lau sạch cả nước mắt, cả mồ hôi, nhìn lại pháp trường một lần nữa, bảo em:

— Chị đã lầm, em ạ. Chị tưởng chị đã hiến thân cho một trang hào kiệt chỉ biết gì dân vì nước và khinh thường cái chết; chị không ngờ đã gặp một người chỉ biết có mình, biết vì mình mà rút cuộc cũng chỉ biết sợ hãi cái chết như những kẻ tầm thường...

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

CÁO LỖI

Trong bài « Ai sẽ đắc-cử Tổng-Thống Hiệp-Chúng-Quốc thứ 36 ? Kennedy ? » của ông Hoàng-Minh-Tuynh, đăng trên trang 15, trong Bách-Khoa số này, đầu đề, sau chữ Kennedy, ấn-công đã quên không đánh dấu (?) vậy trân-trọng xin bạn đọc thêm vào giùm cho và xin cáo-lỗi cùng bạn đọc và tác-giả.

BÀI THƠ BÊN THÁC

Nắng sớm nô đùa trên tóc ai
Tưởng đâu nước bạc cũng đa tài
Nhảy từ sâu thẳm lô nhô đá
Lên vuốt người thơ nhẹ áo dài...

Ngoảnh lại : rừng thông, thông, lại thông.
Cao, cao, cao vút, đến vô cùng ?
Có ai biết nước ra sao nhỉ ?
Đã xé mình qua mấy đoạn lòng...

Hậm hực dồn trong tiếng thét gào,
Quằng mình đập nặng : trăng hờn đau.
Vang vang uất ức, nao nao hận,
Cuồn cuộn đòi mau một dáng nào...

Cho dịu xót chua, đời thiếu nửa,
Cho bền chờ đợi, một niềm tin,
Cho tươi, tươi mát, đường xa nắng,
Nước đổ từ cao, xõa tóc, nguyền...

Nguyền một ngày mai, hết thác ghềnh,
Đồng bằng áo trải, lướt thênh thênh...
Nước thôi đau xót, êm đềm chảy
Giữa tóc tơ xanh : cỏ, lúa, tình.

Tình của nước non giờ sáng ấm,
Tình đôi người cũng hết xa xôi :
Riêng chung hòa lại, tình Thơ kết,
Ai thấu tình ai khép núi đồi...

Ai thấu tình ai ngát một đời...

Thác Đa-Tân-La — Thác Bờ-Ren
Trại Đại học Hè Đà-Lạt,
chủ nhật 26-6-60

NGUIỄN-NGU-Í

(Tôi có những người em gái nhỏ...)

Bách-Khoa vừa nhận được :

Rừng vàng (Phan-Huy-Nhân) — Ta chia tay (Nguyễn-Tiến-Đức) — Còn chúng tôi đây (Nguyễn-Trường-Thanh) — Vào đại lộ (Thanh-Linh-Tâm) — Tơ vương ; Thương thu ; Kỷ niệm ; Thay đổi (Hàn-Song-Tâm) — Hẹn buổi đăng trình ; Tự Tình (Thùy - Dương) — Bẽ bàng (Phạm-Văn-Bồng) — Lỗi một bước đi ; Chờ ; Lặng lờ (Ngọc-Hằng) — Tháng bẩy ; Mùa thu (Nguyễn-Thứ-Thảo) — Ý đời ; Gặp lại Anh (Vi-Long).

Đêm đông xứ Huế ; Yêu ; Gởi em ; Lên đường (Hải-Hùng) — Bơ vơ (Vũ - Quỳnh - Bang) — Hoa yêu (Đoàn - Tiên) — Giận thương (Ng.-Lê-Mai) — Tường vi và bươm bướm ; Mẹ yêu ơi ; Giận sắc ; Lan hồ điệp (Hoàng - Oanh) — Tâm sự chiếc lá cây rừng (Mộng-Trung) — Mùa hành quân (Huỳnh-Thanh-Tòng) — Vòng hoa phủng (Truug-Du) — Lòng thơ ; Đêm Liêu trai ; (Vân-Lam) — Ngày qua tháng lụn ; Bốn mắt buồn buồn (Trịnh-Khắc-Hồng) — Bến nước mười hai (Kim-Thu) — Chiều tâm tư ; Gởi bạn (Nguyễn - Định) — Giành sòng (Xuân-Tùng) — Vấn đề cứu xét ảnh hưởng trong văn chương (Mai-Chi-Dũng) — Ngày chủ nhật của Hoàng-Mai ; Chiều làng tôi (Hoàng-Mai) — Khối thị trường chung tại Tây Âu (Vũ-Văn-Hải)

Xin trân trọng cảm ơn các bạn tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặt-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Ô. Tâm-Đạm : Đã nhận được thư, thơ và truyện ngắn. Rất cảm ơn. Sẽ xin có thư trả lời riêng.

Anh Nguyễn-Phúc: Báo gửi về địa-chỉ cũ đã bị trả lại. Mong anh cho biết địa-chỉ mới và rất trông đợi sáng-tác đã nói trong thư gửi cho anh Ngư.

Ô. Kim-Tuấn (*Pleiku*) : Sẽ đăng « Hua lui Posat » Tuấn cứ gửi tiếp về tòa soạn. Thân mến.

Em Ngô-Đức-Chương (*Chợ-Lớn*) : Đã nhận thư và thơ. Việc cậy riêng, tiếc chưa giúp được. Hiện đang quá bận rộn Có tìm theo địa chỉ song không gặp nhà. Sẽ có thư riêng Thơ sẽ đăng.

Ô. Nguyễn-Trường-Thanh : Chúng tôi đã nhận được thư và thơ của ông. Thơ chúng tôi đưa bộ biên-tập và thư sẽ trao cho ông T.D. Xin ông cứ gửi thêm sáng-tác, chúng tôi sẽ có lời góp ý trên mục H.T.

Cô Hà-Hợp-Nguyễn (*Vĩnh-Long*) : Đã được thư và truyện gởi từ Lộc-Ninh. Sẽ có thư riêng. Mong cô gởi thêm những sáng tác khác.

Anh Nguyễn-Huyền-Viêm (*Phan-Rang*) : 35 số Bách-Khoa đầu, giá báo và cước bảo-đảm là 270$. Hai tập thơ, với cước : 110$. Sẽ còn 3 tập nữa. Mong đọc thư và thơ Bưu-phiếu đề tên ông chủ nhiệm.

Em B. Hội (*23 Nhà Trường, Hòa-Đa*) : Cám ơn em đã có lời gởi thăm. Lỗi sơ sót trong Bách-Khoa số 81, quả đúng như em đã nhận xét. Chúc em học sớm thành tài; em nhớ cổ-động thêm cho « Bách-Khoa » và « Mai ». *Nguiễn-Ngu-I*

Em Mai-Sau (*Phú-Quốc*) : Xin thể theo ý em, em hãy xem kĩ bài « Hương xưa » trong « Mai » số 1 và đem hết sức mình chống với định mệnh như chàng Kim, đã được sách báo và thư, và thơ rồi chớ ? Đừng quên cổ động cho « Mai » nhé, Nhớ thương và tin tưởng. T.H.H

Anh Nguyễn - Tiến - Lãng *(Paris)* : Đã chuyển giao thư anh gởi anh Vũ-Hoàng-Chương. Anh đã có nhận được sách biếu của anh Đông-Hồ chưa ?

Bạn Phạm-Đồng (*Paris*) : Lâu quá, vắng tin. Từng hứa gởi sách báo về khoa học, kỹ thuật cùng bài vở và thơ, mà sao chẳng thấy ?

Cô-Kiều-Yiêu (*Bạc-Liêu*) : Sách đóng lại, cùng sách hai anh Lê-Ngọc-Trụ và Võ-Phiến tặng, vẫn còn nằm chờ người nữ sinh của bạn đến nhận. Có lẽ « nàng » cũng là một nhân vật... Liêu-trai chăng ?

T.U- Đặng-Trần-Huân *(Phi-Luật-Tân)* : Có được thư anh và bài thơ « Vọng phu » của Huy-Thông. Mong ngày gặp lại để ta nói tiếp việc thơ, xưa và nay.

N.H.N.

Cậu Nguyễn-Văn *(một học sinh Nha-Trang)* : Đã được thư. Rất cảm động. Xin cho biết địa chỉ để liên lạc thư từ.

T.V Kiểm

Ô. Nguyễn-Bạt-Tụy. — Mong ông tiếp gửi bài và xin cho biết địa chỉ hiện tại.

Ô. Võ-văn-Thận *Vĩnh-Long*) : Ông N.H. L. đã trao cho chúng tôi bốn bài thơ của ông. Trân trọng cám ơn ông.

GIỚI - THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

— « **Địa lý lớp ba** », của ông *Nguyễn-Hữu-Hồng* soạn theo chương trình bộ *Quốc-gia giáo dục*, nhà sách *Yên Sơn* xuất bản và gửi tặng giá bán 24$.

— « **Địa lý lớp nhất** » ; của Ô. *Nguyễn-Hữu-Hồng* soạn theo chương trình mới, do nhà sách Yên-Sơn gửi tặng. Giá bán 25$.

— « **Việt sử lớp nhì** », của Ô. *Nguyễn-Hữu-Hồng* soạn và nhà sách *Yên Sơn* gửi tặng. Giá bán 25$.

— « **Mây Thu** », tuyển tập của 19 văn-nghệ-sĩ gồm nhiều truyện ngắn, thơ. Tuyển tập « **Mây-Thu** », bìa do họa sĩ *Tạ-Tỵ* trình bày, *Tố-Như* xuất bản và nhà in *Trường-Thi* ấn hành. Bản phổ thông giá 85$00, bản *Hợp Phố* giá 175$.

— « **Sai biệt** » thi phẩm của *Thế-Phong* do *Sùng-Chính-Viện* xuất bản, và tác-giả gửi tặng. Thi phẩm gồm 21 bài, in ronéo, không ghi giá bán.

— « **Hoa gương Hương gió** » thơ của Ô. *Thuần-Phong* sưu tầm từ 1929-1935, gửi tặng. Thi phẩm quay ronéo, giá bán 100$00.

— « **Phương pháp hàng Đội** » của *Hội hướng đạo Việt-Nam* » gửi tặng, « **Phương pháp hàng đội** » do ông *Roland Phillips* soạn, Ô *Robert Baden-Powell* đề tựa bản dịch của các ông *Tôn-Thất-Đồng* và *Nguyễn-Quang-Quỳnh*,

— « **Hóa học đệ nhất A.B.C** » của Giáo Sư *Dương - Sâm* và *Nguyễn-hoài-Minh* soạn và gửi tặng., « *Hóa học đệ nhất A.B.C.* » hợp với chương trình của bộ Q.G.G.D. Sách dày 172 trang giá 40$

— « **Trái tim Đức Mẹ** » số 1 tục-bản, phát-hành đầu tháng Tám dương-lịch.

— Cuốn « **Văn phạm Anh toàn bộ** », *loại mới, in kỳ thứ 6*, dày 370 trang, của giáo sư Lê-Bá-Kông soạn và gửi, tặng giá 70$.

— Bản nhạc « **Văn Hiến hành khúc** », bản biệu ca của trường Van-Hiến *nhạc của Lương-Phương*, lời của Phan-Ngô, giá bán 5$.

Xin trân trọng cảm ơn các tác-giả và ân cần giới thiệu với độc-giả thân mến.

*
* *

BÁO MỚI

— « **Trái tim Đức Mẹ** » do *Linh-Mục Minh-Đăng* làm giám-đốc, tòa-soạn tại đất Dong Đồng-Công, Thủ-Đức và phát-hành tại 673 Trương-Minh-Giảng Saigon.

Bách-Khoa xin chúc đồng nghiệp được nhiều may mắn trong dịp tục bản và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE
DU VIETNAM
55 Đường NGUYỄN-HUỆ - SAIGON
Agent Exclusif
POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE

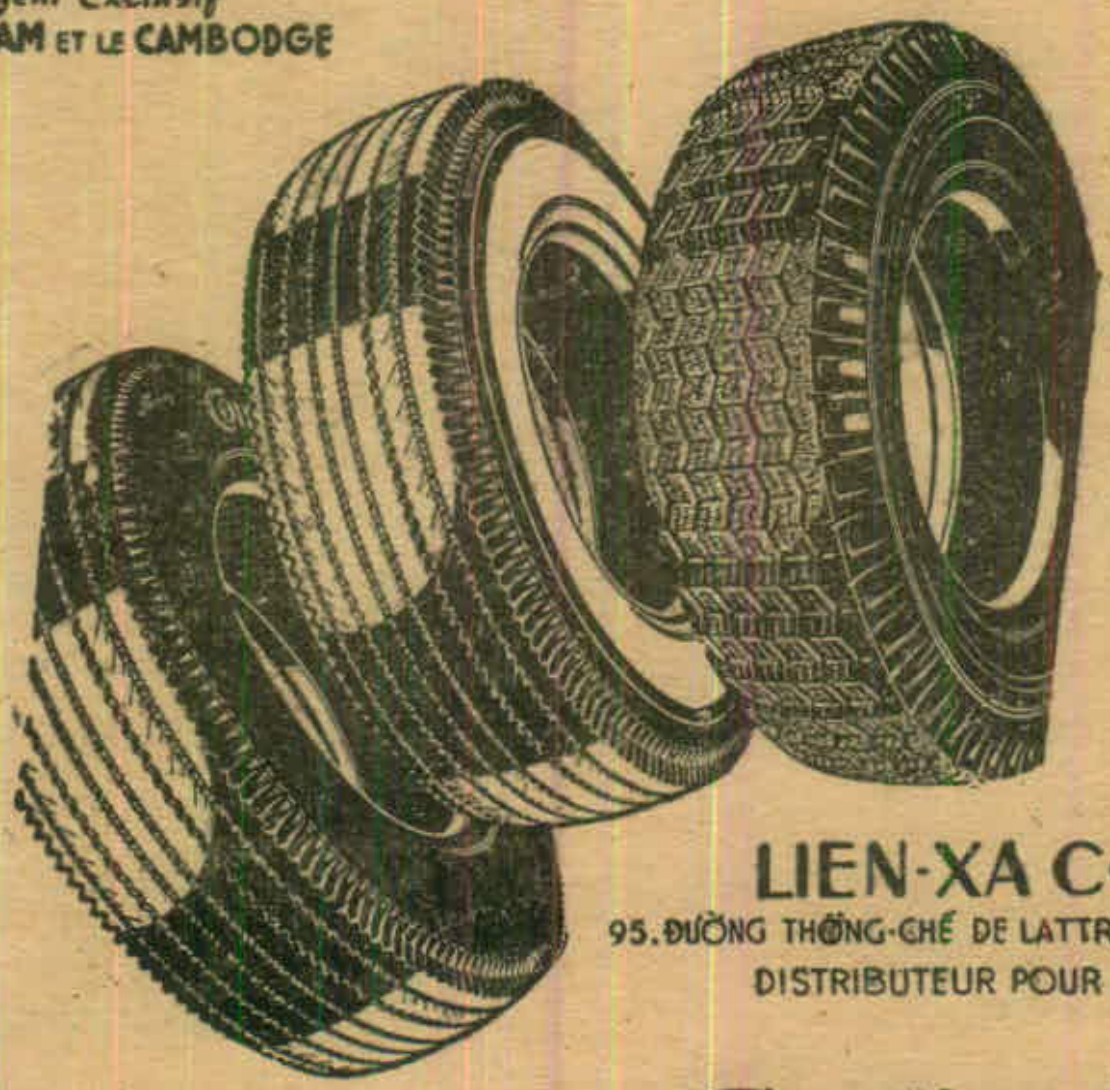

LIEN-XA CONG-TY
95, ĐƯỜNG THỐNG-CHẾ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM
Continental

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER
AIR LAOS
RENSEIGNEMENTS-RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON
TÉL: { 22.102 / SGN: 34

Lời kêu gọi của Ủy Ban Cứu Trợ Nạn Nhân Hỏa Hoạn

Thưa Quý Đồng-Bào

Trong những tháng nắng hạn, mặc dầu dân chúng cư ngụ trong các vùng đông đúc hết sức đề phòng hỏa-hoạn, rất nhiều xóm nhà cất bằng vật-liệu nhẹ bị thiêu hủy, gây nên cảnh màn trời chiếu đất cho hàng chục vạn người, không không riêng gì ở Đô-Thành Saigon, mà tại các tỉnh cũng có xảy ra.

Trong khoảng khắc, bao nhiêu cơ-nghiệp của dân lành xây-dựng bằng mồ hôi nước mắt bị tiêu tan ra tro bụi, và biết bao làng mạc biến thành hoang địa sắc ám. Tạm-trú trong những túp lều cấp tốc dựng lên, hằng ngàn trẻ thơ khóc sữa bên cạnh các bà mẹ đau khổ, đợi chờ bàn tay tế-độ của các giới Đồng-bào.

Chính-quyền địa-phương cũng như các đoàn-thể sở tại đã cố-gắng giúp các nạn-nhân, nhưng sự giúp đỡ ấy chỉ được thực-hiện trong một phạm-vi nhỏ, thành ra mãi đến nay, một số lớn nạn-nhân hỏa-hoạn vẫn chưa xây-dựng lại nổi nhà cửa để tiếp-tục cuộc sống như thường-lệ.

Với mục-đích cứu-trợ một cách hữu-hiệu, Ủy-Ban chúng tôi được phép thành-lập do nghị-định số 536-BNV/HC/NĐ ngày 24-4-1960 của Ông Bộ-Trưởng Nội-Vụ, để mở cuộc lạc-quyên trong toàn-quốc.

Ủy-Ban chúng tôi sẵn sàng tiếp nhận mọi sự cứu giúp của Đồng-bào, bằng tiền bạc, thuốc men, áo quần, chăn màn, vân vân.... để chuyển đến các nạn-nhân. Ủy-Ban thế-tha kêu gọi từ-tâm của Đồng-bào, để cho công cuộc cứu-trợ được kết-quả mỹ-mãn, trước khi mùa mưa bắt đầu.

Một món quà thường hoặc một số tiền nhỏ gởi đến Uy-Ban, do sự dành dụm của Đồng-bào trong các chi-phí lặt-vặt hàng ngày, vẫn có một ý nghĩa cao quý, vì nó thể hiện tấm lòng bác-ái của Đồng-bào và nêu cao tinh-thần liên-đới xã-hội của các từng lớp nhân dân trong nước.

Nhân danh các nạn-nhân hoả-hoạn, Ủy-Ban xin trân-trọng cảm-tạ trước tấm thịnh-tình của Đồng-bào.

Thay mặt « Ủy-Ban Cứu-Trợ Nạn-Nhân Hỏa-Hoạn »

TRƯƠNG-VĨNH-LỄ

Xin liên-lạc với trụ-sở tạm thời của Ủy-Ban đặt tại số 176 đường Tự-Đức Saigon Điện-thoại số 25.220.

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

PASTILLES: { VANCO MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BAO-CHẾ VANCO

TRU'O'NG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE
Tai-nạn Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.921 — Boite postale : 276
1, Duong Nguyên-Siêu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi nă ừ 300$ đồng trở lên.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

Văn - Hóa Á - Châu

TẬP III, LOẠI MỚI, SỐ 4

Phần khảo luận :

— Tinh thần nhân bản Đông Tây (Hùng-Đức) ;
— Lịch trình phát triển tư tưởng Nhật-ban (Đoàn-văn-An),
— Từ trào Trung-hoa (Nguyễn-đăng-Thục),
— Tề Vật Luân (Trang-Tử),
— Vấn đề ngôn ngữ tại Phi-luật-tân (Trần-trọng-San).
— Nguồn gốc dân tộc Việt-Nam (Hoàng-vân-Nội),
— Nhân vật chi, (Phan-huy-Chú),
— Điều trần về kinh tế quốc gia (Nguyễn-trường-Tộ).

Thời cuộc :

— Tình hình quốc tế trong tháng qua (Trần-việt-Sơn).

Sinh hoạt văn-hóa :

— *Đọc sách* : « Bertrand Russel và cơ hội may mắn cuối cùng của nhân loại ».
« Thơ : Hai cánh Hoa tim của Song-Hồ » ;
« Tân xuân Tùy bút của Lê-văn-Siêu » ; vân vân ...

Tòa soạn : 201 Lê văn Duyệt, Saigon

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam-Vang Chi Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Hút Thuốc Thơm

Mã nhật tân

Sáng Tinh Thần

Sản -

- Nghệ -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15 $

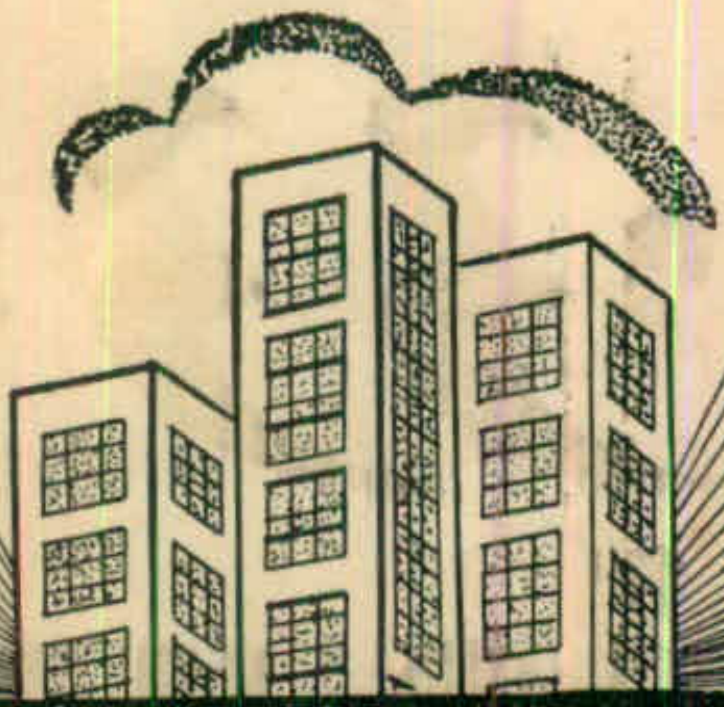

LA-VE "33" HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :
Tòa Soạn : 160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn
Dây nói : 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công sở : 15$

Nhà sách PHÚC-THÀNH
58, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon